Đặc san
Văn hóa Thể thao NGHỆ AN
SỐ 09 (THÁNG 5/2023)

TRONG SỐ NÀY

VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

MẠCH QUANG THẮNG — Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 4

THÀNH CHƯƠNG — Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc 11

ĐẤT & NGƯỜI XỨ NGHỆ

LÊ MIÊN — Sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh 14

PHẠM BÁ NHIỄU — Nhà văn Sơn Tùng - người con xứ Nghệ thầm lặng và ý chí sáng tạo trong cả cuộc đời 20

VƯƠNG LONG — Có một ngôi miếu thờ đạo học 23

GẶP GỠ VĂN HÓA

TRANG ĐOAN — NSƯT An Ninh: Phải trăn trở, tâm huyết, đầu tư hơn nữa cho dân ca Ví, Giặm 26

NHỮNG GÓC NHÌN VĂN HÓA

ĐẶNG CÔNG THÀNH — Chủ tịch Hồ Chí Minh và vấn đề giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc 29

BÙI HÀO — Sưu tầm hiện vật và trưng bày bảo tàng trong bối cảnh đương đại 33

NGUYỄN KHẮC THUẦN — Gia tài để lại của nhà nghiên cứu Trần Minh Siêu 37

LÂM THY — Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ở Nghệ An 39

BÙI TÙNG ẢNH — Những sáng kiến chấn hưng văn hóa đọc 43

DIỄN ĐÀN VĂN HÓA

PHẠM THẠCH HOÀNG — Đã là tăng không thể tục như người thế tục! ... 46

CỬA SỔ VĂN HÓA

HỮU ĐỨC — Nét đẹp văn hóa ở đất nước hạnh phúc nhất thế giới 48

Chịu trách nhiệm nội dung:
ThS. TRẦN THỊ MỸ HẠNH
Giám đốc Sở Văn hóa & Thể thao

Biên tập:
QUÁCH THỊ CƯỜNG
CHU THỊ XUYẾN
HỒ MẠNH HÀ

Trình bày:
QUANG MINH

Địa chỉ:
Số 74, Đ. Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại:
0238.3844511 - 0902121415
Email:
vanhoanghean2021@gmail.com

VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

PHẠM XUÂN CẦN — Trường Ấu học Giai Lạc, chứng tích cuối cùng còn lại về giáo dục Pháp - Việt ở Nghệ An.....50

TRẦN TRUNG HIẾU — Quy định không được phê bình học sinh trước lớp, trước trường là một bất cập.....52

XỨ NGHỆ NGÀY NAY

VŨ DUY — Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ: Những dấu ấn khó quên.....54

TRANG ĐOAN — Lễ hội Làng Sen - Sự kiện văn hóa độc đáo của xứ Nghệ.....57

LƯƠNG VÂN — Độc đáo phong tục hát dân ca trong đám cưới của đồng bào Mông ở Nghệ An.....59

ĐÀO THÚY HOA — Ca sĩ Quế Thương và những khát khao vươn ra "biển lớn".....62

MAY HUYỀN — Khởi sắc nơi bản sơn cước Huồi Sơn.....66

- **Bìa 1:** Ảnh: XUÂN THUỶ
- **Bìa 2:** Ảnh: HÀ HỒ - NGUYỄN ĐẠO
- **Bìa 4:** Ảnh: HÀ HỒ - ĐÌNH TUYÊN - PHAN LÀNH

In 500 cuốn, khổ 19 x 27cm tại Công ty TNHH In Hòa Nhơn - Số 6/6 Lê Khôi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Giấy phép xuất bản số: 44/GP-XBĐS do Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 23/03/2023
In và nộp lưu chiểu tháng 5/2023

Để phát triển đất nước cần chú trọng văn hóa đọc

Nhà văn Mỹ Ray Bradbury có câu: "Không cần phải đốt sách để phá hủy một nền văn hóa. Chỉ cần khiến người ta ngừng đọc chúng mà thôi." (You don't have to burn books to destroy a culture. Just get people to stop reading them). Câu nói có lẽ nên được xem là một lời cảnh tỉnh cho những quốc gia chưa thực sự chú trọng đến sách và việc đọc sách, trong đó có Việt Nam.

Câu chuyện về vai trò của sách và việc đọc đã quá quen thuộc nhưng luôn cần được nói đến. Tuy nhiên, đã đến lúc phải thay đổi cách truyền tải thông điệp, bởi rõ ràng những gì chúng ta làm trong thời gian qua là chưa hiệu quả và rất sáo mòn. Số liệu của Bộ Thông tin & Truyền thông và Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch cho thấy tỷ lệ người đọc sách và số sách người Việt đọc hàng năm vẫn rất thấp. Theo đó, bình quân mỗi năm, người Việt đọc 2,8 cuốn sách; có đến 26% người Việt hoàn toàn không đọc sách và 44% thi thoảng đọc, tức là hơn một nửa dân số Việt hiếm khi đọc sách. Trong khi đó, theo một thống kê khác, người Việt, đặc biệt là giới trẻ dùng khoảng 7h mỗi ngày cho các ứng dụng trên điện thoại di động mà chủ yếu là mạng xã hội như Facebook, Instagram, youtube, Tiktok,…hay các trang mua sắm online. Chúng ta có thể bỏ hàng giờ đồng hồ để giải trí bằng những video vô bổ, những trò chơi điện tử, những lần tìm kiếm mua sắm,…nhưng không thể bỏ ra khoảng 15-30 phút mỗi ngày để đọc sách. Tại sao vậy? Một số ý kiến cho rằng vì sách không hấp dẫn, sinh động; vì chưa có thói quen đọc sách; vì mặt bằng kinh tế còn khó khăn;…nhưng thiết nghĩ, quan trọng nhất, vẫn là vì chúng ta chưa thấy vai trò thực sự của sách, của việc đọc.

Thực tế cho thấy không một quốc gia phát triển nào lại có tỷ lệ người đọc sách thấp cả. Thậm chí, sách đã mang đến cho nhiều nước sự thay đổi thần kỳ mà minh chứng rõ nét là Nhật Bản hay Israel. Các quốc gia này đều tin sức mạnh của tri thức, của trí tuệ con người là yếu tố then chốt để phát triển đất nước, để đưa đất nước thoát khỏi những thời kỳ khó khăn. Và lẽ dĩ nhiên, muốn làm giàu tri thức, phát triển trí tuệ, tiếp cận với văn minh nhân loại thì không có con đường nào hơn là đọc sách.

Vấn đề đặt ra là liệu có vô lý không khi Việt Nam là một quốc gia có truyền thống hiếu học nhưng tỉ lệ đọc sách lại thấp? Lẽ nào truyền thống đó đang dần bị mai một? Hay thống kê là chưa chính xác? Đúng, Việt Nam là một đất nước có truyền thống hiếu học. Đối với một số vùng quê, học là con đường duy nhất để giúp họ thoát nghèo. Tuy nhiên, thời gian gần đây, nhận thức xã hội dần có sự thay đổi, xuất khẩu lao động hay học nghề là hướng đi được ưa chuộng hơn. Bên cạnh đó, việc hiếu học của người Việt hiện không mang họ đến gần với thói quen đọc bởi họ học theo hướng phục vụ thi cử. Nói cách khác, người Việt, đặc biệt là giới trẻ, chủ yếu đọc theo hướng thụ động. Họ chưa chủ động tìm kiếm các nguồn sách mà mình yêu thích, các đầu sách cung cấp tri thức ngoài những gì buộc phải học trong nhà trường. Nói cách khác, chúng ta thiếu vắng những người đọc chủ động.

Bên cạnh tình trạng không mặn mà với sách thì Việt Nam cũng đối mặt với việc khan hiếm sách chất lượng trên thị trường và cả vấn đề đặt ra đối với chất lượng của việc đọc. Làm sao để thị trường có nhiều hơn những cuốn sách hay và người đọc tìm đến nhiều hơn với các dòng sách nghiên cứu, sách về văn hóa, lịch sử, khoa học, nghệ thuật,… thay vì đắm mình trong những cuốn sách ngôn tình hay sách kém chất lượng? Để thay đổi thực trạng này không phải là câu chuyện một sớm một chiều, nó cần sự chung tay của toàn xã hội và cần những bước chuyển từ từ. Việc quan trọng cần làm trước hết là thay đổi cách làm mang tính hình thức hiện nay, là phát huy tối đa hệ thống các thư viện. Sách không phải là vật dụng để trang trí, nó cần được đọc và những kiến thức trong đó cần được lan tỏa. Các nhà trường và gia đình cần đẩy mạnh giáo dục về vai trò, tầm quan trọng của tri thức, của sách đối với cuộc sống. Thay vì để những cá nhân, hội nhóm trong những nỗ lực phát triển khuyến đọc rời rạc, Nhà nước, đặc biệt là ngành Văn hóa cần đồng hành cùng những chiến dịch đó để hướng đến xây dựng một xã hội tri thức.

Đã gần nửa thế kỷ trôi qua kể từ khi đất nước thống nhất, chúng ta cần phải hành động mạnh mẽ hơn nữa để đưa đất nước phát triển xứng tầm, xứng đáng với hy sinh của thế hệ ông cha. Muốn làm được điều đó, phải chú trọng vào sức mạnh của con người, sức mạnh của trí tuệ, của tri thức chứ không thể là một nhân tố nào khác. Sự thành bại của một quốc gia phụ thuộc vào các thế hệ công dân của họ và muốn có những thế hệ công dân văn minh, tiến bộ thì điều cần làm lúc này, không thể khác, là phát triển văn hóa đọc!

VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN

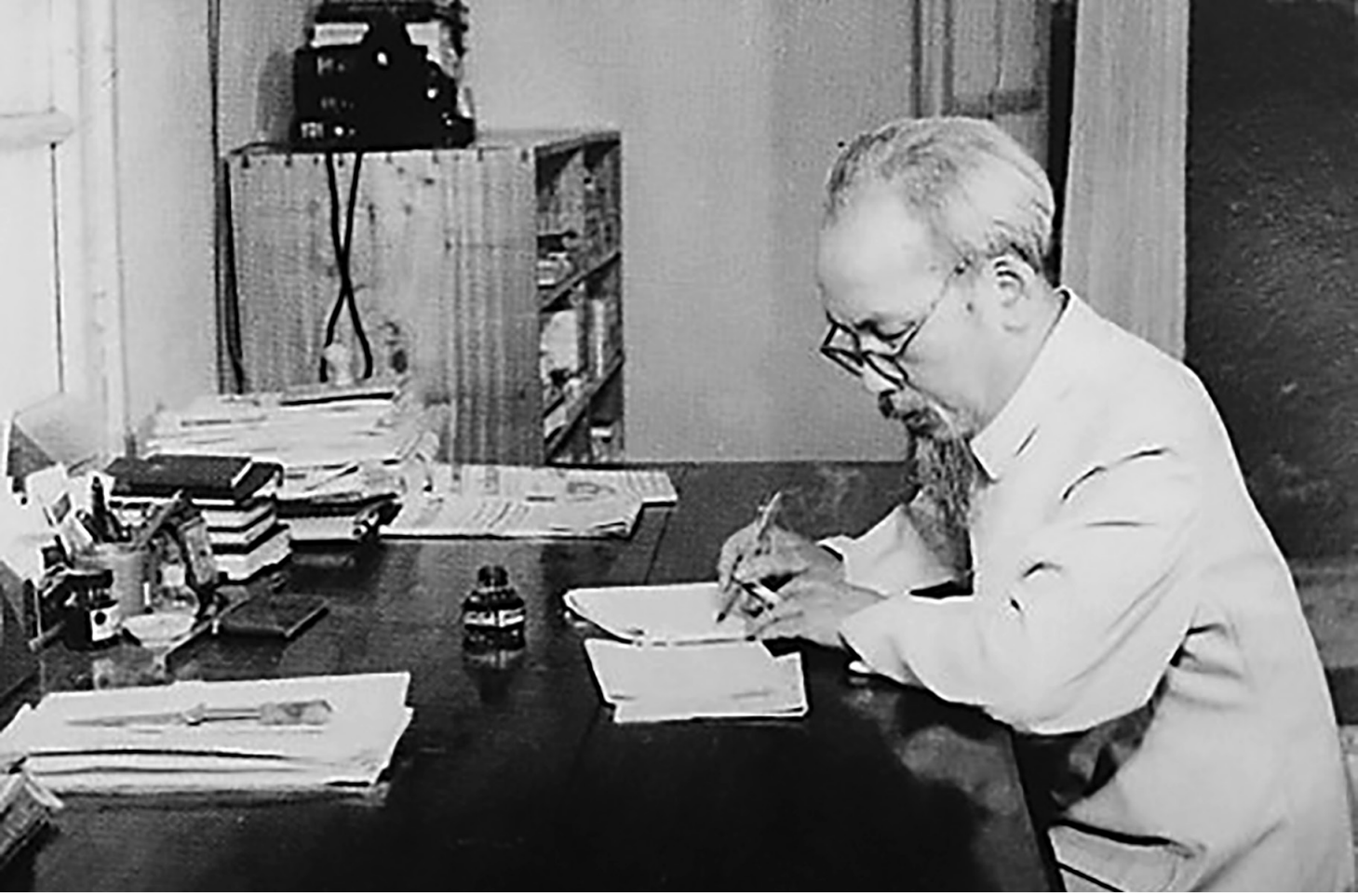

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Ảnh: Tư liệu

Xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

MẠCH QUANG THẮNG

1. Vấn đề Đức - Tài trong quan điểm Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh không đưa ra một chuẩn mực cụ thể về con người Việt Nam. Tùy từng hoàn cảnh, Hồ Chí Minh nêu quan điểm về điểm này điểm nọ, về người này người nọ. Chẳng hạn, đối với thiếu nhi, Người nêu 5 điều[1]; đối với Công an nhân dân, Người nêu lên 6 điều[2]. Nghĩa là Hồ Chí Minh đề cập vấn đề con người trong nhiều trường hợp khác nhau. Quan điểm chung nhất mà Hồ Chí Minh nêu về tiêu chí con người, đó là con người vừa có *đức*, vừa có *tài*. Hay như trong *Di chúc*, khi nêu quan điểm "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết", Hồ Chí Minh dặn: "Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo

họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa "hồng" vừa "chuyên""[3].

Đức - Tài; hoặc Hồng - Chuyên, hay Phẩm chất - Năng lực, những cặp đó là những chỉnh thể làm nên "hình hài" của một con người. Trong mối quan hệ Đức - Tài, Hồ Chí Minh nêu rõ rằng, "có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người"[4]. Một trong những quan điểm điển hình về điều này của Hồ Chí Minh là Người nêu đức của con người như gốc của cây, như nguồn của sông, như cái căn bản của con người: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được Nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?"[5].

Như vậy, tôi cho rằng, Hồ Chí Minh coi trọng cả đức và tài trong một con người, nhưng xét về thứ tự ưu tiên thì Người vẫn cho đức là cơ bản hơn cả.

Hồ Chí Minh đã nêu lên quan điểm rằng: "muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa"[6]. Học cách nói của Hồ Chí Minh trên đây, chúng ta có thể nói rằng, muốn có xã hội phát triển công nghiệp 4.0 thì phải có con người 4.0. Điều mà Hồ Chí Minh nói rằng, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa, một số người cứ cho rằng nói như thế thì duy ý chí, nhưng thực tế thì Hồ Chí Minh đặt vấn đề như vậy là chính xác, bởi vì con người vừa là sản phẩm tự nhiên đồng thời là chủ thể để xây dựng một chế độ xã hội mới, nó vừa là kết quả khi đứng ở góc độ này mà nhìn, nó vừa là nguyên nhân khi đứng ở góc độ kia mà thấy. Nhưng, dù đứng ở góc độ nào đi chăng nữa, con người vẫn chiếm vị trí trung tâm, là nhân tố quyết định tới việc xây dựng một xã hội mới.

Nhân loại đang sống trong cảnh bất an. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và nước biển dâng vẫn còn đó, sẽ xảy ra nhiều hơn và nặng hơn (Việt Nam là 1 trong 5 nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu và nước biển dâng). Khủng bố quốc tế vẫn hiện hữu. Chiến tranh nổ ra, chỗ này chỗ nọ và đã bùng phát với cuộc chiến Nga - Ucraina, rồi có thể lan rộng và tăng cường mức độ. Đáng lo ngại là các kho vũ khí hạt nhân trên thế giới đang "động đậy". Nguy cơ Thế chiến III có lúc ngấp nghé. Trong sự vận động đầy hiểm nguy của thế giới, bao giờ người dân cũng là những người bị thiệt thòi nhất, lĩnh đủ những tai ương. Nghèo thì càng nghèo thêm. Dễ bị tổn thương, giờ lại càng dễ bị tổn thương thêm. Bạo lực, nóng nảy, cố chấp và cực đoan, giờ càng thâm sâu hơn, tăng nặng hơn. Con người đang tiếp tục bị tha hóa.

Thế giới bao giờ cũng có hai mặt. Có âm có dương. Có mặt tốt mặt xấu. Có tối có sáng. Có người tốt thiện lương, có kẻ ác. Triết học cũng khẳng định như vậy, luôn luôn có hai mặt đối lập thống nhất nhau. Hoàn cảnh đó làm cho nhiều người muốn tìm lại và muốn hướng tới những giá trị giải phóng và phát triển. Những nhân vật nổi tiếng tiêu biểu cho các lý thuyết phát triển từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, do đó, được đưa ra nghiên cứu thêm. Hồ Chí Minh chính là một trong những nhân vật đó. Người ta nhìn thấy ở Hồ Chí Minh một khí chất giải phóng, nằm cả ở tư duy/tư tưởng và nằm ở cả hành động. Người ta tìm thấy ở Hồ Chí Minh một chuỗi liên kết tổng thể có hệ thống chặt chẽ của sự phát triển với sự nghiệp ba giải phóng của Người: 1) Giải phóng dân tộc; 2) Giải phóng xã hội (trong đó có giải phóng giai cấp); 3) Giải phóng con người. Giải phóng dân tộc là điều kiện tiên quyết để mở ra các giải phóng khác. Giải phóng xã hội và giải phóng con người là chặng neo chốt củng cố vững chắc cho giải phóng dân tộc. Và rồi, giải

phóng con người chính là cái đích cuối cùng, cao nhất cho mọi học thuyết phát triển, trong đó có tư tưởng Hồ Chí Minh (và cũng có thể gọi là "Học thuyết Hồ Chí Minh". Tư tưởng Hồ Chí Minh thuận dòng chảy văn hóa phát triển của nhân loại. Trong các tư tưởng/học thuyết giải phóng đó, Hồ Chí Minh hướng mọi véc tơ lực, hướng mọi tâm điểm vào giải phóng con người thoát khỏi mọi sự chế định bất công, làm cho con người có đức dày, tâm lành, trí sáng. Chính vì vậy, trong suốt cả cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã dấn thân, dành hết tâm lực, trí lực thờ phụng và thực hành sự nghiệp giải phóng con người.

2. Bối cảnh xây dựng con người Việt Nam hiện nay

Bối cảnh hiện nay là bối cảnh của thời kỳ toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thời kỳ Việt Nam sử dụng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các đại hội toàn quốc hơn 10 năm gần đây của Đảng đã nêu lên những nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có xây dựng con người Việt Nam nhằm phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức cách mạng, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, v.v...

Việt Nam đang đứng trước thời cơ lớn của sự phát triển. Bên cạnh những mặt thuận, riêng toàn cầu hóa đặt ra cho nước ta nhiều thách thức và nguy cơ to lớn, như vấn đề sinh thái, ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên, vấn đề dân số và sức khỏe cộng đồng, sự phân hóa giàu nghèo, tệ nạn xã hội và tội phạm. Tháng 01/1994, Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng đã chỉ ra bốn thách thức và đồng thời cũng là bốn nguy cơ lớn trong quá trình phát triển. Nhìn về các mối tương tác mà xét thì trong bốn nguy cơ đó, có một nguy cơ thuộc về bên ngoài và có ba nguy cơ thuộc về bên trong. Những thách thức và nguy cơ trên trong những thập niên đầu thế kỷ XXI vẫn tác động mạnh vào nước ta, vào quá trình xây dựng con người Việt Nam. Có một nguy cơ do bên ngoài có thể đưa lại là nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Những thế lực này vốn dĩ từ trước tới nay luôn luôn tìm cách chống lại sự nghiệp cách mạng ở nước ta, nay càng chú tâm lợi dụng những khó khăn, lợi dụng cả những chế định quốc tế, kể cả lợi dụng những yếu kém mà Đảng phạm phải, để đưa ra những biện pháp vừa tinh vi vừa trắng trợn, thâm hiểm để lái đất nước ta sang con đường tư bản chủ nghĩa. Có ba nguy cơ do xuất phát từ bên trong, điều mà Đảng ta đã tiếp nhận, đã tự "cảnh giới" để đưa vào Cương lĩnh năm 1991: "Phải phòng và chống được những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự suy thoái, biến chất của cán bộ, đảng viên"[7]. Trong các mối quan hệ đan xen như vậy thì yếu tố bên trong, phía chủ quan có tính chất quyết định. Nếu phía bên trong - tức là bản thân con người Việt Nam yêu nước - mạnh thì phía bên ngoài, sự chống phá của các thế lực thù địch, không thể nào làm chùn sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Ngược lại, nếu bên trong yếu kém, thì, chẳng hạn, "diễn biến hòa bình" vốn là từ phía các thế lực thù địch gây ra, lại xâm nhập vào hệ thống chính trị và rất dễ biến thành nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Thời cơ, thách thức, nguy cơ quyện với nhau, chuyển hóa cho nhau trong một thời kỳ, một giai đoạn, thậm chí trong cùng một thời điểm đã làm cho bức tranh toàn cảnh của một nước Việt Nam đang trên đà phát triển rất phong phú, và do đó cũng đang đặt cho Việt Nam đứng trước một thử thách nghiệt ngã nhất trong những năm tới: hoặc là bứt lên mạnh mẽ, tiến kịp bước tiến chung của các cường quốc, "trở thành nước phát triển, thu nhập cao"[8] đến năm 2045 như đã ghi trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, sánh vai với nhiều nước phát triển kinh tế trong khu vực và trên thế giới, không bị xếp vào tốp cuối trong bảng tổng sắp sự phát triển trên thế giới; hoặc là không, mãi mãi không bao

Phát triển con người toàn diện với các đặc tính cơ bản: Yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo... đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Ảnh: Nhật Nam

giờ, nghĩa là vẫn cứ chịu cảnh nằm ở dưới cái lằn ranh, dưới cái chỉ giới vùng trũng của sự tăng tiến của thế giới.

Thời kỳ hiện nay, trong những năm 20 - 30 của thế kỷ XXI, thời cơ, thách thức, nguy cơ có những nội dung tiếp nối giai đoạn trước nhưng có những biểu hiện mới. Đó là nước ta bước vào một môi trường rộng mở hơn như con tàu từ sông đi ra đại dương, mà biểu hiện rõ nét nhất trong "sân chơi" hội nhập quốc tế khi nước ta gia nhập nhiều tổ chức quốc tế trong hoàn cảnh như cái "bình thông nhau" mà trên thế giới hễ có biến động gì là ảnh hưởng ngay lập tức tới Việt Nam. Bây giờ người ta nhìn mối quan hệ là nhìn ở địa chính trị, địa văn hóa, địa kinh tế chứ ít ai nhìn ở chiều dài địa lý. Ở môi trường rộng lớn này, mọi năng lực con người có thể được phát huy mà ở đó cuộc sống sẽ dạy bảo phải làm như thế nào. Với môi trường như thế, nước ta buộc bứt phá theo tốc độ nhanh chứ không thể xấp xửng theo những bước ù lì, nhất là khi đại dịch covid-19 qua đi, khi thế giới khắc phục được sự đứt gãy cung ứng toàn cầu do nhiều nguyên nhân, trong đó có cả từ xung đột Nga - Ucraina từ đầu năm 2022.

3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng cuẩn mực con người Việt Nam hiện nay

3.1. Tiếp cận tiêu chí

Trong cuộc sinh tồn và phát triển, con người Việt Nam phải trải nghiệm bằng cạnh tranh nội tại, từ sự kết hợp yếu tố bên trong với bên ngoài, tìm cách biến ngoại lực thành nội lực. Để làm được những công việc vô cùng khó khăn đó, cần những con người có đủ phẩm chất và năng lực, chứ tuyệt nhiên không cần những con người ngồi cầu Trời khấn Phật kiểu như khi gặp khó thì ngồi khóc lóc kêu ca thế là Bụt hiện lên giúp cho. Không! Không

có những chuyện đó như trong truyện cổ tích. Người Việt Nam phải là những người bằng bàn tay khối óc của chính mình làm nên sự nghiệp lớn, đưa dân tộc tiến vào xã hội đã được xác định: xã hội xã hội cộng sản, nơi mà ở đó con người được phát triển toàn diện, sống trong vương quốc tất yếu của tự do, theo như C.Mác và Ph.Ăngghen đã công bố trong bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"[9].

Về việc vận dụng xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay, đã có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học và nhiều tác giả đã đưa ra nhiều tiêu chí[10]. Đại hội XII của Đảng nêu nhiệm vụ trọng tâm xây dựng con người Việt Nam là trên 5 mặt: 1) Đạo đức; 2) Nhân cách; 3) Lối sống; 4) Trí tuệ; 5) Năng lực làm việc. Đại hội XIII của Đảng đề ra nhiệm vụ "tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người"[11]. Tôi cho rằng, từ tiếp cận này, xin gộp vào hai nhóm mà mỗi nhóm tập hợp các nội dung gần nhau: Nhóm 1: Đạo đức, nhân cách, lối sống; Nhóm 2: Trí tuệ, năng lực.

3.2. Nhóm I

3.2.1. Phải có lòng nhân ái (hoặc tính nhân văn, nhân đạo), tức là thái độ và hành động yêu thương quý trọng con người, trước hết từ những người thân thuộc, sau nữa mở rộng ra con người quốc gia, quốc tế và đặc biệt là con người lao động, con người bị áp bức, con người dễ bị tổn thương trong xã hội. Tôi muốn nhấn mạnh điều này bởi vì con người hiện nay vẫn còn cảnh giết nhau, tuy đã đoạn tuyệt thế kỷ phi thực dân hóa.

3.2.2. Có lòng yêu nước (cũng có thể đây là yếu tố "trung với nước" theo quan điểm của Hồ Chí Minh). Yêu nước ở đây, như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nêu: phải có "lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội"[12]. Với tình hình hiện nay còn đòi hỏi cao hơn là yêu nước đi liền với yêu chủ nghĩa xã hội, đúng như Hồ Chí Minh nói tại Đại hội Sinh viên Việt Nam lần thứ II, ngày 7-5-1958: "Yêu Tổ quốc, yêu Nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội"[13].

3.2.3. Có đạo đức cách mạng, đặc biệt là có ý thức và hành động cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Những yếu tố về đạo đức cách mạng là lấy theo nội dung cơ bản mà Hồ Chí Minh nêu lên (gồm: 1/ Nhân văn; 2/ Trung với nước hiếu với dân; 3/ Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; 4/ Có tinh thần quốc tế trong sáng). Người nói, viết và kêu gọi mọi người cũng như tự mình "xắn tay áo làm"[14] để thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư nhiều nhất chính là Hồ Chí Minh, chứ không phải mắc vào 4 căn bệnh hiện nay: nói thì nhiều nhưng làm thì ít; nói thì hay nhưng làm thì dở; nói mà không làm; nói một đằng làm một nẻo.

Con người Việt Nam hiện nay cần theo kiểu của Hồ Chí Minh, như chính Người nói từ đầu năm 1946: "Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi"[15].

3.2.4. Con người phát triển toàn diện chân - thiện - mỹ, lên án cái xấu, ủng hộ cái tốt; có lối sống giản dị, lành mạnh, thượng tôn pháp luật. Đã là con người cách mạng là phải yêu cái đẹp, ghét cái xấu; phải luôn luôn suy nghĩ và hành động vì những điều đó. Tháng 5/1948, Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn của báo Frèré D'armes, trong đó đề cập Thiện - Ác:

"- *Hỏi:* Thưa Chủ tịch, Chủ tịch ghét gì nhất?

- *Trả lời*: Điều ác.

- *Hỏi:* Thưa Chủ tịch, Chủ tịch yêu gì nhất?

- *Trả lời*: Điều thiện"[16].

Con người Việt Nam hiện nay càng phải theo như thế.

3.3. Nhóm II

3.3.1. Xây dựng con người có đủ sức khỏe. Cần nhắc tới Tuyên ngôn Alma Ata năm 1978 về sức khỏe con người: "sức khỏe là một trạng thái khỏe mạnh hoàn toàn cả về thể chất, tinh thần"[17]. Bảo đảm sức khỏe như vậy không chỉ trách nhiệm thuộc về ngành y tế nước nhà mà còn của cả hệ thống chính trị, của từng gia đình và nhất là của từng cá nhân. Hồ Chí Minh nêu trách nhiệm người thầy thuốc là "lương y phải như từ mẫu" và Người đã có quan điểm: mỗi một người khỏe mạnh là cả dân tộc khỏe mạnh, do đó kêu gọi toàn dân tập thể dục hằng ngày và Người nói: tự tôi ngày nào cũng tập.

3.3.2. Con người có chuyên môn giỏi; được đào tạo một cách đầy đủ trong hệ thống giáo dục quốc dân, tiếp cận sự tiến bộ giáo dục quốc tế, đồng thời phải tự giáo dục, tự đào tạo (tự học suốt đời). Con người trưởng thành phải có những tri thức và kỹ năng cơ bản, cần thiết, phù hợp với từng đối tượng, vừa coi trọng nền tảng cơ bản, vừa coi trọng chuyên sâu. Xét cho đến cùng, những sai lầm, khuyết điểm, hạn chế của con người Việt Nam nói chung đều là do những sai lầm, khuyết điểm, hạn chế của công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực mà ra. Quan điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục con người đọng trong bài *Nửa đêm* của tập thơ *Nhật ký trong tù*[18]:

Ngủ thì ai cũng như lương thiện,

Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;

Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,

Phần nhiều do giáo dục mà nên.[19]

Hoặc về mục tiêu giáo dục, Hồ Chí Minh đã nêu trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tháng 9/1945: "Một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em"[20]. Tôi cho rằng, đã từ lâu, người Việt Nam, đặc biệt là nhiều giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, đã quên mục tiêu này mà chạy theo nhồi nhét tri thức. Việc học để đào tạo con người lãnh đạo thì phải theo quan điểm Hồ Chí Minh như trong những dòng Người ghi vào Sổ của Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, tháng 9/1949: "Học để làm việc,/làm người,/làm cán bộ./ Học để phụng sự Đoàn thể,/ phụng sự giai cấp và Nhân dân,/phụng sự Tổ quốc và nhân loại"[21]. Khoảng mãi 50 năm sau, UNESCO mới ghi trong Báo cáo Delors về tầm nhìn giáo dục thế kỷ XXI: Learning to know (Học để biết)/Learning to work (Học để làm việc)/Learning to live together (Học để chung sống với nhau)/Learning to be (Học để làm người). Giáo dục ở đây liên quan đến toàn bộ hệ thống và nhất là tự học tập. Sự tự giác của con người vẫn là điều cơ bản nhất, giá trị bền vững nhất. Hồ Chí Minh chính là gương sáng nhất về tự học. Giáo dục, do đó, liên quan trực tiếp xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Việt Nam đang xây dựng hệ tiêu chí văn hóa, con người Việt Nam. Đích là nhằm tới xây dựng một đất nước theo khát vọng, mong muốn của Hồ Chí Minh: xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào cách mạng thế giới. Muốn thế, phải xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam đủ đức - tài để hành động đạt những tiêu chí đó. Không có con người như vậy thì không thể xây dựng đất nước như thế.

1. Đó là: 1/ Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; 2/ Học tập tốt, lao động tốt; 3/ Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt; 4/ Giữ gìn vệ sinh thật tốt; 5/ Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm. Nhiều người có thắc mắc về 5 điều Hồ Chí Minh dạy trên đây, cho rằng, trong 5 điều đó, tại sao lại không có điều phải yêu kính cha mẹ? Tùy từng hoàn cảnh mà Hồ Chí Minh đề cập các nội dung cụ thể. Hơn nữa, tôi thấy rằng, trong điều "Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào" thì đã bao hàm yêu cha mẹ rồi. Sau này, tôi không rõ tổ chức Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam "tỉa" từng vấn đề ở đâu để nêu ra "Năm điều Bác Hồ dạy". Trước đó, năm

1946, sau khi đi Pháp về, Hồ Chí Minh gửi thư cho các cháu thiếu nhi, trong đó nêu: 1/ Phải siêng học; 2/ Phải giữ sạch sẽ; 3/ Phải giữ kỷ luật; 4/ Phải làm theo đời sống mới; 5/ Phải thương yêu giúp đỡ cha mẹ anh em (Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011,t.4, tr.472).

2. *Trong Thư gửi đồng chí Giám đốc Công an Khu XII, ngày 11/3/1948*, Hồ Chí Minh viết: 1/ Đối với tự mình phải: Cần, Kiệm, Liêm, Chính; 2/ Đối với đồng sự phải: Thân ái giúp đỡ; 3/ Đối với Chính phủ phải: Tuyệt đối trung thành; 4/ Đối với Nhân dân phải: Kính trọng lễ phép; 5/ Đối với công việc phải: Tận tụy; 6/ Đối với địch phải: Cương quyết, khôn khéo.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.612.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, t.11, 2011, tr.399.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, t.5, 2011, tr.292 - 293.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.13, 2011, tr.66.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1991, tr.6.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr.112.
9. Karl Marx, Fridrich Engels: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (Song ngữ Anh - Việt), Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1918, tr.129. Tiếng Anh: "In place of the old bourgeois society, with its classes and class antagonisms, we shall have an assoociation, in which the free development of each is the condition for the free development of all".
10. Xem thêm tổng thuật Hội thảo khoa học chủ đề "Định hướng xây dựng hệ giá trị con người - giá trị văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới do Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức tháng 2/2015 tại Hà Nội; các tham luận tại Hội thảo ngày 20/3/2014 tại Hà Nội về "Giáo dục trong phát triển văn hóa và xây dựng con người trong tình hình mới" do Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam phối hợp với Viện Khoa học giáo dục Việt Nam tổ chức; kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc chủ đề "Đổi mới tư duy giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XI" do Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam tổ chức tại Tp.Nha Trang ngày 14/5/2012; một loạt các tác phẩm của các chuyên gia về văn hóa - con người như: Nguyễn Trần Bạt, Hồ Sĩ Quý, Phạm Minh Hạc, Phạm Duy Đức, Trần Ngọc Thêm, v.v…
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr.143.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr.143.
13. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.401.
14. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.77.
15. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, 2011, tr.187.
16. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội in lại năm 2011, t.5, trang 522.
17. https://medinet.gov.vn/tin-tuc-su-kien/tuyen-ngon-alma-ata-ve-cham-soc-suc-khoe-ban-dau-van-con-nguyen-gia-tri-sau-40-c1780-9748.aspx. Alma-Ata là thành phố lớn nhất của Kazakhstan, nơi đã diễn ra Hội nghị toàn cầu về chăm sóc sức khoẻ ban đầu với sự tham dự của 134 nước, trong đó có Việt Nam, do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Quỹ Nhi đồng Liên Hợp quốc (UNICEF) tổ chức từ ngày 6 đến ngày 12/09/1978. Tại Hội nghị, tất cả các đại biểu các nước đã thống nhất với bản Tuyên ngôn Alma - Ata gồm 10 nội dung về chăm sóc sức khoẻ ban đầu, và kêu gọi chính phủ tất cả các nước, nhân viên y tế và cộng đồng trên toàn thế giới cùng bảo vệ và thúc đẩy sức khỏe cho mọi người.
18. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.413.
19. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.413.
20. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.34.
21. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.208.

Nghệ thuật Xòe Thái đã được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.
Nguồn ảnh: Chinhphu.vn

Tôn trọng và phát huy BẢN SẮC VĂN HÓA TỐT ĐẸP của các dân tộc

THÀNH CHƯƠNG

Theo số liệu thống kê, nước ta có 53 dân tộc thiểu số (DTTS) với 14,123 triệu người, chiếm 14,7% dân số của cả nước. Đồng bào các DTTS sống thành cộng đồng, đan xen với nhau và sống cùng dân tộc Kinh. Các DTTS Việt Nam có bản sắc văn hóa vô cùng độc đáo, hấp dẫn. Với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, bản sắc văn hóa của đồng bào các DTTS đang ngày càng được tôn trọng, bảo tồn và phát huy tạo nên một nền văn hóa Việt Nam đa hương, đa sắc.

Trước hết, đồng bào các DTTS Việt Nam luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Đường lối, chính sách dân tộc được xác định có vị trí, vai trò đặc biệt trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước. Điều đó đã được khẳng định trong đường lối nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam kể từ khi thành lập với nguyên tắc: Bình đẳng - Đoàn kết - Tương trợ - Giúp nhau cùng phát triển, hướng tới mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, ngày 19/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư tới Đại hội các DTTS miền Nam tại Pleiku - Gia Lai với lời khẳng định: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các DTTS khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta

sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau". Điều đó đã được Người khẳng định: "Chính sách dân tộc của chúng ta là nhằm thực hiện sự bình đẳng, giúp nhau giữa các dân tộc để cùng nhau tiến lên CNXH".

Nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc là nội dung chính xuyên suốt trong các Văn kiện của Đảng qua các kỳ đại hội và bổ sung phù hợp. Đại hội Đảng lần thứ VIII xác định: "Vấn đề dân tộc có vị trí chiến lược lớn. Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng Luật Dân tộc. Thực hiện 3 mục tiêu chủ yếu là xóa đói, giảm nghèo, ổn định cải thiện đời sống, sức khỏe của đồng bào các dân tộc, đồng bào vùng cao, vùng biên giới; xóa mù chữ, nâng cao dân trí, tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc"[1].

Các quan điểm chỉ đạo được thể hiện trong các chỉ thị, nghị quyết tại các hội nghị Trung ương. Nghị quyết số 24-NQ/TW (12/3/2003) khóa IX về công tác dân tộc xác định: Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam; phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các DTTS trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất; các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS được bảo tồn và phát triển…

Đêm hội sắc xuân miền Tây được tỉnh Nghệ An tổ chức hàng năm nhằm tôn vinh bản sắc văn hóa các DTTS miền Tây tỉnh nhà. Ảnh: Ngọc Mai

Xác định văn hóa là vấn đề con người. Công chức, viên chức người DTTS được ưu tiên trong quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng và bổ nhiệm vào hệ thống cơ quan Nhà nước. Theo Ủy ban Dân tộc, hiện cả nước có 68.781 biên chế là người DTTS (chiếm 11,68% tổng biên chế cả nước). Theo một thống kê, trong 499 người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV (2021 - 2026), đã có 89 đại biểu là người DTTS thuộc các dân tộc: Tày, Thái, Mông, Mường, Khmer, Chăm, Ê Đê, Khơ Mú, Nùng, Giáy, Sán Dìu, Thổ, Xơ Đăng, Brâu, Sán Chay (Cao Lan), Lự, La Chí, Vân Kiều, Lào, Hoa, Cơ Ho… Các địa phương Sơn La, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hà Giang, Lai Châu, Bắc Kạn, Sóc Trăng, Đắk Lắk có tỷ lệ đại biểu người DTTS trúng cử cao...

Đường lối, chính sách chỉ đạo đúng đắn của Đảng, Nhà nước đã tạo nên những kết quả quan trọng trong đời sống văn hóa vùng miền núi và các DTTS. Cụ thể, các DTTS được hỗ trợ việc làm, phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế, tạo cơ hội xóa đói, giảm nghèo. Các chương trình của Nhà nước đã mang lại hiệu quả thiết thực như: Chương trình 135; Chương trình 143; Chương trình 134; Chương trình hành động 122 của Chính phủ về công tác dân tộc; Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về giảm nghèo bền vững; Chương trình 135 (giai đoạn 2) về phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS, miền núi, vùng sâu, vùng xa; các chính sách và chương trình ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, giải quyết đất sản xuất và đất ở (Quyết định 132); hỗ trợ đất sản xuất, nhà ở và các nhu cầu thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống cho đồng bào nghèo thuộc DTTS

Theo đó, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS được ưu tiên triển khai; quyền bình đẳng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần được hỗ trợ thực hiện. Nhờ đó, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng. 100% xã có trạm y tế và cán bộ y tế, 100% số huyện có trung tâm y tế và bác sĩ; giảm xuống dưới 25% số trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng; ngăn chặn, đẩy lùi được một số dịch bệnh phổ biến trước đây ở miền núi và các DTTS...

Bên cạnh đó, đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào các DTTS được cải thiện rõ rệt, mức thụ hưởng văn hóa được nâng cao; công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được coi trọng. Với những nỗ lực đó, nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào các DTTS đã được ghi danh trong nước và quốc tế.

Có thể kể đến nhiều di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được UNESCO ghi danh, như: Thánh địa Mĩ Sơn, Cao nguyên đá Đồng Văn, Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên,... và gần đây nhất là Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam; Nghệ thuật Xòe Thái; Nghề làm Gốm của người Chăm.

Các chương trình song ngữ Việt và gần 30 ngôn ngữ DTTS được phát sóng trên đài phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương. Nhờ đó, đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc được nâng cao, cuộc sống từng bước được cải thiện; khoảng cách phát triển giữa các dân tộc từng bước thu hẹp...

Nghệ nhân Ưu tú Sầm Văn Bình (Nghệ An) được mệnh danh là "Nhà Thái học" với rất nhiều thành công trong lĩnh vực nghiên cứu, biên soạn, tổ chức dạy và học chữ Thái hệ Lai - Tay, góp phần quan trọng trong việc bảo tồn, lan tỏa một cách bền vững tiếng nói, chữ viết của dân tộc Thái trên quê hương Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung. Ông đã nghiên cứu và cài đặt thành công 5 Font chữ Thái để đánh trên máy tính. Ảnh: Bích Huệ

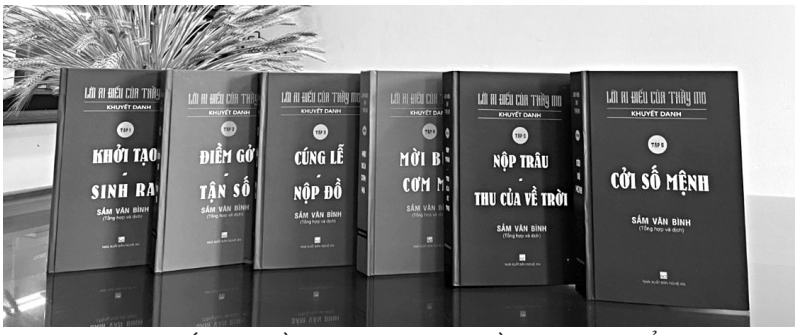

Bộ sách "Lời ai điếu của thầy mo" của NNƯT Sầm Văn Bình. Ảnh: Bùi Ngọc

Là một lĩnh vực tinh tế của văn hóa, văn học nghệ thuật các DTTS Việt Nam là một bộ phận quan trọng của nền văn học nghệ thuật nước nhà; gắn bó với từng mốc son lịch sử dân tộc từ Cách mạng Tháng Tám đến nay, nhất là trong công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. Văn nghệ sĩ các DTTS Việt Nam không ngừng sáng tạo cống hiến cho nước nhà nhiều tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật; góp phần quan trọng để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đường lối, chính sách chỉ đạo đúng đắn của Đảng, Nhà nước đã tạo nên những kết quả quan trọng trong đời sống văn hóa vùng miền núi và các DTTS. Các DTTS được hỗ trợ việc làm, phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế, tạo cơ hội xóa đói, giảm nghèo. Bên cạnh đó, đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào các DTTS được cải thiện rõ rệt, mức thụ hưởng văn hóa được nâng cao; công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được coi trọng.

1. ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.125.

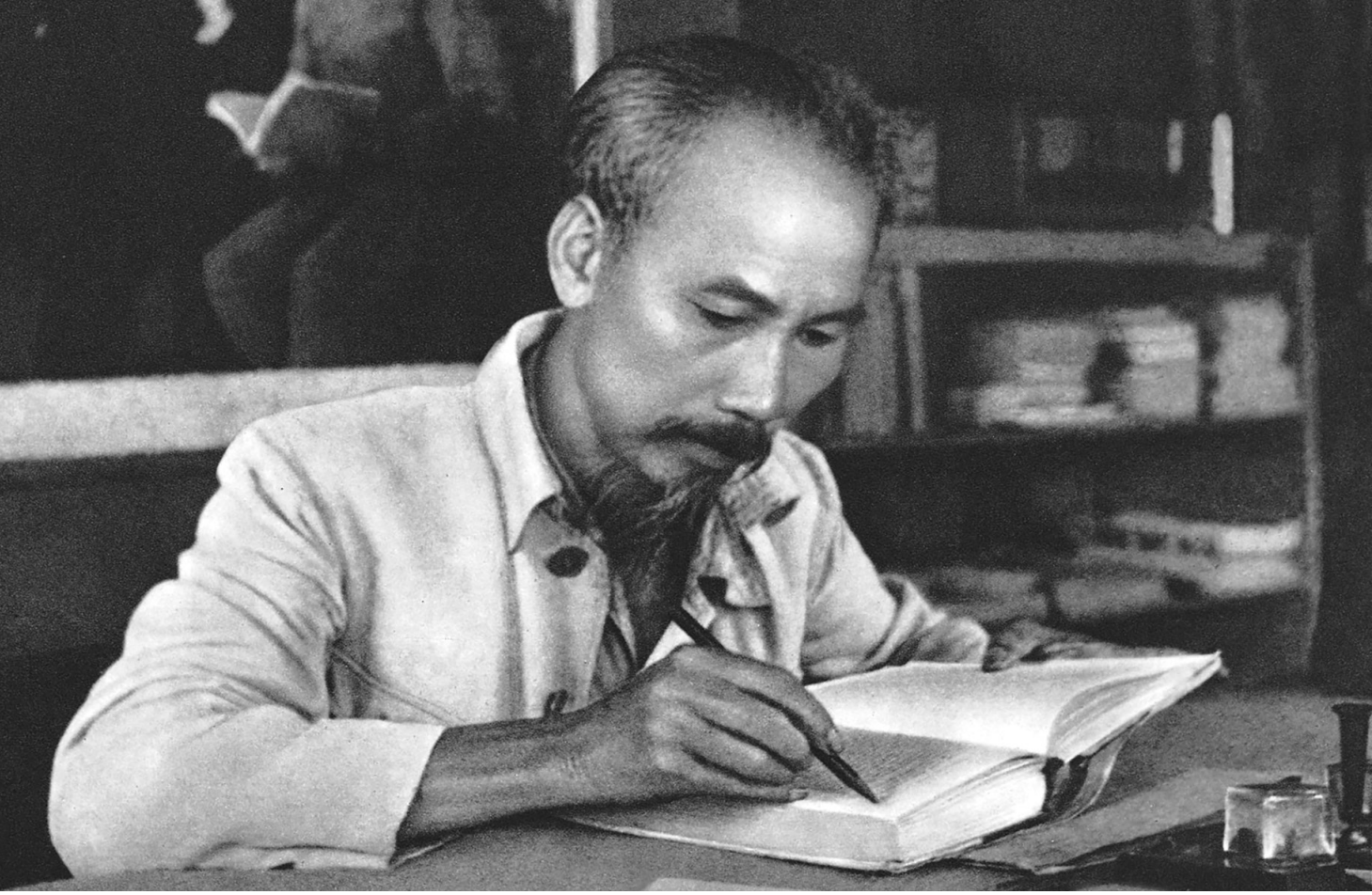

Chủ tịch Hồ Chí Minh là bậc thầy của phương pháp tư tưởng cách mạng và sáng tạo (Trong ảnh: Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phòng làm việc của Người ở căn cứ Việt Bắc). Ảnh: Tư liệu

Sự nghiệp và tư tưởng HỒ CHÍ MINH

LÊ MIÊN

HỒ CHÍ MINH ĐƯỢC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TÔN VINH LÀ "ANH HÙNG DÂN TỘC VĨ ĐẠI", ĐƯỢC UNESCO TÔN VINH LÀ "ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, NHÀ VĂN HÓA KIỆT XUẤT", ĐƯỢC NHỮNG NGƯỜI VIỆT NAM YÊU NƯỚC CÙNG THẾ HỆ VÀ NHỮNG THẾ HỆ SAU MÌNH COI LÀ "BÁC HỒ" THÂN THƯƠNG. HỒ CHÍ MINH HIỆN THÂN CHO GIÁ TRỊ GIÀU LÒNG BÁC ÁI, MỘT CON NGƯỜI LẤY ĐỘC LẬP CHO TỔ QUỐC, TỰ DO, HẠNH PHÚC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM LÀM HƯỚNG ĐÍCH; LẤY SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI VIỆT NAM VÀ QUỐC TẾ LÀM MỤC TIÊU. HỒ CHÍ MINH, VỚI CUỘC ĐỜI, SỰ NGHIỆP VÀ TƯ TƯỞNG CỦA MÌNH, SỐNG MÃI VỚI BƯỚC TIẾN CHUNG CỦA NHÂN LOẠI.

Hồ Chí Minh - người yêu nước

Hồ Chí Minh là người cùng với các đồng chí phái tả của mình trong Đảng Xã hội Pháp tham gia thành lập Đảng Cộng sản (ĐCS) Pháp; là người sáng lập và rèn luyện ĐCS Việt Nam; là người khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trở thành nguyên thủ quốc gia trong 24 năm (1945 - 1969); là người sáng lập lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; là người sáng lập mặt trận dân tộc thống nhất; là chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho sự tiến bộ thế giới.

Có bấy nhiêu vị thế và công trạng đó nhưng trên ngực áo của Hồ Chí Minh không có một tấm huân chương nào. Có một lần Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa định tặng cho Hồ Chí Minh Huân chương Sao Vàng, huân chương cao quý nhất của Nhà nước, nhưng Người có ý không nhận, Người bảo bao giờ nước nhà thống nhất, lúc đó đồng bào miền Nam sẽ thay mặt đồng bào cả nước trao cho Người huân chương đó. Đúng là trên ngực áo của Hồ Chí Minh không có tấm huân chương nào của Việt Nam, nhưng bên trong làn áo mỏng đó có trái tim đập cùng nhịp phát triển của dân tộc. Hồ Chí Minh là người đã để lại cho thế kỷ XX ở Việt Nam, thế kỷ bi hùng, thế kỷ đầy chất tráng ca cũng như đầy máu và nước mắt, và để lại cho các thế kỷ tiếp theo, một di sản tinh thần to lớn, quý báu, đó là tư tưởng mang tên mình - tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh là người mang đầy ước vọng lớn lao. Ước vọng của Người không phải là nhằm cho bản thân giàu có vật chất. Ước vọng của Người, như Người nói, đó là sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm cho đất nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập, Nhân dân được hoàn toàn tự do, hạnh phúc. Trong bức thư gửi lại cho hậu thế (sau này được ĐCS Việt Nam gọi là *Di chúc*), Hồ Chí Minh nêu điều mong muốn cuối cùng của mình là toàn Đảng, toàn dân đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Cả cuộc đời Hồ Chí Minh dấn thân vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, không chỉ trong phạm vi đất nước Việt Nam mà còn cho cả toàn nhân loại cần lao.

Hồ Chí Minh đã thoát khỏi mọi sự cám dỗ cá nhân, đúng như Người lấy lời Mạnh Tử khuyên đảng viên ĐCS Việt Nam là giàu sang không thể quyến rũ, nghèo đói không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục. Hồ Chí Minh dùng quyền lực của Nhân dân uỷ thác cho mình với cái chức trách là Chủ tịch nước để đưa lại lợi ích cho dân, cho nước, cho người lao động trên toàn thế giới. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh viết rằng, suốt đời mình hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ Nhân dân; nay dù phải từ biệt thế giới này, Người không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Cả cuộc đời Hồ Chí Minh vất vả, đầy lo toan cho sự nghiệp lớn lao. Hồ Chí Minh mồ côi mẹ lúc 10 tuổi, lo đám tang cho mẹ ở kinh thành Huế trong cái thời khắc tứ cố vô thân. Hồ Chí Minh ra nước ngoài tìm mục tiêu và con đường cứu nước mà trong túi không có một xu, phải đem sức vóc thư sinh làm những công việc nặng nhọc kiếm tiền để sống và hoạt động. Hồ Chí Minh bị cầm tù hai lần, bị một cái án tử hình vắng mặt; chịu nhiều cảnh thiếu thốn. Hồ Chí Minh chịu cảnh bị cảnh sát thực dân đế quốc săn lùng; chịu cảnh không dễ chịu khi mặc dù toàn tâm, toàn ý mưu việc lớn cho độc lập của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của Nhân dân Việt Nam, cho giải phóng nhân loại cần lao mà, oái oăm thay, vẫn bị cấp trên, bạn bè, đồng chí, học trò của mình có lúc hiểu sai là người theo dân tộc chủ nghĩa, theo quốc gia cải lương.

Hình như các bậc danh nhân thường hay trải qua không ít quãng đời gian truân, long đong lận đận. Hồ Chí Minh kiên trì cho cái đúng, bảo vệ cái đúng và đầy lòng vị tha. Từ thuở xưa, lúc hàn vi, Hồ Chí Minh đã được các bậc chí sĩ hoặc các bậc cao niên đánh giá cao, đầy khích lệ và tin tưởng. Có người nói xấu bản thân Người. Tờ báo *La Dépêche Coloniale* đã có những bài viết phê bình gay gắt về những bài báo của Nguyễn Ái Quốc khi Nguyễn Ái Quốc tố cáo chủ nghĩa thực dân. Tờ báo này cho rằng, Nguyễn Ái Quốc là người đầy tham vọng cá nhân và còn cho rằng, Nguyễn Ái Quốc chẳng có sứ mệnh gì do Nhân dân Việt Nam giao phó cho cả. Trong lúc đó, có một người Việt Nam yêu nước ở Pháp, đã viết bài *"Un bolsévick jaune"* đăng trên báo Pháp *Le Paria*, số 9, ngày 1-12-1922, nêu rằng: "Anh Nguyễn đầy tham vọng ư? Đúng. Nhưng anh Nguyễn

tham vọng cái gì? Tham vọng giải phóng anh em của anh bị rơi vào vòng bóc lột hết sức dã man. Có tham vọng nào cao quý hơn thế không?... Ngực anh không có huân chương. Túi anh không có ngân phiếu chính phủ. Nhưng anh mang nguyện vọng của một dân tộc bị áp bức"[1]. "Nguyễn Ái Quốc có tham vọng giải phóng đồng bào thoát khỏi cùm kẹp của thực dân Pháp, đem lại tự do, hạnh phúc cho dân Việt Nam…Nguyễn Ái Quốc không được chính quyền Đông Dương ủy nhiệm bày tỏ ý kiến trên báo *Le Paria*. Nhưng tiếng nói của Nguyễn Ái Quốc phản ánh khát vọng của dân Việt Nam muốn được cơm no áo ấm, được tự do, không bị áp bức. Tiếng nói của Nguyễn Ái Quốc là tiếng nói của toàn dân Việt Nam. Vậy các ông ở báo *La Dépêche Coloniale* hãy im mồm đi, đừng vu khống"[2].

Phan Châu Trinh lúc sống ở Pháp đã có nhiều lần tranh luận với Hồ Chí Minh. Phan Châu Trinh không đồng tình với phương pháp cách mạng của Hồ Chí Minh, cho rằng: "Bấy lâu nay, tôi cùng anh và Phan (Phan Văn Trường - MQT chú giải) đàm đạo nhiều việc, mãi tới bây giờ, anh cũng không ưa cái phương pháp khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh của tôi. Còn tôi thời lại không thích cái phương pháp ngọa ngoại chiêu hiền, đãi thời đột nội của anh, và cả cái lý thuyết thâu nhân tâm của Phan"[3]. Phan Châu Trinh khuyên Nguyễn Ái Quốc: "Tôi khuyên anh nên thu xếp mà về, đưa tài năng của mình khích động Nhân dân, hô hào đồng bào ba kỳ đồng tâm hiệp lực để mà đánh đổ cường quyền áp chế ắt là thành công"[4].

Tuy không tán thành phương pháp đó, nhưng Phan Châu Trinh, vốn là người rất kiệm lời khen, viết trong một bức thư ngày 28-2-1922 gửi Nguyễn Ái Quốc: "Thực tình, từ trước tới nay, tôi không khinh thị anh mà ngược lại, tôi còn cảm phục anh nữa là đằng khác"[5]. Phan Châu Trinh còn viết: "Anh Nguyễn, tôi tường tâm với anh đã rõ nguồn cơn. Bây giờ thân tôi tựa chim lồng cá chậu. Vả lại cây già thì có rễ lay, người già thì trí lẫn, cảnh tôi như hoa sắp tàn, hiềm vì quốc phá gia vong, mà hơi tàn cũng phải gào cho hả giận, may ra có tỉnh giấc hồn mê. Còn anh như cây dương lộc, nghị lực có thừa, dày công học hỏi, lý thuyết tinh thông…Tôi cầu chúc anh thành công và hy vọng thấy mặt nhau ở quê hương xứ sở"[6].

Phan Bội Châu là người cùng quê và cùng trang lứa với cha của Hồ Chí Minh. Cụ là nhà yêu nước đầy nhiệt huyết muốn cứu nước theo vũ trang bạo động để lập nhà nước cộng hòa đại nghị tư sản nhưng không thành, bị thực dân Pháp bắt, quản thúc tại Huế. Phan Bội Châu khẳng định rằng, có người khác giỏi hơn lớp của cụ đứng ra làm được việc là giành độc lập dân tộc mà lớp của các cụ không làm xong - người đó là Nguyễn Ái Quốc.

Hồ Chí Minh hoá thân vào dân tộc với những giá trị đạo đức tốt đẹp nhất. Hồ Chí Minh hiện thân cho những giá trị tốt đẹp nhất mà bất cứ ai có lương tri đều mong muốn đạt được. Cuộc đời Hồ Chí Minh đã trở thành cuốn sách giáo khoa về đạo đức mới cho các thế hệ người Việt Nam yêu nước. Đạo đức của Hồ Chí Minh có sức lay động, đi vào tận tâm khảm của những người chân chính, biến thành sức mạnh làm cho con người ta luôn luôn vươn lên các giá trị Chân - Thiện - Mỹ.

Hồ Chí Minh - con người của nhân loại cần lao đấu tranh cho sự tiến bộ

Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật tiêu biểu trong lịch sử nhân loại có tác động mãnh liệt vào tiến trình phát triển văn minh, tiến bộ trên thế giới. Hồ Chí Minh là chiến sĩ tiên phong trong thế kỷ XX - thế kỷ phi thực dân hóa. Hồ Chí Minh là người lĩnh ấn tiên phong của dân tộc Việt Nam và của nhân loại cần lao tiến công vào chủ nghĩa thực dân để đưa lại độc lập, tự do cho mỗi dân tộc, mỗi con người. Chủ nghĩa thực dân là một vết nhơ lớn nhất trong lịch sử của loài người. Thực dân xâm chiếm thuộc địa nhưng lại được che dấu bằng những lời lẽ mỹ miều là đi "khai hóa văn minh".

Hồ Chí Minh chọn chủ nghĩa thực dân là mục tiêu lớn nhất để công phá. Người

tố cáo mạnh mẽ chủ nghĩa thực dân ở tất cả mọi diễn đàn và sử dụng tất cả mọi vũ khí mà Người có. Hồ Chí Minh là chiến sĩ quốc tế hoạt động mẫn cán trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc. Ở Hồ Chí Minh có một tư chất đặc biệt nào đó tương thích với yêu cầu của Quốc tế Cộng sản cho nên mới được Quốc tế Cộng sản chú ý để điều động đến hoạt động ở môi trường rộng lớn hơn, với chức nhiệm của một người giúp cho Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa ở tầm quốc tế chứ không chỉ bó hẹp trong bản thân ĐCS Pháp. Hồ Chí Minh chính thức trở thành cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản từ năm 1924.

Hồ Chí Minh dũng cảm và tích cực tố cáo chủ nghĩa thực dân. Hồ Chí Minh đã dành cả một tác phẩm bằng tiếng Pháp, đặt đầu đề là *Bản án chế độ thực dân Pháp* (xuất bản tại Pháp năm 1925) để kết tội thực dân Pháp bằng những chứng cớ, lời lẽ xác thực, thức tỉnh nhiều người hiểu rõ thực chất của chế độ thực dân. Trong quãng thời gian đó, Hồ Chí Minh phát biểu nhiều lần tại các cuộc sinh hoạt của ĐCS Pháp, tại các câu lạc bộ tuyên truyền chống chủ nghĩa thực dân, thức tỉnh cả những người dân thuộc địa đang có mặt tại Pháp. Hồ Chí Minh sử dụng các diễn đàn báo chí để đăng những bài báo sắc sảo mà Người lấy số liệu và các thông tin khác từ chính ngay ở Pháp để tố cáo chủ nghĩa thực dân. Tên tác giả Nguyễn Ái Quốc về loại bài này đã xuất hiện nhiều và đều đặn trên các báo *La Revue Communiste, Inprecorr, l'Humanité, Le Paria, La vie Ouvrière, Le Journal du Peule, Le Libertaire*, v.v…

Tiếc thay, éo le thay, cuộc sống vốn không đơn giản. Hồ Chí Minh bị hiểu sai bởi những quan điểm không đúng của Quốc tế Cộng sản trên một số vấn đề chủ yếu nhất của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Sự hiểu sai đáng buồn nhất lại là từ các học trò của Hồ Chí Minh vì họ đem những quan điểm của Hồ Chí Minh trong các văn kiện thành lập ĐCS Việt Nam đầu năm 1930 ra để đối chiếu, so sánh với những nội dung, quan điểm về tập hợp lực lượng cách mạng của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (năm 1928). Hồ Chí Minh không tranh luận với những ý kiến đó, mà tiếp tục dấn thân vào hoạt động thực tế.

Hồ Chí Minh đi tới tận cùng của tư duy về chủ nghĩa thực dân và những biện pháp cách mạng trong thực tế. Hồ Chí Minh chấp nhận, đương đầu, lúc nhu, giữ mình để hoạt động và chờ có dịp, khởi phát và thực thi có hiệu quả những quan điểm của mình. Thời cuộc, thời thế sản sinh ra bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh vững tâm và tỏ rõ bản lĩnh ấy, nhất là trong những lúc khó khăn nhất của cuộc đời mình và trong những lúc vận mệnh của dân tộc rất hiểm nghèo.

Thời cuộc cần một con người, đúng như C.Mác đã nêu: "Mỗi thời đại xã hội đều cần có những con người vĩ đại của nó và nếu không có những con người vĩ đại như thế thì thời đại sẽ sáng tạo ra những con người như thế"[7]. Và thời cuộc đã chọn nhân vật chính cho mình, đó là Hồ Chí Minh. Lịch sử luôn đi theo những bước riêng của nó, có khi khúc khuỷu, gập ghềnh, nhưng rồi cuối cùng nó vẫn cứ theo một quy luật. Bắt đầu một thời kỳ đắc chí của Hồ Chí Minh khi về Việt Nam đầu năm 1941, nhưng trước mắt còn nhiều chông gai, hiểm trở. Chính điều này càng làm thấm và đã đọng lại trong Hồ Chí Minh một cảm xúc vui sướng khôn cùng khi viết bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để khai sinh chế độ chính trị mới, trịnh trọng tuyên bố với quốc dân đồng bào, với toàn thế giới: «Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy»[8].

Hồ Chí Minh qua đời lúc 9 giờ 47 phút ngày 2-9-1969. Thế giới tỏ lòng thương tiếc, đánh giá cao cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại. Đọc những bức điện, những bức thư chia buồn của nhiều nguyên thủ quốc gia, của những chính

khách nổi tiếng trên thế giới, của các tổ chức chính trị nước ngoài gửi đến cho Việt Nam những ngày tháng 9 lịch sử ấy, liệu có bao nhiêu phần trăm là lời ngoại giao thuần tuý? Tôi cho là không có cái lối ấy khi người ta đánh giá Hồ Chí Minh, một nhân vật suốt đời hy sinh cái riêng cho sự tiến bộ của Việt Nam cũng như của nhân loại.

Hồ Chí Minh sống một cuộc sống dâng hiến cho dân tộc, cho nhân loại cần lao. Hồ Chí Minh là một chiến sĩ văn hóa, là một hiệp sĩ của UNESCO tích cực giải quyết những vấn đề toàn cầu.

Vấn đề lớn nhất mà Hồ Chí Minh nêu lên và hướng cả cuộc đời của mình cũng như hướng cả dân tộc Việt Nam cùng những dân tộc khác trên thế giới vào giải quyết là *đấu tranh giải phóng con người*. Đối với Hồ Chí Minh, mọi hoạt động, mọi cuộc đấu tranh đều hướng đích đó. Hồ Chí Minh tập hợp cả một véctơ lực vào cái đó. Từ cái chung nhất đó, Hồ Chí Minh nêu lên và hướng vào giải quyết vấn đề hòa bình, hòa bình cho dân tộc Việt Nam và hòa bình cho thế giới, một nền hòa bình thật sự, hòa bình bền vững mà trên đó bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Nguyên tắc đó trở thành cái khung cho mọi hiệp định chính trị, mà nó đã thể hiện ở Hiệp định Geneva về Đông Dương ngày 21-7-1954 và Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 27-01-1973. Hồ Chí Minh là con người của hòa bình. Hồ Chí Minh coi đó là nguyên tắc hành xử giữa con người với con người, giữa dân tộc này với dân tộc khác. Nhưng, cái chốt của Hồ Chí Minh là ở chỗ: Đó phải là một nền hòa bình chân chính. Trước kẻ xâm lược, nhiều lúc Hồ Chí Minh nhân nhượng, nhưng kẻ cướp càng lấn tới thì Người kêu gọi cả dân tộc vùng lên đấu tranh gìn giữ hòa bình chứ không phải có hòa bình bằng mọi giá, hòa bình trong cái thế hèn kém của một kẻ nô lệ.

Hồ Chí Minh nói: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Độc lập, tự do đó là độc lập, tự do trong một nền hòa bình chân chính, trong sự hợp tác, hữu nghị của tất cả các dân tộc trên thế giới - dù dân tộc lớn hay dân tộc nhỏ. Hồ Chí Minh phấn đấu cho các dân tộc xích lại gần nhau, giao lưu, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển. Cuộc đời của Hồ Chí Minh chính là một biểu tượng, hiện thân về cái đó.

Có thể ai đó trong người Việt Nam cảm thấy bình thường, nhưng đối với thế giới, xét trong các vấn đề toàn cầu thì thấy rất thú vị, thú vị ở chỗ Hồ Chí Minh chính là người nêu ra và thực hành tích cực nhất cho việc bảo vệ môi trường, sinh thái. Thế giới đang trở nên bất an hơn bao giờ hết. Sự xâm hại tự nhiên chính là hành vi phản văn hóa. Chinh phục tự nhiên không như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác. Bản thân con người là một thực thể của tự nhiên. Con người sẽ đánh mất khả năng chủ thể văn hóa khi thoát ra khỏi hệ thống điều chỉnh của tự nhiên - đó là sự cân bằng sinh thái. Chính con người hiện đại, mặc dù nắm được khoa học và công nghệ, nhưng nhiều lúc, nhiều nơi lại là yếu tố phá vỡ một cách tệ hại nhất sự cân bằng sinh thái. Hồ Chí Minh đã phát động *Tết trồng cây* từ cuối năm 1959. Lạ thay và thật thú vị biết bao, đọc trong *Di chúc*, tôi thấy quan điểm của Hồ Chí Minh về môi trường sinh thái - vấn đề toàn cầu - rất rõ. Hồ Chí Minh đề cập trực tiếp vào vấn đề xử lý thi hài của mình khi qua đời. Thật xúc động khi thấy rằng, đến cái chết của mình mà Hồ Chí Minh còn nghĩ đến giữ vệ sinh và để khỏi tốn đất nông nghiệp, nghĩ đến trồng cây, nghĩ đến môi trường sinh thái.

Hồ Chí Minh là con người đặc biệt vì toàn dân tộc Việt Nam nhiều thế hệ đã tôn vinh Hồ Chí Minh là lãnh tụ kính yêu. Đã từ lâu, và ở nhiều thế hệ kế tiếp nhau, những người Việt Nam chân chính đều coi Hồ Chí Minh là bậc danh nhân, là anh hùng dân tộc vĩ đại như những vị anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, v.v… Và, giá trị tư tưởng, đạo đức của Hồ Chí Minh đã trở thành giá trị văn hóa dân tộc, văn hóa dân gian folklore tự nhiên truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, như nguồn sữa mẹ nuôi dưỡng cuộc sống, tâm hồn

của người Việt Nam yêu nước, như lớp lớp phù sa bồi đắp cho sự phì nhiêu của đời sống văn hóa dân tộc. Đây quyết không phải là kết quả từ sự sùng bái cá nhân mà chính là sự tôn vinh từ tâm khảm một cách tự giác của người Việt Nam yêu nước.

Thế giới có luật chơi chung, vốn đã được soạn không lấy gì làm công bằng, nhưng lại bị không ít người hiểu và làm theo ý riêng của họ. Vẫn còn đó cảnh kẻ mạnh bắt nạt kẻ yếu, cảnh kẻ giàu áp chế kẻ nghèo. Vẫn còn đó cái cảnh kẻ yếu, kẻ nghèo lại kèm theo cái hèn, lòng tự ty, cam chịu khuất phục trước các thế lực khác, tự chịu đi sau trong một thế giới đầy năng động, phát triển. Thế giới hiện tràn ngập những mùi vị ngọt bùi, những điều thánh thiện. Thế giới đầy những người anh minh. Nhưng, thế giới còn ngập ngụa cả những mùi vị đắng cay, chua chát. Thế giới đang có cả những ông kễnh. Và, thế giới có cả những điều xấu xa mà những người lương thiện không thể chấp nhận.

Hồ Chí Minh là người đằm mình trong các sự kiện trọng đại nhất của dân tộc Việt Nam và của các biến cố trên thế giới mà Người sống. Hồ Chí Minh đã để lại nhiều dấu ấn tích cực, quan trọng cho quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam và quá trình phát triển văn minh tiến bộ của nhân loại; không những cho thời kỳ Người sống mà cả quá trình về sau, khi Người đã qua đời. Hồ Chí Minh là một phần phát triển của lịch sử Việt Nam thời hiện đại và cũng là một phần trong lịch sử tiến hóa xã hội loài người từ thế kỷ XX trở đi. Người ta hay gọi những người đó là những vĩ nhân hay danh nhân - những con người của thời cuộc, những người còn lại mãi mãi với thời gian. Gương phản chiếu trong cuộc đời của Hồ Chí Minh có cả những điều đó. Và hình như Hồ Chí Minh thường đi trước, đi trong, hoặc song hành, chứ không đi sau các sự kiện lớn trên thế giới bao giờ. Hồ Chí Minh tác động mạnh mẽ vào chúng cũng như các biến cố của nhân loại có một chiều khác, ngược trở lại, tác động vào bản thân Người.

Mỗi người cảm nhận về những giá trị trong cuộc đời của Hồ Chí Minh với tâm trạng khác nhau và cũng có thể những sự cảm nhận ấy được đổi thay vì nhiều lý do. Điều này chứng tỏ rằng, những giá trị của cuộc đời Hồ Chí Minh, nhất là tư tưởng của Người, rất sống động, chúng luôn luôn đồng hành với thế giới hiện đại và luôn luôn được phát triển, nghĩa là khi vận và phổ vào thực tế, những giá trị đó lại tự làm mới mình, được nạp thêm năng lượng mới từ cuộc sống, từ bao nhiêu con người mà dù ít dù nhiều, dù có ý thức chủ quan hay ngẫu nhiên, nhắc đến tư tưởng của Người, làm theo tư tưởng của Người.

Năm 2023, nhân dân Việt Nam sẽ kỷ niệm 133 năm Ngày sinh của Hồ Chí Minh, một con người mà "thác là thể phách, còn là tinh anh" (*Kiều* - Nguyễn Du). Thế giới cần lao cũng sẽ hướng về Người như hướng tới giá trị văn hóa, giá trị hòa bình, hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc. Sự nhân lên và lan tỏa các giá trị cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh là việc làm có ý nghĩa nhất trong thế giới hiện nay khi tình hình phức tạp và nhiều yếu tố khó lường. Và, như thế cũng có nghĩa là tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn đồng hành cùng bước tiến của dân tộc Việt Nam và nhân loại cần lao.

---

1. Theo Đặng Hòa: *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh: Một nhân cách lớn*, http://www.tiasang.com.vn, 14:23:23, ngày 5-9-2007.
2. Theo Ngô Đăng Lợi: *"Nguyễn Thế Truyền - Một nhà trí thức đáng kính"*, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 312, tháng 7-2008, tr. 19.

3,4,5,6. Đây là trong bức thư của Phan Châu Trinh gửi Nguyễn Ái Quốc ngày 18-2-1922. Xem tác phẩm của Thu Trang: *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp (1911-1925)*, Nxb Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 2000, tr.176-181. Xem thêm báo *Nhân Dân*, số 10553, ngày 19-5-1983.

7. C.Mác - Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1962, T. 1, tr. 284.
8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

Nhà văn SƠN TÙNG người con xứ Nghệ thầm lặng và ý chí sáng tạo trong cả cuộc đời

PHẠM BÁ NHIỄU

NHÀ VĂN SƠN TÙNG QUÊ XÃ DIỄN KIM, HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN - NƠI CÓ NHIỀU NHÀ KHOA BẢNG VÀ HIẾU HỌC. KHI CHÚNG TÔI CÒN HỌC Ở HÀ NỘI, VÀO THĂM ÔNG, NHIỀU NGƯỜI KHI TIẾP XÚC VỚI ÔNG ĐÃ XEM ÔNG LÀ NHÂN VẬT PA-VEN CỦA VIỆT NAM GIỮA ĐỜI THƯỜNG, TRONG BẢN LĨNH CỦA MỘT THƯƠNG BINH NẶNG. ÔNG LÀ NGƯỜI CÓ BẢN LĨNH, NGHỊ LỰC, PHẨM CHẤT, Ý CHÍ LAO ĐỘNG MIỆT MÀI VÀ LÒNG THỦY CHUNG SON SẮT VỚI ĐẢNG, VỚI NHÂN DÂN, VỚI LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG.

Bản ngã cuộc đời một nhà văn được phong tặng Anh hùng Lao động

Ngày 22-7-2011, nhà văn Sơn Tùng đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Ông cũng đã được trao huy hiệu 70 năm tuổi Đảng, là một trong những nhà văn nhận Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng vào đợt đầu của thập kỷ đầu thế kỷ XXI.

Sơn Tùng xứng đáng là tấm gương sáng cho tuổi trẻ nhiều thế hệ trẻ học tập. Ông tên thật là Bùi Sơn Tùng, sinh ngày 08-8-1928, trong một gia đình nhà nho nghèo, nổi tiếng hiếu học ở làng Hoa Lũy, xã Diễn Kim. Từ năm 18 tuổi, ông đã tạm biệt quê nhà đi kháng chiến.

Ban đầu, ông là tuyên truyền viên của ngành Văn hóa tỉnh Nghệ An, hoạt động tích cực trong các phong trào kháng

chiến sổi nổi, rầm rộ diễn ra tại Liên khu IV. Sơn Tùng đã sớm trưởng thành và năm 1947, khi mới 21 tuổi, ông đã vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Sau đó, Sơn Tùng được đi học một lớp đào tạo ngắn hạn dành cho những người làm công tác tuyên truyền trong chiến tranh tại Trường Đại học Nhân dân Việt Nam (tiền thân Trường Tuyên huấn Trung ương) để trang bị thêm kiến thức lý luận chính trị.

Khi làm việc ở lĩnh vực tuyên huấn của quân đội, Sơn Tùng là một cán bộ tuyên huấn xuất sắc của Quân khu IV. Năm 1962, Sơn Tùng rời địa hạt tuyên huấn, chuyển sang nhận nhiệm vụ mới - phóng viên Báo Tiền Phong. Làm nghề báo chí, Sơn Tùng càng dạt dào cảm xúc khi chứng kiến cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước đầy bi tráng của dân tộc. Ngay trên quê hương xứ Nghệ của mình, ông đã tận mắt chứng kiến những tội ác của chiến tranh. Sơn Tùng luôn có niềm tin mãnh liệt vào ngày thắng lợi, ngày non sông thu về một mối sẽ đến. Và từ niềm tin ấy đã giục giã ông như cánh chim không mỏi bay tới những vùng đất, vùng rừng núi xa xôi, những chiến hào trận địa còn khét mùi bom đạn, để có chất liệu mà sáng tác những tác phẩm về chiến tranh.

Những năm 1965, là đặc phái viên của Báo Tiền Phong, Sơn Tùng đã thường xuyên có mặt tại tuyến lửa khu IV, tại các trận địa nóng bỏng, từ cầu Hàm Rồng - Thanh Hóa, vào vùng khói lửa Truông Bồn - Nghệ An, rồi Ngã Ba Đồng Lộc - Hà Tĩnh…, đến các trận địa của chiến trường Quảng Trị. Tại những lò lửa thử thách quyết liệt, cái chết có thể đến bất cứ lúc nào, "chất thép" trong con người Sơn Tùng "càng rắn, càng chắc, càng vững" hơn bao giờ hết, vì sự nghiệp sáng tác của một người lính & một nhà báo chiến trường.

Những trang viết luôn nóng hổi về chiến trường…

Theo nhà văn lúc còn sống kể lại, vào năm 1967, Sơn Tùng cùng một số đồng nghiệp trẻ của mình xung phong vào chiến trường miền Đông Nam Bộ, ông đi ở những khu vực nóng bỏng nhất. Tại các chiến trường gần, hay chiến trường xa, ở đâu, Sơn Tùng cũng nghiêm túc ghi chép từng sự kiện nóng hổi, từng trận chiến đầy nước mắt đau thương để sau này đưa vào tác phẩm. Gần chục năm trời ở chiến trường B.2, hàng trăm bài báo của Sơn Tùng đã được bạn đọc cả nước và quốc tế quan tâm. Thời ấy, Sơn Tùng nổi tiếng nhất trong tòa soạn Báo Tiền Phong về "khỏe sức đi, khỏe sức đọc, khỏe sức viết".

Tại những căn cứ của miền Đông Nam bộ, mệnh lệnh trái tim và nhiệm vụ vinh quang của người cầm bút đã trở thành tiếng gọi thiêng liêng, luôn thúc giục ông lên đường ra trận. Theo ông kể, vào một buổi sáng tháng 4/1971, ông đã luồn sâu vào căn cứ Tà Nốt ở chiến khu D (tỉnh Tây Ninh) để thu thập tin tức, viết bài gửi ra Hà Nội. Tại đây, ông đã bị kẻ địch đột kích, một mảnh pháo nhọn sắc đã xuyên qua đầu khiến Sơn Tùng bị ngất xỉu tại chỗ khi vào gần đến căn cứ Tà Nốt.

Trong làn đạn địch bắn xối xả, đồng chí Nguyễn Minh Triết (sau là Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh rồi Chủ tịch nước) - một người đồng chí thân thiết cùng cơ quan đã cõng Sơn Tùng chạy qua những cánh rừng xác xơ đang bị cày xới vì bom đạn vào bệnh viện dã chiến cấp cứu khi máu đang ròng ròng chảy ướt đẫm lưng áo của người đồng chí Nguyễn Minh Triết.

Sơn Tùng là thương binh hạng 1/4 từ đấy. Anh em xứ Nghệ sinh sống tại Hà Nội nhiều lần đến thăm ông đều cảm phục về ý chí vượt qua thương tật, vươn lên cả trong cuộc sống và trong nghiệp văn chương của một thương binh nặng. Dù bị hao tổn lớn về sức khỏe nhưng trong cuộc sống, Sơn Tùng vẫn không bi quan chán nản, vẫn nuôi dưỡng sức viết trên chiếc bàn nhỏ, trong căn nhà chật chội ở khu tập thể Văn Chương (Hà Nội).

Người "tạc tượng bằng chữ" thành công nhất về Bác Hồ

Từ năm 1974 trở đi, sự nghiệp văn chương của Sơn Tùng bắt đầu tỏa sáng và điều đặc biệt là Sơn Tùng đã dành trọn cả cuộc đời để sưu tầm, khám phá và xây dựng nhiều tác phẩm về lãnh tụ Hồ Chí Minh, từ thuở thiếu thời đến lúc về cõi vĩnh hằng.

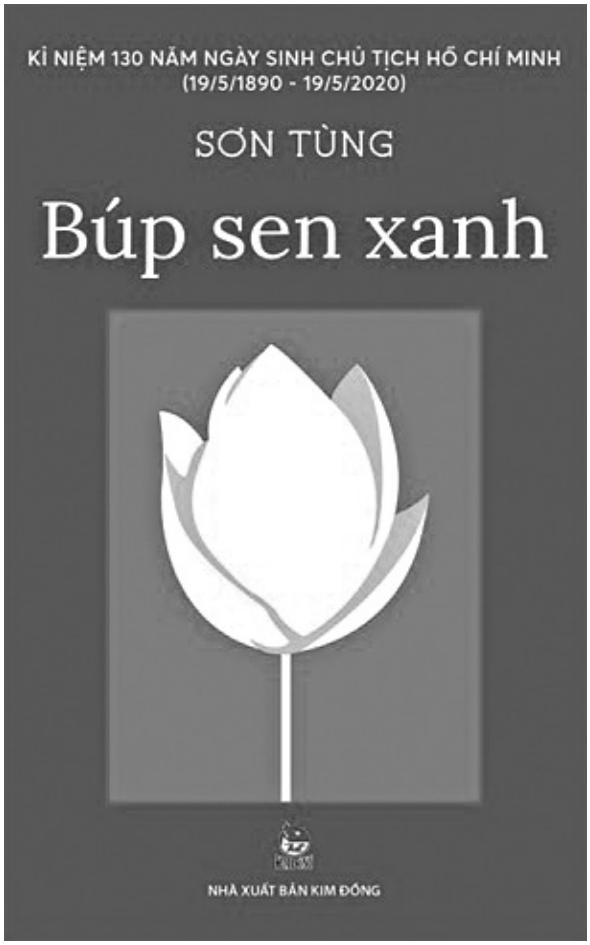

Trong số 25 tác phẩm của Sơn Tùng đã in thành sách, thì có 14 tác phẩm viết về Bác Hồ với nhiều thể loại khác nhau. Đặc biệt là tác phẩm "Búp sen xanh", được tái bản hơn 30 lần và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới với nhiều lời khen ngợi của bạn bè văn chương quốc tế. Cuốn sách này đã được Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết lời tựa: *"Chúng ta có một khẩu hiệu rất đúng, rất hay: "Chủ tịch Hồ Chí Mĩnh vĩ đại, sống mãi trong sự nghiệp chúng ta". Đúng như vậy, Hồ Chủ tịch sống mãi trong những tư tưởng và tình cảm lớn, trong toàn bộ hoạt động cách mạng của Nhân dân Việt Nam ta, của mọi người chúng ta. Đồng thời, Hồ Chủ Tịch cũng sống mãi trong những tác phẩm văn học nghệ thuật, có giá trị diễn tả cuộc đời đã trở thành lịch sử đẹp nhất và vẻ vang nhất của dân tộc Việt Nam ta".*

Dù "Búp sen xanh" lần đầu tiên xuất bản đã gây không ít tranh luận trên văn đàn tại Thủ đô Hà Nội và cả nước, nhưng Sơn Tùng đã trở thành người "tạc tượng bằng chữ" thành công nhất, ấn tượng nhất về Bác Hồ. Chúng tôi từ thuở đi học tại Nghệ An, đã nhiều lần đọc "Búp sen xanh" và lần nào cũng thấy bồi hồi xúc động bởi đằng sau những con chữ mộc mạc, chân chất của một con người xứ Nghệ, là tình yêu da diết gia đình, dòng họ, xóm làng của Bác Hồ thời thơ ấu. Sở dĩ tác phẩm "Búp sen xanh" được công chúng trân trọng nâng niu và đón nhận vì nhà văn Sơn Tùng đã có một thời gian dài tìm hiểu, ghi chép công phu lại tích lũy được vốn kiến thức về lịch sử dòng họ Nguyễn của Bác, về văn hóa vùng miền, văn hóa dân tộc.

Nhắc đến cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Sơn Tùng, không thể không nhắc tới sự tận tụy hy sinh thầm lặng của bà Phan Thị Hồng Mai - nguyên là một nữ y tá cứu thương, người từng chăm sóc cho ông trong chiến tranh, sau này trở người vợ rất thủy chung, giúp ông hằng ngày chiến thắng bệnh tật.

Sự nghiệp của nhà văn Sơn Tùng luôn tỏa sáng, với 25 tác phẩm và hàng nghìn trang viết đóng góp cho văn học nước nhà. Những tác phẩm của ông chứa đựng ý nghĩa nhân văn rất sâu sắc, được bạn đọc quê hương và cả nước hoan nghênh, tìm đọc. Đặc biệt, tiểu thuyết "Búp sen xanh" đã được tái bản đến hơn 30 lần, cùng nhiều bản dịch ra các thứ tiếng đã nói lên thành công vang dội của Sơn Tùng đối với công chúng yêu văn học.

Nhà văn Sơn Tùng, Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới đã vĩnh biệt chúng ta vào ngày 22-7-2021, hưởng thọ 93 tuổi, để lại nhiều nuối tiếc cho độc giả cả nước, khi ông đã làm trọn những điều mình đã sống, đi và viết.

Miếu Đông Sơn

Có một ngôi miếu thờ đạo học

VƯƠNG LONG

Ở làng Đông Bích, xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An có một di tích đã được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh[1]: Mộ ông Nguyễn Ngọc Sĩ và Miếu Đông Sơn. Di tích nằm tọa lạc trên một gò đất rộng gần nửa héc ta. Bên phải là dãy núi Quỳ Lĩnh cao sừng sững. Trước mặt là vùng đồng mở sáng, sau lưng biếc một dòng Lam. Cảnh trí thật linh thiêng và thơ mộng.

Như tên gọi, nơi đây được lập ra để thờ ông Nguyễn Ngọc Sĩ. Ông sinh vào thời hậu Lê, khoảng năm 1710 trong một gia đình "danh gia vọng tộc" ở tỉnh Thái Bình ngày nay. Từ nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh "tài cao trí cả học sâu"[2]. Mười tám tuổi thi đậu Hương cống, khoa thi Đinh Mùi niên hiệu Bảo Thái triều Lê (năm 1727), ông được tuyển vào Giám sinh Quốc Tử giám. Nhưng bản tính không tham danh quyền lợi lộc "tấm thân là trọng, công hầu dễ khinh", sau một thời gian ở Quốc Tử giám, ông rời bỏ kinh thành đi ngao du sơn thủy khắp trong nước. Bài "Đàng luyện" lưu truyền trong dân gian, tương truyền là bài hát cầu đồng ngày xưa ở Miếu, nói rõ cốt cách của ông:

"Thú hữu tình non non nước nước
Hạc với cầm là ước xưa nay
Tiêu dao thong thả tháng ngày
Mảng vui bầu rượu, hằng đầy túi thơ"

Khi đi qua làng Đông Hán (tên cũ của làng Đông Bích), thấy đây là nơi sơn thủy hữu tình, có Quỳ Lĩnh non xanh, Lam giang nước biếc, dân tình chất phác thật là *chốn "Bồng Lai năm thức mây tuôn … Cảnh Tiên có cảnh, người Tiên có người",* ông đã quyết định chọn đây làm nơi ở ẩn, lánh xa những uế trọc chốn quan trường.

Thuở ấy, Đông Hán còn là một vùng đất hoang sơ, cuộc sống nghèo khổ. Thương dân tình lắm người bệnh yếu ông ở lại bốc thuốc cứu dân. Rồi ông mở lớp dạy học, dạy chữ dạy cả cách làm ăn, mở mang dân trí. Học trò của ông đều là con em những người nông dân chân lấm tay bùn trong làng, mấy đời mù chữ. Ông là người đã đem chữ đến cho làng. "*Từ ấy: Đạo học lan truyền/Nguồn Văn rạng tỏ/Làng cần lao gặp Đại*

Đức Chân Nhân/Nếp Lễ Nghĩa thấm điều ăn nết ở" (Văn tế Miếu Đông Sơn).

Sau khi ông mất, không có con cái, làng đã lập Miếu thờ, tôn vinh ông là Thành hoàng làng, là bậc "Thần Y, Thánh Chữ", để ghi nhớ công ơn của ông, người đã dành trọn đời mình đem lại một đời sống văn hóa mới cho làng quê. Hiện nay, Miếu còn lưu vế đối chữ Hán ca ngợi công đức của ông:

Đông thổ văn minh bằng đại nghĩa...

(Làng Đông Bích văn minh nhờ nghĩa lớn (của ngài))

Khoảng giữa đời vua Minh Mệnh (1820-1840), miếu được tôn tạo. Từ ấy, miếu trở thành nơi sinh hoạt văn hóa của làng.

Tương truyền Miếu rất linh thiêng. Ngài Đông Sơn Phúc Diệu (vị hiệu của ông Nguyễn Ngọc Sĩ) thường nhập đồng và đáp ứng nhu cầu của mọi người có việc đến cầu xin. Khi giúp người chọn ngày, cho đất làm nhà xây mộ: *"Kìa âm trạch, nọ dương phần/Mười ba cửa họ ân cần như con*" (Bài Kinh cầu). Khi kê đơn bốc thuốc chữa bệnh: "*Lá trong vườn, hoa quanh miếu, thuốc thì cho chẳng lụy sang hèn/Người trong xã, khách qua đường, bệnh thì cứu kể chi nghèo khó"* (Văn tế Miếu Đông Sơn).

Nhưng nội dung trọng tâm và cũng là nét đặc sắc nhất của miếu Đông Sơn đó là nơi thờ Đạo Học.

Trước hết, miếu là nơi lập ra để thờ Đạo Nho. Xưa, nếu như tỉnh có Văn chỉ của tỉnh, huyện có Văn chỉ huyện thì xã có Nhà Thánh của xã, đều là nơi thờ đạo Nho, thờ Đức thánh chữ Khổng tử. Trong hệ thống ấy, ở bậc thấp hơn thì Miếu Đông Sơn là một dạng Nhà Thánh, một dạng Văn chỉ của làng. Mộc bản "Bản thôn lịch đại văn giai tiên hiền ký" lưu tại Miếu, mở đầu đã đề cao đạo Nho: *"Thánh đạo tại thiên địa gian, chư Nho đạo trung nhân dã. Thi thư di trạch, cương tỉnh phong thanh..."* (Thánh đạo ở giữa trời đất, Nho đạo ở trong nhân gian. Sách vở còn lưu lại, bờ cõi còn vang tiếng…)

Miếu lập ra để thờ Ngài Nguyễn Ngọc Sĩ, bậc "Thánh chữ" của làng. Ngoài ra Miếu còn thờ 8 vị khác. Mộc bản gọi họ là những bậc hiền tài (văn giai tiên hiền) của làng. Sau Hương cống Nguyễn Ngọc Sĩ là: Nho hội quán trưởng Nguyễn Chương, đậu Hiệu sinh[3] khoa Nhâm Ngọ triều Lê, Nguyễn Dực, Nguyễn Hữu Kính và một người họ Phan, một người họ Trần (chưa rõ tên) đều đậu Hiệu sinh triều Lê. Nguyễn Lâm Sắc đậu Sinh đồ (Tú tài) triều Lê, Vương Viết Dự đậu Tú tài khoa Quý Mão đời Thiệu Trị triều Nguyễn và đậu liền 5 khoa, Vương Viết Hy đậu Tú tài khoa Nhâm Tý đời Tự Đức, Vương Viết Triệu Tú tài khoa Ất Mão. Họ là những người có học hành, góp mặt đủ các họ trong làng, suốt mấy trăm năm dưới triều Lê triều Nguyễn. Họ cũng chỉ mới đậu cao nhất đến Cử nhân, hầu hết chỉ là Tú tài và cả dưới Tú tài, không có một chức quan, chủ yếu là thầy đồ dạy chữ. Nhưng họ vẫn được dân làng tôn thờ, khắc biển, khói hương thờ phụng ngang bằng với các vị Thánh có tên tuổi khác. Có thể nói, ở làng Đông bích xưa, Người có chữ được đề cao và đạo học được tôn trọng đến thế là cùng!

Tinh thần ấy còn được thể hiện tập trung ở cặp đối khắc trên đôi cột trụ (còn gọi là cột thậu lậu) dựng giữa sân trước miếu:

Đạo đông nghĩa lý tòng tiên tiến

Hán thủy văn chương xướng hậu thành

Tạm dịch: Thánh đạo (hướng về) đông, ý nghĩa và tư tưởng theo (những gì) tiên tiến/Trí tuệ (chiếu vào đất ấy) văn chương khởi xướng sau ắt thành công. (*Hán thủy*: có điển cố nói Hán là con sông Hán ở trên thiên hà, tượng trưng cho văn minh trí tuệ - cũng như sao Khuê vậy. *Văn chương* là tác phẩm văn học, cũng được hiểu theo nghĩa rộng là những gì hay, đẹp được viết ra thành chữ, là kiến thức, tri thức vậy). Nội dung ấy phải chăng là ước mong khát vọng của người xưa, cũng là tôn chỉ, là định hướng cho con cháu: Hãy noi theo con đường tiến bộ, khởi đầu bằng sự học tập ắt sẽ thành công. Cô đúc như một chân lý. Có người còn nói: như một lời tiên tri về hậu vận sáng sủa của làng: thành đạt nhờ vào chữ nghĩa!

Trong quần thể Miếu Đông Sơn còn có một di tích đáng chú ý. Đó là Đài Nghiên, Tháp Bút.

Nằm ngay giữa khoảng đồng rộng chỉ cách cổng Miếu gần 100 mét là Đài Nghiên. Đó là một cồn đất được đắp cao vuông vắn, hình dạng như cái nghiên mực thời xưa, mỗi cạnh dài 12 mét, cao 0,8 mét. Hướng đông nam Đài Nghiên, chếch cao hơn một chút là Tháp Bút, cũng bằng đất, khá "đồ sộ", cao hơn mặt ruộng 1,5 mét, xanh màu cỏ dại. Một hình tháp bút đặt nằm, dài 18 mét, chân tháp rộng 7 mét, đỉnh tháp nhọn (ngọn bút) hướng về đông. Khác với những Tháp Bút xây bằng vôi vữa, đặt đứng, như đang viết chữ lên trời cao. Tháp Bút Đông Sơn bằng đất đặt nằm ngang, cũng như đang viết chữ lên những trang ruộng màu xanh vậy! Xứ Nghệ là đất học, chắc hẳn ngày xưa cũng nhiều nơi có Đài Nghiên, Tháp Bút. Bây giờ còn di tích nào ở đâu nữa không? Tháp đứng (Bút lập) thì chắc khó tồn tại được lâu vì thời gian và chiến

tranh tàn phá. Tháp nằm (Bút giác điền) thì không phải là chuyện hiếm. Sách Địa đạo diễn ca của Cụ Tả Ao từ xưa đã nói đến:

Bút lập là bút trạng nguyên

Bút thích giác điền là bút thám hoa

Theo Cụ, chọn được nơi nào phong thủy có ngọn núi hay giải núi hình tháp bút mà đặt huyệt đạo thì chắc hẳn về sau đất ây sẽ có người đỗ đạt. Thế bút lập (đứng) ắt có người đỗ Trạng nguyên. Còn thế bút giác điền (nằm) sẽ có đại khoa nhưng cao lắm cũng chỉ đỗ đến Thám hoa. Núi Quỳ Lĩnh cạnh làng Đông Bích không có hình tháp bút thì người xây Miếu Đông Sơn đắp đất mà làm ra Tháp Bút. Không xây được Bút lập thì đắp Bút Giác Điền, giành ngôi Thám Hoa cũng được. Đó là ước mong là khát vọng quá đỗi lớn lao của một làng quê nghèo mà trước đó hầu như chưa có ai đỗ đạt!

Đài Nghiên Tháp Bút trước miếu Đông Sơn đã có từ hơn trăm năm nay. Điều đáng nói là sau bao biến đổi, bao vùng cồn lũy, kể cả hàng trăm ngôi mộ trên khắp vùng đồng đều đã được di dời, san phẳng để cho đồng thêm đất, mặt đồng rộng và sạch, dễ canh tác thì Đài Nghiên Tháp bút vẫn được giữ vẹn nguyên ở đó. Vì sự linh thiêng mà người ta không dám động chạm tới hay ý thức tôn trọng đạo học đã thấm vào mỗi lòng người, đã trở thành tình cảm, đạo đức, sự kính trọng, tôn thờ, dù đó chỉ là một biểu tượng của thời xưa cũ?

Sự tôn thờ đạo học đã đi vào nền nếp lễ hội và sinh hoạt thường niên ở Miếu. Mỗi năm, Miếu có 2 kỳ Lễ chính: Lễ tế thần vào mùa Xuân (Rằm tháng giêng) và Lễ giỗ Ngài Nguyễn Ngọc Sĩ (mồng 1 tháng 3 âm lịch). Tương truyền trước kia, vào đêm trước ngày Lễ hội, làng lại có buổi bình văn ở Miếu do Hội Tư văn đứng ra tổ chức. Những người có chức sắc hay đỗ đạt, xem như là những trí thức của làng và những người yêu thích văn chương lại có dịp ngồi lại cùng nhau thưởng thức những áng văn hay của người xưa và của văn nhân trong hội. Có đọc thơ ngâm thơ. Có nghe hát ca trù. Có lễ cầu đồng xin Ngài giáng trần cho chữ. Ngoài ra Miếu còn tổ chức Lễ Cầu khoa vào những năm nhà nước tổ chức kỳ thi Hương hay ở huyện, tỉnh có các kỳ khảo, hạch. Học trò trước khi đi thi làm lễ cáo yết tại Miếu, cầu Thần phù hộ cho sĩ tử thi đậu đạt cao. Sau thi có kết quả lại làm Lễ Báo khoa tại Miếu để báo cáo với các vị Tiên Thánh, Tiên Sư, Tiên Nho về việc mình vừa đậu đạt và tạ ơn các vị. Không biết những lễ Cầu Khoa, Báo Khoa ấy có linh ứng thật không nhưng điều dễ nhận thấy là từ khi có thầy Nguyễn Ngọc Sĩ về mở lớp dạy chữ và có Miếu Đông Sơn, việc học hành khoa cử của làng Đông Bích đã khởi sắc rõ rệt. Từ một làng quê 100% mù chữ đến cuối triều Lê đầu Nguyễn đã có người đỗ đạt, mà dòng họ nào cũng có:

Văn, Lâm, Hữu mấy dòng Nguyễn tộc, chăm sách đèn vụt sáng bảng đăng khoa

Trần, Phan, Vương nối chí Nho gia, nuôi đất học đã lừng danh tiên tổ.

(Văn tế Miếu Đông Sơn)

Đến nay, Đông Bích đã nổi tiếng là một làng hiếu học và học giỏi nhất của xã Trung Sơn và của huyện Đô Lương. Dẫu biết so sánh nào cũng khập khiễng và còn "phạm thượng" nữa nhưng cũng có thể nói rằng: làng đã có thêm nhiều "hiền tài". Họ nào cũng có những "hiền tài" tiếp bước được và vươn cao hơn những Hiền Tài của làng ngày xưa được phụng thờ ở Miếu. Ví dụ như họ Vương, một dòng họ nhỏ ở làng, chỉ ngót trăm hộ mà đã có 3 hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, có 2 phó giáo sư, 7 tiến sĩ, 100% thanh niên trong độ tuổi 18-21 đạt chuẩn phổ cập THPT, 80% số người lao động từ 25 đến 60 tuổi có trình độ học vấn Cử nhân trở lên. Được vậy cũng là "hậu thành" lắm rồi!

Trong quá trình Miếu Đông Sơn được phục dựng trở lại từ năm 1992 cho đến khi được xếp hạng di tích cấp tỉnh (năm 2017), các Lễ hội ở Miếu cũng đang dần được phục hồi với những nội dung và hình thức đổi mới, phù hợp hơn với hoàn cảnh mới. Trước mỗi kỳ lễ hội, thầy cô cùng học sinh các trường trong xã lại về Miếu cáo yết. Các em tìm hiểu về Di tích, viết bài giới thiệu về Miếu, rồi dàn dựng thành tiết mục dân ca. Trước mỗi kỳ thi nhiều em lại đến Miếu dâng hương. Dù chẳng còn ai quá mơ hồ ảo vọng những điều kỳ diệu ngoài năng lực của mình, song giá trị của niềm tin là có thật. Tin rằng: sự tôn trọng và đề cao Đạo Học mãi mãi còn nguyên giá trị. Ở Miếu Đông Sơn và ở mọi làng quê.

---

1 *Quyết định số 6386/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017của UBND tỉnh Nghệ An.*

2 Những câu, chữ trong dấu ngoặc kép "..." đều được trích dẫn từ bài Đàng Luyện, một bài hát cầu đồng ở Miếu, lưu truyền trong dân gian.

3 *Hiệu sinh*: Lộ hiệu sinh (Lộ: Đơn vị hành chính thời Lê, tương đương cấp tỉnh bây giờ). Thời Lê trường công đã mở đến các lộ. Đậu hiệu sinh cũng như được vào học trường công của tỉnh.

NSƯT An Ninh: Phải trăn trở, tâm huyết, đầu tư hơn nữa cho dân ca Ví, Giặm

VHTTNA: NSƯT AN NINH - NGUYÊN TRƯỞNG ĐOÀN DÂN CA VÍ, GIẶM (TRUNG TÂM NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG TỈNH NGHỆ AN), MỘT NGƯỜI GẮN BÓ LÂU NĂM VÀ RẤT TRĂN TRỞ, TÂM HUYẾT VỚI VÍ, GIẶM NGHỆ TĨNH. ÔNG LÀ TÁC GIẢ KỊCH BẢN ĐỒNG THỜI LÀ NGƯỜI CHUYỂN THỂ KỊCH BẢN THÀNH CÔNG NHIỀU CHƯƠNG TRÌNH, VỞ DIỄN NGHỆ THUẬT CỦA TRUNG TÂM. VHTTNA VỪA CÓ BUỔI TRÒ CHUYỆN CÙNG ÔNG XUNG QUANH VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VÍ, GIẶM NGHỆ TĨNH. XIN TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CÙNG BẠN ĐỌC.

VHTTNA: *Trước tiên, xin cảm ơn ông đã nhận lời trò chuyện với Văn hóa Thể thao Nghệ An. Thưa ông, đã gần một thập kỷ trôi qua kể từ ngày UNESCO ghi danh dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Là một nghệ sĩ Ưu tú, một người gắn bó lâu năm với dân ca Nghệ Tĩnh, ông nhận thấy có sự thay đổi nào của dân ca Ví, Giặm kể từ sau khi được ghi danh?*

NSƯT An Ninh: Tôi nhận thấy có rất nhiều thay đổi. Trước hết, nhận thức của mỗi người dân xứ Nghệ, đặc biệt là lớp trẻ về công tác bảo tồn, phát huy giá trị dân ca Ví, Giặm có nhiều chuyển biến. Trước đây, người dân đơn thuần chỉ biết nghe và xem các nghệ sĩ biểu diễn nhưng nay, mỗi người dân đã có ý thức trách nhiệm hơn với di sản, người trẻ yêu và gắn bó hơn với những giá trị văn hóa truyền thống. Đặc biệt, nhờ lớp trẻ với sự nhanh nhạy, khả năng tiếp cận công nghệ, cái mới mà Ví, Giặm được lan tỏa rộng rãi hơn. Sau nữa, bạn có thể thấy, từ sau khi được ghi danh "mật độ" xuất hiện của Ví, Giặm trên bản đồ di sản dày đặc hơn so với thời điểm chúng ta khảo sát, lập hồ sơ trình UNESCO. Hiện nay, gần như huyện nào, xã nào, trường nào trong 2 tỉnh Nghệ - Tĩnh cũng có câu lạc bộ dân ca Ví, Giặm. Những câu lạc bộ này được duy trì hoạt động thường xuyên, phục vụ nhiều sự kiện diễn ra trên địa bàn, thực hiện tốt vai trò bảo vệ di sản ở địa phương mình.

VHTTNA: *Vậy, theo ông thì đến nay, Ví, Giặm đã thực sự sống và tìm lại được vị trí của mình trong đời sống cộng đồng hay chưa?*

NSƯT An Ninh: Ồ, tôi nghĩ Ví, Giặm vẫn luôn sống và có sức sống mãnh liệt trong cộng đồng đấy chứ. Vấn đề là chúng ta có làm đúng cách để khơi dậy nó hay không. Chúng ta cũng phải chấp nhận một thực tế rằng, khi cuộc sống thay đổi thì cách "sống" của Ví, Giặm trong cộng đồng cũng có những thay đổi. Ví dụ như, nếu ngày xưa làng, xã nào cũng có sân khấu ở sân vận động để đoàn đến diễn và chúng ta được chứng kiến cảnh người dân nô nức kéo nhau đi xem thì nay các sân khấu ấy gần như mất hẳn nhưng chúng ta có những "sân khấu ảo" trên các nền tảng mạng xã hội có thể phục vụ hàng triệu người xem mà không giới hạn vị trí địa lý. Nghĩa là, tôi muốn nói, trong trái tim người dân xứ Nghệ luôn có Ví, Giặm nhưng việc biểu hiện nó cũng như lan tỏa nó thì ta không thể cứ đòi hỏi như xưa nữa.

VHTTNA: *Vâng, cứ tạm cho rằng vị trí của Ví, Giặm trong lòng dân không thay đổi như ông nhận định. Tuy nhiên, có lẽ chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận là đến nay vẫn còn rất nhiều khoảng trống trong khai thác giá trị dân ca Ví, Giặm. Tôi nghĩ nếu trăn trở hơn, tâm huyết và đầu tư hơn, chúng ta sẽ làm tốt hơn hiện tại. Với góc nhìn của một người gắn bó với dân ca, ông có đồng tình với nhận định đó? Theo ông, đâu là nguyên nhân khiến chúng ta chưa phát huy thực sự hiệu quả giá trị của dân ca Ví, Giặm?*

NSƯT An Ninh: Tôi rất đồng tình với nhận định này. Chúng ta cần phải trăn trở hơn nữa, tâm huyết hơn nữa, đầu tư hơn nữa cho dân ca Ví, Giặm. Chính cái thiếu trăn trở, thiếu tâm huyết, thiếu đầu tư ấy là nguyên nhân khiến những gì triển khai thời gian qua chưa mang lại hiệu quả cao. Trăn trở ở đây là trăn trở về chuyên môn để tìm hướng đi cho nó trong hiện tại và tương lai. Theo tôi, mỗi thế hệ có một sứ mệnh riêng, một thành công riêng. Để Ví, Giặm có được ngày hôm nay thì các thế hệ đi trước đến chúng tôi đã làm gần như xong nhiệm vụ của mình rồi. Bây giờ là giai đoạn của những người kế cận, phải trăn trở làm sao để bảo tồn, phát huy Ví, Giặm trong thời đại 4.0 này. Làm sao cho những thứ âm nhạc thị trường lao xao ngoài kia không làm khuất lấp đi những giá trị văn hóa truyền thống. Còn về đầu tư, dù thời gian qua, tỉnh Nghệ An đã có nhiều quan tâm nhưng vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra. Tôi nghĩ, chúng ta chưa chú trọng đầu tư về con người trong khi đây là yếu tố then chốt. Hiện nay diễn viên trẻ tuổi nhất tại Đoàn dân ca Ví, Giặm của Trung tâm Nghệ thuật truyền thống cũng đã ngoài 30 tuổi và số này cũng rất hiếm. Cứ 3 năm tỉnh lại cho mở một lớp đào tạo, tuyển chọn nhưng cuối cùng vẫn không có ai ở lại với bộ môn này, ở lại với địa phương, Bên cạnh đó, cần đầu tư nhiều hơn cho các thầy gà, thầy bày, các văn nghệ sĩ. Bên cạnh tính đại chúng, thì Ví Giặm còn mang tính bác học, chứa đựng sự sâu sắc, thông minh, tính nghệ thuật là nhờ vào đội ngũ này. Hiện nay chúng ta chưa quan tâm nhiều trong khi lớp người này thì đang dần già đi, hiếm dần mà lớp trẻ thì chưa có nhân tố nào có thể tiếp nối. Đây là điều mà nhiều năm qua, tôi thực sự rất trăn trở.

VHTTNA: *Bên cạnh thiếu đầu tư, thiếu tâm huyết, trăn trở, thì liệu có phải cách làm chưa phù hợp cũng là một nguyên nhân không, thưa ông?*

NSƯT An Ninh: Đó cũng là một nguyên nhân. Những người quản lý, người có trách nhiệm, trong đó có chúng tôi, chưa tìm ra cách làm hay, hiệu quả để lôi kéo được sự quan tâm của thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, thế hệ như chúng tôi chưa thực sự được tiếp cận với công nghệ, chưa ứng dụng được nó nhiều trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị Ví, Giặm.

VHTTNA: *Thưa ông, một trong những hình thức bảo tồn và phát huy giá trị dân ca Nghệ Tĩnh là sân khấu hóa dân ca. Từ vở "Không phải tôi" của Nguyễn Trung Giáp, vở "Mai Thúc Loan" của Phan Lương Hảo đến nay, chúng ta đã trải qua một chặng đường đầy vinh quang và thăng trầm của sân khấu hóa dân ca. Thành công của các vở diễn trong những cuộc thi thì nhiều nhưng phải chăng đến nay kịch hát vẫn chưa có chỗ đứng, nói đúng hơn là dần mất đi chỗ đứng trong lòng khán giả? Là một người lặng lẽ đứng sau thành công của nhiều vở diễn, ông suy nghĩ gì về điều này?*

NSƯT An Ninh: Tôi nghĩ bạn nhận định vậy là không đúng đâu, kịch hát chưa bao giờ mất đi vị trí của nó trong lòng khán giả. Cho đến nay, kịch hát Nghệ Tĩnh khi đến với công chúng ở các làng quê vẫn luôn được đón nhận nồng nhiệt. Có những vở diễn của chúng tôi dựng từ rất lâu rồi, đến nay vẫn diễn khắp Bắc, Nam và lần nào cũng chật kín khán giả. Có thể kể đến các vở diễn: *Lời người lời của nước non, Một ông hai bà, Ông Nghễnh bà Ngãng,…* Các buổi diễn được phát sóng trực tiếp trên Đài Truyền hình VTV1, NTV, hay các nền tảng mạng xã hội đều nhận về lượt xem rất đông. Có những vở hàng triệu lượt người xem. Sau một số vở diễn, có những khán giả còn gọi điện về cho chúng tôi, cho cả lãnh đạo cấp tỉnh để ca ngợi. Điều đó chứng tỏ rằng khán giả vẫn còn yêu kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh lắm chứ.

VHTTNA: *Nhưng rõ ràng, chúng ta đều thấy, kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh cũng chịu chung số phận với các loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống*

khác, đều đang bị mai một đi trong đời sống hiện đại. Nếu nói nó không mất đi vị trí của mình trong lòng khán giả thì tại sao lại có thực trạng ảm đạm này, thưa ông?

NSUT An Ninh: Tất nhiên là các loại hình nghệ thuật truyền thống đều đang chịu sức ép lớn từ thời đại nhưng tôi nghĩ mỗi loại hình nghệ thuật có một đặc trưng riêng, có một đối tượng khán giả riêng. Kịch hát dân ca là một loại hình cũng kén chọn khán giả và ta không thể so sánh nó với những loại hình khác như nhạc trẻ được. Vấn đề bây giờ là ở chỗ ta chưa tìm được cách tiếp cận, nói đúng hơn là chưa bắt kịp những phương thức mới trong tiếp cận với khán giả thời nay. Bên cạnh đó, công tác truyền thông hiện nay cho kịch hát còn chưa hiệu quả và chưa được chú trọng nên nhiều người dân không nắm bắt được thông tin của chương trình, sự kiện để đón xem.

VHTTNA: *Liệu có phải kịch hát dân ca chúng ta chưa thực sự trăn trở đổi mới cách làm không, thưa ông, bởi thực tế cho thấy nhiều bộ môn như Tuồng, Chèo, Cải Lương… đều trăn trở thay đổi để tìm cách tiếp cận khán giả và bước đầu có những thành công?*

NSUT An Ninh: Quả thực phải thẳng thắn thừa nhận là chúng ta chưa có chương trình phong phú, chưa khai thác nhiều vở diễn, chưa có cách làm mới mẻ sáng tạo hơn. Tuy nhiên, không phải là chúng tôi không trăn trở mà là không thể làm gì nhiều trong điều kiện thiếu thốn cả về con người lẫn vật chất. Hiện nay, mỗi năm, Trung tâm chúng tôi có khoảng 200 buổi biểu diễn phục vụ các sự kiện lớn, nhỏ trong và ngoài tỉnh nên thời gian đầu tư cho kịch hát là rất ít. Trong khi đó, một vở kịch hát cần dàn dựng công phu, bài bản, chi tiết. Bên cạnh đó, câu chuyện diễn viên cho kịch hát cũng là một vấn đề nan giải.

VHTTNA: *Vậy, thời gian tới, để kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh phát triển đúng hướng chúng ta cần làm gì, thưa ông?*

NSUT An Ninh: Theo tôi, muốn có sức lan tỏa, phát triển hơn nữa, kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh nói riêng, các loại hình nghệ thuật truyền thống nói chung phải được đầu tư cả về phương diện kỹ thuật và vật chất, trong đó rất cần thiết xây dựng một nhà hát truyền hình riêng cho kịch hát dân ca. Đây là một bộ môn đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao; có vai trò rất quan trọng không chỉ đối với bảo tồn, phát huy giá trị dân ca Ví, Giặm mà còn là công cụ tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hiệu quả; phản ánh sâu sắc đời sống xã hội và tác động lớn đến nhận thức của công chúng. Chính vì thế, phải thực sự nghiêm túc nhìn nhận vị trí của nó và đầu tư tương xứng cho nó. Mặc dù Nghệ An là tỉnh đã có nhiều quan tâm hơn so với một số tỉnh, thành khác trong bảo tồn di sản cũng như đời sống văn nghệ sĩ nhưng hiện nay chế độ đãi ngộ cho những người làm công tác này vẫn chưa tương xứng với những gì họ cống hiến, điều này dẫn đến tình trạng nhiều người phải bỏ nghề và bao nhiêu năm nay chúng ta không đào tạo thêm được lớp diễn viên trẻ kế cận. Ngoài vấn đề này, tôi nghĩ, có rất nhiều việc khác phải làm để phát triển kịch hát cũng như phát huy giá trị của Ví, Giặm. Đó là tiếp tục đẩy mạnh chương trình dân ca trong trường học; đầu tư và nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Nghệ thuật truyền thống, các câu lạc bộ dân ca Ví Giặm; đẩy mạnh truyền thông, quảng bá cho dân ca Ví, Giặm; ghi nhận, trọng dụng, có chế độ đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ. Và, trên tất cả, tôi nghĩ, muốn làm được thì chúng ta phải thực sự tâm huyết.

VHTTNA: *Vâng, tôi hoàn toàn đồng ý với ông về điều này, việc khó đến mấy nếu chúng ta đủ trăn trở và tâm huyết thì đều có thể tìm ra giải pháp. Nếu chúng ta đủ tình yêu với dân ca Ví, Giặm và nỗ lực hết sức mình vì tình yêu đó thì câu chuyện bảo tồn và phát huy giá trị di sản này sẽ không còn là một bài toán quá khó nữa. Một lần nữa, cảm ơn ông vì những chia sẻ rất sâu sắc, thẳng thắn và chân thành. Tôi biết ông đã "hưu" nhưng chưa "nghỉ", vẫn luôn trăn trở với Ví, Giặm. Chúc ông luôn mạnh khỏe và dồi dào cảm hứng sáng tạo để tiếp tục "sứ mệnh" của mình đối với dân ca Nghệ Tĩnh nói riêng và Văn hóa xứ Nghệ nói chung.*

TRANG ĐOAN (*thực hiện*)

Bảo tồn dân ca, dân nhạc, dân vũ của đồng bào các dân tộc miền Tây Nghệ An. Ảnh: Hoàng Nguyên

Chủ tịch Hồ Chí Minh và vấn đề giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

ĐẶNG CÔNG THÀNH

Bản sắc văn hóa dân tộc là tài sản vô giá; là nguồn vốn quý báu, linh hồn của dân tộc được hun đúc qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước với bao biến cố thăng trầm của lịch sử; được viết lên bằng máu, nước mắt và mồ hôi của cả dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, nó là biểu tượng của sự trường tồn, là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai của dân tộc với những giá trị bền vững. Do đó, theo Hồ Chí Minh, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc có vai trò hết sức quan trọng, là trách nhiệm của toàn thể dân tộc, của mọi người dân Việt Nam.

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là vấn đề sống còn của mỗi quốc gia - dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh: "Mỗi dân tộc phải chăm lo đặc tính của mình trong nghệ thuật", phải "chú ý phát huy cốt cách dân tộc". Và Người

nhắc nhở cần phải tránh 2 thái độ: Tiếp thu một cách máy móc hoặc phủ định hoàn toàn "vốn cũ". Người hiểu rất rõ đình, chùa, miếu mạo thường thờ phụng các bậc hiền nhân, anh hùng dân tộc có công với dân với nước và nơi đó đã trở thành vùng đất thiêng liêng, tôn nghiêm trong lòng mỗi người dân Việt Nam. Đồng thời đó cũng là những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, là điểm tựa tinh thần lâu bền không gì thay thế được ở các làng quê Việt Nam. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, dù bề bộn với việc chống thù trong giặc ngoài, xây dựng chính quyền non trẻ, nhưng với nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, ngày 03/11/1945, Hồ Chí Minh đã ký và công bố *Sắc lệnh số 65/SL* về bảo tồn cổ tích trên toàn cõi Việt Nam; rồi chỉ đạo khôi phục "vốn cũ". Tuy nhiên trong khôi phục vốn cũ Người căn dặn kỹ lưỡng: "Nói là khôi phục "vốn cũ", thì nên khôi phục cái gì tốt, còn cái gì không tốt thì phải loại dần ra", "cần xây dựng và phát triển thuần phong mĩ tục", chống "đồng bóng, rước xách thần thánh".

Người khẳng định, việc bảo vệ, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc là rất cần thiết, là việc phải làm, nên làm, nhưng quan trọng hơn là phải biết vận dụng và phát triển những bản sắc ấy vào cuộc sống. Đó chính là cách tốt nhất để bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. Ở Hồ Chí Minh luôn có sự gắn bó chặt chẽ giữa truyền thống và hiện đại. Theo Người, mọi hiện đại, tiên tiến đều bắt nguồn từ truyền thống tốt đẹp. Từ tầm nhìn của một nhà văn hóa lớn. Người luôn nhắc nhở mọi người, nhất là cán bộ, đảng viên phải biết quý trọng vốn cổ dân tộc, "Dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam".

Giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc

Nhận thức đúng đắn truyền thống yêu nước, lòng tự hào, tự tôn trong chiều dài lịch sử của dân tộc, Người nhấn mạnh: "Giở sử đất nước ra mà xem, mi sẽ thấy tổ tiên đã treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn"[1]. Lòng tự hào, tự tôn dân tộc luôn là nền tảng tinh thần để mỗi người Việt Nam có trách nhiệm với vận mệnh của dân tộc mình. Để giáo dục lòng yêu nước, kêu gọi đoàn kết cứu nước, Người khẳng định: "Đời nào cũng có người anh hùng mưu cao võ giỏi đứng ra đoàn kết Nhân dân đuổi giặc cứu nước. Đời Trần, quân Nguyên đánh đâu được đấy, chiếm nước Tàu và nửa châu Âu, thế mà ba lần bị ông Trần Hưng Đạo đánh tan.... Nhờ những vị dân tộc anh hùng ấy mà nước ta được tự do, độc lập, lừng lẫy ở Á Đông"[2]. Người kết luận: "Nhờ ý chí độc lập và lòng khát khao tự do hơn là nhờ quân đông sức mạnh, nước Nam đã thắng". Chính ngọn nguồn giá trị văn hóa truyền thống, ý chí độc lập và khát vọng tự do đã trở thành nền tảng văn hóa tinh thần, là động lực to lớn để dân tộc Việt Nam trường tồn và phát triển.

Tinh thần bất khuất, dũng cảm, kiên cường, dù phải hy sinh nhưng vẫn quyết giữ vững lòng trung thành với Tổ quốc, đoàn kết một lòng một dạ phục vụ Nhân dân, đã tạo nên sức mạnh to lớn giúp Nhân dân Việt Nam chiến thắng kẻ thù. Người khẳng định: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"[3]. Mỗi khi vận nước bị đe dọa, ngoại bang nhòm ngó và xâm lăng, cả nước đồng tâm, toàn dân tụ họp nêu cao quyết tâm bảo vệ nền độc lập. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ Nhân dân miền ngược đến miền xuôi, từ những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm cho đến những kiều bào ở nước ngoài, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Truyền thống đó của dân tộc ta đã được giữ gìn và phát huy từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Giữ gìn và phát huy tinh thần tương thân, tương ái, lòng khoan dung, trọng tình nghĩa, đạo lý của dân tộc

Khi đất nước mới giành được độc lập, tự do, trước nạn "giặc đói" đang đe dọa trầm trọng đến tính mạng của người dân nghèo, Hồ Chí Minh đã rất coi trọng việc giữ gìn và phát huy tinh thần tương thân, tương ái "*lá lành đùm lá rách*",

"Nhiễu điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng" … Không chỉ kêu gọi mọi người cùng nhường cơm, sẻ áo giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn, hoạn nạn mà chính Người cũng đã gương mẫu thực hiện 10 ngày nhịn ăn một bữa. Khi đất nước còn chiến tranh, miền Nam chưa được giải phóng và còn phải đổ máu ngày nào thì ngày đó Người ăn không ngon, ngủ không yên. Và cho đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời Người vẫn trọn vẹn "để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng".

Lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý là nền tảng của giá trị văn hóa Việt Nam: "Dân vi bang bản, bản cố bang ninh" (*dân là gốc của nước, nước có vững dân mới yên ổn)*… Nền tảng giá trị này đã được Hồ Chí Minh sử dụng xuyên suốt trong hành trình hoạt động cách mạng, mà trước hết được biểu hiện ở lòng tôn quý của Người về vai trò của con người và được Người khái quát: Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải yêu nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức. Người khẳng định: "Lòng thương yêu Nhân dân và nhân loại của tôi không bao giờ thay đổi". Như vậy, từ "thương người như thể thương thân" vốn là một khía cạnh đặc sắc trong bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam đã được Hồ Chí Minh giữ gìn và phát huy ở một tầm cao mới, mang một nội dung mới, sâu sắc và toàn diện. Tình thương đó, trước hết dành cho Nhân dân lao động, cho những người cùng khổ bị áp bức, đọa đầy. Từ tình thương yêu đồng bào mình, dân tộc mình, Người mở rộng lòng yêu thương đó đến tất cả nhân loại khổ đau bởi áp bức, bóc lột, bất công. Đứng trên lập trường của giai cấp vô sản, tình yêu thương con người đã được Người nâng lên thành chủ nghĩa nhân văn cách mạng. Người khẳng định: "Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân" và "Gốc có vững cây mới bền. Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân"[4].

Thấm nhuần sâu sắc truyền thống văn hóa của dân tộc, "Lấy nhân nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo", đến thăm trại tù binh trong chiến dịch Biên giới, thấy một sĩ quan Pháp đang run lên vì lạnh, Hồ Chí Minh đã cởi chiếc áo ấm Người đang mặc đưa cho anh ta. Viên sĩ quan Pháp giơ tay nhận chiếc áo mà cảm động rơi nước mắt. Giăng Xanh tơ ny, người đại diện cho Chính phủ Pháp đảm nhiệm việc đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh thời kỳ 1945-1946, đến cuối đời đã phải thú nhận: Hồ Chí Minh là người đã đánh đắm cả chế độ thực dân Pháp nhưng vẫn là bạn của nước Pháp.

Giữ gìn các giá trị văn hóa trong phong tục, tập quán và các lễ hội truyền thống của dân tộc

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, giữ gìn và phát huy bản sắc của mỗi dân tộc sẽ phát huy được sức mạnh của cả dân tộc, đồng thời những nét văn hóa riêng của mỗi dân tộc anh em gồm tín ngưỡng, phong tục tập quán, lễ hội... bổ sung cho nhau và làm phong phú cho nền văn hóa dân tộc Việt Nam.

Phong tục tập quán vừa có cái chung, vừa có cái riêng, thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc một cách đậm đà và sâu sắc. Ngay từ những năm còn ở chiến khu Việt Bắc, Hồ Chí Minh đã chú trọng đến việc giữ gìn, tôn trọng phong tục, tập quán, tín ngưỡng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Người coi đó là "những vốn cũ quý báu của dân tộc" cần được giữ gìn, bảo vệ và phát huy. Chính vì thế mà cần phải: "Ra sức giúp đỡ đồng bào phát triển những việc có lợi ích cho đời sống vật chất và văn hóa của các dân tộc"[5].

Giữ gìn và phát huy các giá trị về bản sắc văn hóa trong phong tục truyền thống là để xây dựng cuộc sống dân tộc được tốt đẹp hơn và xóa bỏ những yếu tố lạc hậu góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trên các địa phương. Mỗi dân tộc dù có khác nhau nhưng đều có điểm chung là cùng nhau xây dựng đời sống văn hóa mới, giữ gìn gia phong, thuần phong mĩ tục.

Trên con đường đưa Nhân dân "thoát khỏi dã man" dưới ách thực dân để vươn tới văn minh trong một đời sống mới, Hồ Chí Minh chủ trương phải biết trân trọng, giữ gìn, kế thừa và phát huy những gì tốt đẹp, quý báu, đồng thời phải loại bỏ những gì lỗi thời, lạc hậu của truyền thống cũ.

Lễ hội là dịp để bảo tồn dân ca, dân nhạc, dân vũ của đồng bào các dân tộc (trong ảnh: Lễ hội đền Chín gian, huyện Quế Phong, Nghệ An).
Ảnh: Ngọc Mai

Người căn dặn: "Cần xây dựng và phát triển thuần phong mĩ tục", "Nói là khôi phục vốn cũ, thì nên khôi phục cái gì tốt, còn cái gì không tốt thì phải loại dần ra"[6]. Phải đón nhận những cái mới nhưng phải tiếp thu có chọn lọc nhằm bổ sung những cái còn thiếu.

Trong tác phẩm Đời sống mới, Người chỉ rõ, đời sống mới không phải là cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới, cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ và cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm, cụ thể: "Sửa đổi những việc rất cần thiết, rất phổ thông, trong đời sống của mọi người, tức là sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc"; những thói cờ bạc, trộm cắp, hút sách, đánh chửi, kiện cáo nhau phải bị lên án; loại bỏ những hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan như: lấy chồng hoặc lấy vợ quá sớm, cúng bái, ma chay theo các hủ tục lạc hậu...; đồng thời phải xây dựng làng kiểu mẫu và tuyên truyền giáo dục cho Nhân dân hiểu được những tiêu cực và hậu quả của những thói quen lạc hậu để Nhân dân thấy được sự cần thiết phải thay đổi trong nhận thức và hành vi.

Như vậy, Hồ Chí Minh rất trân trọng, gìn giữ và làm phong phú bản sắc văn hóa dân tộc để nâng tầm văn hóa Việt Nam. Đây là một tư tưởng vô cùng đẹp đẽ, sâu sắc và cao rộng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với vai trò là người đứng đầu của một quốc gia - dân tộc; hơn thế, là đại diện về tư tưởng, trí tuệ, tinh thần, hồn cốt của quốc gia - dân tộc Việt Nam. Những quan điểm, tư tưởng của Người về văn hóa nói chung và giữ gìn, phát triển văn hóa dân tộc nói riêng không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, mà còn có giá trị sâu sắc trong công cuộc xây dựng CNXH. Những tư tưởng ấy chính là cơ sở, nền tảng cho Đảng xây dựng đường lối phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc hiện nay với yêu cầu hàng đầu là "Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội của các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên... nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam"[7]. Trong đó xác định gắn việc giữ gìn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam với việc chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, xây dựng Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa quốc tế; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với thực tiễn, từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới và xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, tập 1, tr. 97.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 3, tr. 255.
3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 7, tr. 38.
4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 5, tr. 502.
5. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 14, tr. 169.
6. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 11, tr. 557.
7. ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, tập 1, tr.143.

Sưu tầm hiện vật và trưng bày bảo tàng trong bối cảnh đương đại

BÙI HÀO

Nghệ An đang thực hiện Đề án Nâng cấp bảo tàng văn hóa các dân tộc miền Tây Nghệ An ở huyện Quỳ Châu với một nguồn kinh phí khá lớn. Nhưng việc sưu tầm tài liệu hiện vật để phục vụ trưng bày cũng đang gặp nhiều khó khăn, thách thức. Một trong số đó đến từ sự biến đổi văn hóa tộc người trong bối cảnh hiện nay. Qua những chuyến đi sưu tầm tư liệu hiện vật ở vùng dân tộc thiểu số gần đây phần nào chứng minh rõ điều đó.

Từ chuyến khảo sát sưu tầm thông tin hiện vật bảo tàng

Để chuẩn bị tài liệu hiện vật trưng bày cho Bảo tàng Văn hóa các dân tộc miền Tây Nghệ An, Bảo tàng Nghệ An đã cử một đoàn cán bộ đi khảo sát thông tin tư liệu và hiện vật các dân tộc Thái và Thổ ở huyện Tân Kỳ, thị xã Thái Hòa và huyện Nghĩa Đàn. Chuyến công tác kéo dài trong hai tuần với nhiệm vụ là khảo sát tình hình về tư liệu hiện vật và lập danh sách các hiện vật có thể phục vụ trưng bày cho bảo tàng sắp tới. Việc đi sưu tầm tư liệu hiện vật để trưng bày đối với cán bộ bảo tàng là chuyện chuyên môn thiết yếu. Và đoàn đi lần này cũng là những cán bộ có nhiều kinh nghiệm trên chục năm công tác.

Hành trình của chuyến khảo sát bắt đầu từ các xã Nghĩa Lợi, Nghĩa Lạc, Nghĩa Thọ, Nghĩa Mai của huyện Nghĩa Đàn. Tiếp đó là đến các phường Quang Phong, Quang Tiến và xã Nghĩa Tiến của thị xã Thái Hòa. Cuối cùng, cả đoàn tiến hành khảo sát các xã Giai Xuân, Tân Xuân, Tân Hợp, Tiên Kỳ, Đồng Văn của huyện Tân Kỳ. Đây là một chuyến khảo sát dài ngày với đối tượng chủ yếu là người Thổ và người Thái. Nhiệm vụ của chuyến sát là tìm hiểu thông tin về bản sắc văn hóa truyền thống của các cộng đồng, về sự giao thoa và tiếp biến văn hóa giữa các cộng đồng. Cùng với đó là tiến hành khảo sát và lập danh mục những hiện vật có giá trị để phục vụ trưng bày bảo tàng. Đây là chuyến khảo sát bước đầu nên chỉ lập danh mục, trao đổi về phương thức chuyển nhượng và ước định giá cả ban đầu với chủ nhân hiện vật. Còn có thể sưu tầm các hiện vật hay không thì vẫn phải thực hiện những công việc tiếp theo sau khi trình hội đồng thẩm định các hiện vật đã lập danh sách.

Cán bộ bảo tàng trao đổi về thông tin hiện vật với một cụ già người Thái ở làng Mồn, xã Nghĩa Lạc, Nghĩa Đàn. Ảnh: Bùi Hào

Hỏi thông tin về kỹ thuật đan võng gai truyền thống của người Thổ ở xóm Long Thọ, xã Giai Xuân, Tân Kỳ. Ảnh: Bùi Hào

Cán bộ bảo tàng hỏi thông tin về nghề đan võng gai truyền thống của người Thổ ở bản Lung Thượng, xã Nghĩa Lợi, Nghĩa Đàn. Ảnh: Bùi Hào

Hỏi thông tin về một số hiện vật của người Thổ ở xóm Hoàng Trang, xã Tân Xuân, Tân Kỳ. Ảnh: Bùi Hào

Để thực hiện chuyến đi, cơ quan đã gửi công văn về cho địa phương để được giúp đỡ. Đến các huyện, đoàn liên hệ với Phòng Văn hóa và Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông các huyện, thị để được đưa đến các xã đã lựa chọn. Từ các xã, đoàn được cán bộ văn hóa dẫn xuống tận thôn xóm gặp gỡ với những người quan trọng như già làng, người có uy tín, các nghệ nhân, thầy mo, các nhà nghiên cứu sưu tầm… Phương pháp chính là đến tận từng gia đình của những người này để trao đổi, hỏi thông tin và quan sát, tìm kiếm các hiện vật. Từ thông tin để tìm kiếm hiện vật và từ các hiện vật để khai thác các thông tin chuyên sâu hơn. Đây là phương pháp sưu tầm hiện vật phổ biến ở các bảo tàng hiện nay.

Những thách thức từ biến đổi văn hóa tộc người

Như một sự cố hữu trong suy nghĩ của những người đi sưu tầm hiện vật để phục vụ trưng bày bảo tàng là phải tìm được những hiện vật đẹp, thú vị, gắn với bản sắc văn hóa tộc người. Điều đó không sai. Bởi đó là những đặc tính của hiện vật mà trưng bày bảo tàng truyền thống luôn coi trọng. Vậy nên, trong suốt hành trình khảo sát qua 12 xã/phường của ba huyện, thị, cán bộ đoàn không khỏi lo lắng, buồn bã và có phần chán nản. Họ chia sẻ rằng so với các chuyến đi sưu tầm trước đó ở các vùng khác thì lần này quá ít hiện vật để khảo sát. Người Thái ở các địa phương này không còn lưu giữ được nhiều hiện vật mang đặc trưng văn hóa truyền thống của họ như ở Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Quế Phong hay các vùng Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn phía đường 7. Còn với dân tộc Thổ, họ cũng thay đổi nhiều và cuộc sống hiện đại chẳng khác gì người Kinh ở vùng xuôi hay bên cạnh họ.

Quá trình biến đổi văn hóa qua nhiều giai đoạn đã làm cho các nhóm tộc người ở các khu vực này đánh mất dần bản sắc văn hóa. Đó là một thực trạng không chỉ riêng những nơi này mà gần như phổ biến khắp nơi. Trong quá trình chuyển đổi đó, người dân không lưu giữ lại được những hiện vật gắn với bản sắc văn hóa cũng là chuyện bình thường. Hầu như các hiện vật mà đoàn khảo sát tìm thấy thì thường ở những nơi khác lại phổ biến hơn và thậm chí còn đẹp hơn, niên đại còn xa hơn và bảo tàng cũng đã có nhiều. Nghĩa là qua cuộc khảo sát, số hiện vật mới lạ gắn với bản sắc văn hóa tộc người còn rất ít. Có những vùng đã tiếp cận với lối sống hiện đại lâu năm nên đời sống văn hóa thay đổi. Hoặc những tai nạn trong quá khư như cháy làng, lũ lụt đã làm cho các hiện vật bị mất mát. Hơn nữa, ngoại trừ những hiện vật quan trọng, gắn với cuộc sống gia đình hay đời sống tâm linh người dân mới giữ lại, còn lại họ cũng vứt bỏ đi hết. Vậy nên việc khảo sát thấy ít hiện vật cũng là điều không khó hiểu. Bởi trong sự biến đổi văn hóa đó, những hiện vật gắn với bản sắc văn hóa tộc người bị mất mát và thay thế bằng những hiện vật mới gắn với quá trình giao thoa, tiếp biến văn hóa. Có điều những hiện vật này "không có gì đặc biệt", "không gắn với bản sắc văn hóa cộng đồng", "không thể hiện được

đặc trưng văn hóa cộng đồng", hay "không thú vị lắm"… Vậy nên có cần thiết phải khảo sát không và liệu có thể sử dụng trong trưng bày bảo tàng hay không? Đây chính là một vấn đề được đặt ra xuyên suốt chuyến khảo sát.

Tái hiện quá khứ huy hoàng hay thực tại sinh động?

Trong quan niệm truyền thống, trưng bày bảo tàng, nhất là đối với văn hóa các cộng đồng, tộc người thì người ta luôn cố gắng thể hiện được bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng, tộc người đó. Các nhà bảo tàng cố gắng thể hiện được các nét đặc trưng văn hóa từ ăn, mặc, ở, đi lại đến các yếu tố văn hóa phi vật thể khác thông qua những hiện vật. Vậy nên, các bảo tàng vẫn thường coi trọng các hiện vật gắn với bản sắc văn hóa tộc người. Hiện vật phải "mang tính đặc trưng văn hóa cộng đồng", phải "thể hiện được bản sắc văn hóa cộng đồng" thì mới có thể đưa vào trưng bày trong bảo tàng. Vì lẽ đó mà cán bộ bảo tàng khi đi khảo sát và sưu tầm tài liệu hiện vật để phục vụ trưng bày luôn cố gắng tìm kiếm những hiện vật thể hiện được "bản sắc văn hóa" của các cộng đồng, tộc người.

Bản sắc văn hóa, trong quan niệm trước đây, là những yếu tố văn hóa cốt lõi để định danh tộc người, cộng đồng. Nhiều khi người ta cho rằng bản sắc văn hóa là không thay đổi. Nó gắn với một quá khứ mà người ta coi là "văn hóa truyền thống". Khi đi sưu tầm tài liệu hiện vật và trưng bày về một cộng đồng, tộc người, cán bộ bảo tàng đã theo một số nghiên cứu, ghi chép trước đó đã định hình cái gọi là "bản sắc văn hóa" để tìm kiếm những hiện vật thể hiện, tái hiện lại nó. Như vậy, "bản sắc văn hóa" theo cách hiểu đó cũng là một sản phẩm của quá trình sản xuất tri thức, là sự mô tả của các nhà nghiên cứu trước đó về một cộng đồng đã được chấp nhận, nó cũng là một quá khứ huy hoàng nào đó của cộng đồng, tộc người. Trong khi đó, mọi cộng đồng, tộc người luôn vận động và biến đổi. Các yếu tố văn hóa cũng không phải "tĩnh" nên không hề đứng im. Bản sắc văn hóa, trong một quá trình vận động cũng biến đổi sao cho phù hợp với cuộc sống của cộng đồng chủ thể chứ không tĩnh tại như ở một thời điểm cụ thể mà nhà nghiên cứu đã mô tả lại. Vậy nên trưng bày bảo tàng hiện nay nên quan tâm thể hiện một quá khứ huy hoàng gọi là "bản sắc văn hóa" hay một thực tại sinh động mà các nền văn hóa đang biến chuyển nhanh chóng và đa dạng? Đây là vấn đề lớn trong trưng bày bảo tàng hiện nay ở Việt Nam.

Đổi mới trong trưng bày bảo tàng

Lựa chọn giữa trưng bày bản sắc văn hóa tộc người hay trưng bày về thực tại biến đổi sôi động của các nền văn hóa tộc người là một điều cơ bản trong quá trình đổi mới trưng bày bảo tàng hiện nay. Nó cũng thay đổi tư duy về đánh giá hiện vật.

Trước hết, cần phải nhấn mạnh rằng, bảo tàng luôn cần những hiện vật đẹp, hấp dẫn, thể hiện được "bản sắc văn hóa cộng đồng". Đặc biệt, trong phần trưng bày cố định về các cộng đồng thì càng phải có nhiều hiện vật như vậy. Tuy nhiên, trong bảo tàng hiện nay, bên cạnh trưng bày cố định dài hạn gắn với sự tồn tại của bảo tàng, thì còn nhiều trưng bày chuyên đề gắn với các hoạt động thường niên của bảo tàng. Các hoạt động trưng bày chuyên đề là nhân tố tạo sức hút để người ta đến bảo tàng nhiều lần bởi nó thay đổi liên tục theo các chủ đề khác nhau. Để phục vụ các trưng bày chuyên đề thì cần phải sưu tầm những thông tin tài liệu hiện vật thể hiện được sự sinh động của cuộc sống. Nó cũng gắn các hoạt động bảo tàng gần gũi hơn với sự biến đổi nhanh chóng và sôi động của cuộc sống đương đại.

Vì lẽ đó nên trong tư duy về việc đi sưu tầm tài liệu hiện vật cũng cần có sự thay đổi. Bên cạnh những hiện vật thú vị, đặc trưng của các cộng đồng, người ta bắt đầu quan tâm nhiều đến các hiện vật, sưu tập hiện vật thể hiện sự biến đổi văn hóa. Nếu như trước đây, khi đi sưu tầm hiện vật về người Thái, Khơ Mú, Mông, hay Thổ ở miền núi mà gặp cái quạt điện, nồi cơm điện hay vài hiện vật "mới", "mua" của người dân thì sẽ xem đó là không có giá trị, bởi nó không gắn với bản sắc văn hóa các tộc người này. Nhưng hiện nay, các hiện vật này cũng có giá trị khi gắn với những câu chuyện về quá trình hiện đại hóa và sự tiếp cận lối sống hiện đại của người dân. Một bếp củi với xoong nồi cũ, một nồi cơm điện và một bếp ga, qua câu chuyện của những người chủ thể sẽ cho chúng ta một cái nhìn sinh động về giao lưu, tiếp biến

văn hóa tộc người. Nó cho ta thấy người dân tộc thiểu số bước vào lối sống hiện đại như thế nào. Và sự thay đổi đó đang dần được bảo tàng lựa chọn để định hướng trong quá trình đổi mới.

Sự đổi mới tư duy ở nhiều bảo tàng trong nước khi tiếp cận với các nền bảo tàng học hiện đại ở nhiều nước phát triển đã đặt ra nhiều vấn đề về thay đổi tư duy trưng bày bảo tàng. Ngày nay, nhiều bảo tàng đang chuyển từ trưng bày các hiện vật mang tính "bản sắc văn hóa" cố hữu sang trưng bày các hiện vật thể hiện thực tại sinh động của các nền văn hóa. Sự thay đổi quan điểm trưng bày như vậy cũng làm cho quá trình khảo sát, sưu tầm hiện vật và cách thức trưng bày thay đổi theo. Những người đi khảo sát sưu tầm hiện vật bây giờ không chỉ tập trung tìm các hiện vật mang tính "đặc trưng văn hóa tộc người" nữa, mà phải tìm các hiện vật gắn với sự biến đổi đời sống văn hóa con người. Các hiện vật đơn lẻ không được coi trọng bằng các sưu tập hiện vật gắn với một quá trình biến chuyển hơn là một sự kiện độc lập. Cán bộ sưu tầm hiện nay không chỉ đi tìm hiện vật với một số thông tin cơ bản, mà phải nghiên cứu rất nhiều thông tin khác nhau. Đây cũng là bước chuyển biến trong việc đưa nghiên cứu khoa học vào trong trưng bày bảo tàng. Trưng bày hiện nay không chỉ là đưa hiện vật từ kho ra các gian trưng bày cho người ta xem nữa, thay vào đó, cần có những câu chuyện thể hiện được không chỉ bản sắc mà cả quá trình chuyển đổi văn hóa của cộng đồng. Vì vậy, các trưng bày vẫn phải kết hợp giữa thể hiện bản sắc văn hóa và quá trình biến đổi văn hóa nhằm gắn bảo tàng với thực tại sinh động đang diễn ra.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, nhà nghiên cứu Trần Minh Siêu đã thanh thản ra đi về miền mây trắng, về với quê hương Bắc Thành (Yên Thành, Nghệ An), hưởng thọ 89 tuổi.

Hòa trong dòng người tiễn đưa, ông Cao Đăng Vĩnh - nguyên Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao Nghệ An ngậm ngùi chia sẻ: "Bác Siêu ra đi, một cây đại thụ của ngành Văn hóa Nghệ An nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi! Một người kể chuyện Bác Hồ hay nhất xứ Nghệ ra đi! Một khoảng trống khó đắp bù!".

Ông Trần Minh Siêu sinh năm 1935. Năm 1957, sau một lớp đào tạo ngắn hạn về sư phạm, ông về dạy Văn, Sử ở Trường Phổ thông cấp II Phú Cường - Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Vốn đam mê lịch sử nên vừa giảng dạy ông vừa tranh thủ mọi thời gian ôn luyện để quyết tâm thi vào Đại học Tổng hợp Hà Nội (khoa Lịch sử) và ông đã thi đậu vào trường này, khoa này vào năm 1959. Là học trò của các giáo sư, nhà nghiên cứu lịch sử nổi tiếng được mệnh danh *"tứ trụ lịch sử đương đại"* như Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, tình yêu với lịch sử dân tộc, ngọn lửa đam mê nghiên cứu lịch sử ngày càng bén bùng trong ông.

Năm 1962, tốt nghiệp Đại học Tổng hợp lịch sử, ông về nhận công tác tại Vụ Bảo tồn, Bảo tàng - Bộ Văn hóa thông tin. Bảy năm *"phủi bụi thời gian làm sáng đẹp thêm trầm tích lịch sử quê hương đất nước, thấm thêm cái hay cái đẹp, cái cao cả, quý giá của lịch sử đất nước"* (chữ của ông Siêu), nguồn cảm hứng đam mê nghiên cứu lịch sử càng thêm nồng cháy trong ông. Những cuốn sổ ghi chép của ông ngày mỗi ngày dày thêm những tư liệu, những trải nghiệm từ đồng nghiệp, từ những người thầy, những vùng đất ông đến, những trang sách ông đọc. Một số bài khảo cứu lịch sử, khảo cứu danh nhân của ông được công bố trên các chuyên san của Bộ, báo, tạp chí đã gây được sự chú ý của bạn đọc.

Tháng 10/1969, vì hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, ông xin chuyển công tác về Sở Văn hóa thông tin Nghệ An. Ngày tiễn ông về quê nhà công tác, Thứ trưởng Hà Huy Giáp ân cần: "Chú về Nghệ An là *"thả hổ về rừng"*. Quê ta *"địa linh, nhân kiệt"*, tha hồ cho chú nghiên cứu nhưng theo anh hướng tiếp cận của chú nên chuyên sâu vào đề tài quê hương và gia đình Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là một đề

Nhà nghiên cứu Trần Mình Siêu (1935- 2023) và tác phẩm của ông

Gia tài để lại của nhà nghiên cứu Trần Minh Siêu

NGUYỄN KHẮC THUẦN

tài lớn, một vấn đề rất lý thú mà giới nghiên cứu lịch sử còn mang nợ với dân tộc với Bác Hồ, Bộ cũng rất cần, đất nước cũng rất cần các kết quả nghiên cứu này".

Tâm đắc với lời khuyên của người thủ trưởng, người thầy, người đồng hương mà ông hết sức kính trọng, về Nghệ An, ông trình bày nguyện vọng được lên công tác tại Khu Di tích Kim Liên. Khu Di tích Kim Liên ngày ấy còn rất sơ khai, ngoài hai tổ công an phòng chống cháy nổ, Ban Quản lý di tích chỉ có hơn 10 người. Là Trưởng ban nhưng ông cũng là cán bộ trưng bày, đón khách, thuyết minh, lao công dọn dẹp vệ sinh.

Nhớ lại những ngày đó, trong một lần trò chuyện cùng đồng nghiệp ông kể: Đầu năm 1970, Thứ trưởng Hà Huy Giáp và đồng chí Vũ Kỳ (Thư ký của Bác Hồ) vào thăm và làm việc với Khu Di tích Kim Liên. Hai ông đã ngủ lại một đêm ở đây để nghe anh em trong Ban dốc bầu tâm sự. Ngày hôm sau về làm việc với Tỉnh ủy, UBND tỉnh, với một tầm nhìn xa, rất xa về quản lý di tích, danh thắng, hai ông đã đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh tỉnh nhiều giải pháp phát triển Khu Di tích ngang tầm với danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh để khi nước nhà thống nhất đón đồng bào, đồng chí miền Nam ra thăm. Những ý kiến của Thứ trưởng Hà Huy Giáp và đồng chí Vũ Kỳ cũng là tâm niệm lâu

nay của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Nghệ An. Ông được giao chuẩn bị Đề án nâng cấp tôn tạo Khu Di tích Kim Liên để trình các cấp. Một bản đề án hơn 30 trang đánh máy được ông gấp rút hoàn thành, hiệu quả ngoài sức tưởng tượng. Bộ Văn hóa Thông tin trình Thủ tướng, Thủ tướng Phạm Văn Đồng bút phê: *"Bộ Văn hóa Thông tin và UBND tỉnh Nghệ An thay mặt chiến sĩ đồng bào cả nước triển khai ngay, càng nhanh càng tốt. Công trình đặc biệt phải được đầu tư đặc biệt, chất lượng và hiệu quả xã hội phải xứng tầm"*. Thừa ủy nhiệm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Bộ trưởng Hoàng Minh Giám trực tiếp vào giao nhiệm vụ cho UBND tỉnh Nghệ An, Bộ trưởng nhấn mạnh hai nhiệm vụ mới của Ban Quản lý Khu Di tích Kim Liên là: Liên hệ với các khu Di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cả nước để trao đổi tư liệu, thông tin, học tập kinh nghiệm lẫn nhau; đưa việc sưu tầm tài liệu nghiên cứu về quê hương gia thế, họ tộc Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành nhiệm vụ chính trị, nội dung thi đua của cán bộ nhân viên trong Ban.

Triển khai Đề án tôn tạo, nâng cấp Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Kim Liên tháng 6/1970, Ban Quản lý Khu Di tích được tổ chức lại, tăng thêm biên chế, cơ sở hạ tầng của Khu Di tích được đầu tư theo tinh thần của Thủ tướng: công trình đặc biệt, đầu tư đặc biệt.

Có cẩm nang: *"Đề án tôn tạo phát triển Khu Di tích Kim Liên"* ông và các cộng sự bắt tay vào nhiệm vụ nghiên cứu gia thế quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh một cách say sưa. Tranh thủ mọi thời gian trưa, tối, chủ nhật…., ông và các cộng sự say sưa tìm nhân chứng, giải mã các bản gia phả, các văn bản Hán Nôm ở Kim Liên, ở Nam Đàn. Nhờ thế, tư liệu sưu tầm được ngày một nhiều hơn, nhiều tồn nghi được làm sáng tỏ. Và từ đó, Hồ sơ Di tích Lò Rèn Cố Điền, Giếng Cốc, núi Chung, những người thân trong gia đình Bác Hồ… được ra đời, vừa đáp ứng được yêu cầu trước mắt là đổi mới không gian trưng bày, nội dung trưng bày, giải pháp kỹ thuật cho Khu Di tích Kim Liên vừa đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu về thân thế sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh trong dài hạn.

Cũng từ kết quả của sự dày công nghiên cứu này, ông đã tham mưu cho ngành Văn hóa, UBND tỉnh phục dựng lại nhiều di tích gốc như nhà thờ chi họ Nguyễn Xuân, nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, nhà cụ Cử nhân Vương Thúc Quý (thầy học khai tâm của Bác Hồ), Khu Lăng mộ bà Hoàng Thị Loan là nơi ông và các cộng sự với sự giúp đỡ trực tiếp của đồng chí Vũ Kỳ đã bỏ nhiều công sức để nghiên cứu về địa hình, phong thủy để giúp cho việc trùng tu tôn tạo được tốt nhất, thỏa lòng mong đợi của chiến sĩ, đồng bào cả nước.

Hơn nửa thế kỷ dồn hết tâm lực, trí lực cho việc nghiên cứu về Bác Hồ, ông đã để lại một gia tài trước tác về Bác Hồ khá đồ sộ. Đó là hàng trăm bài báo, bài nghiên cứu khi ông tham gia các hội thảo khoa học về Hồ Chí Minh trong nước và quốc tế. Xuất bản các tập sách: *"Những người thân trong gia đình Bác Hồ"*, *"Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Kim Liên"*, *"Kim Liên trong lòng Nhân dân và bầu bạn"*, *"Huyền thoại huyệt đạo bà Hoàng Thị Loan trên núi Động Tranh"*, *"Chuyện kể bên mộ bà Hoàng Thị Loan"*, *"Quê hương và gia thế Chủ tịch Hồ Chí Minh"*... Trong các ấn phẩm này, tập *"Những người thân trong gia đình Bác Hồ"* đã lập kỷ lục tái bản đến 34 lần và được UBND tỉnh Nghệ An tặng giải Nhất *"Sáng tạo khoa học công nghệ năm 2010"*.

Cách viết mộc mạc, dung dị dễ hiểu, cứ liệu khoa học chắc chắn, các khảo cứu của Trần Minh Siêu về quê hương, gia thế Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được giới nghiên cứu đánh giá cao. Đã có rất nhiều các nghiên cứu về Hồ Chí Minh trong những năm qua của các học giả trong nước và quốc tế trích dẫn. Không những thế, nội dung các ấn phẩm còn truyền một cảm hứng mạnh mẽ, gợi mở nhiều cảm xúc cho thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên khi tìm hiểu về thân thế, quê hương, gia đình Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu về danh nhân văn hóa, Anh hùng giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh là một đề tài không bao giờ có điểm dừng. Vì thế, tên tuổi và các công trình nghiên cứu về Hồ Chi Minh của nhà nghiên cứu Trần Minh Siêu để lại mãi gắn cùng với sự nghiệp cao cả, dài lâu đó. Và như vậy, gia tài để lại của nhà nghiên cứu Trần Minh Siêu thật đáng tự hào.

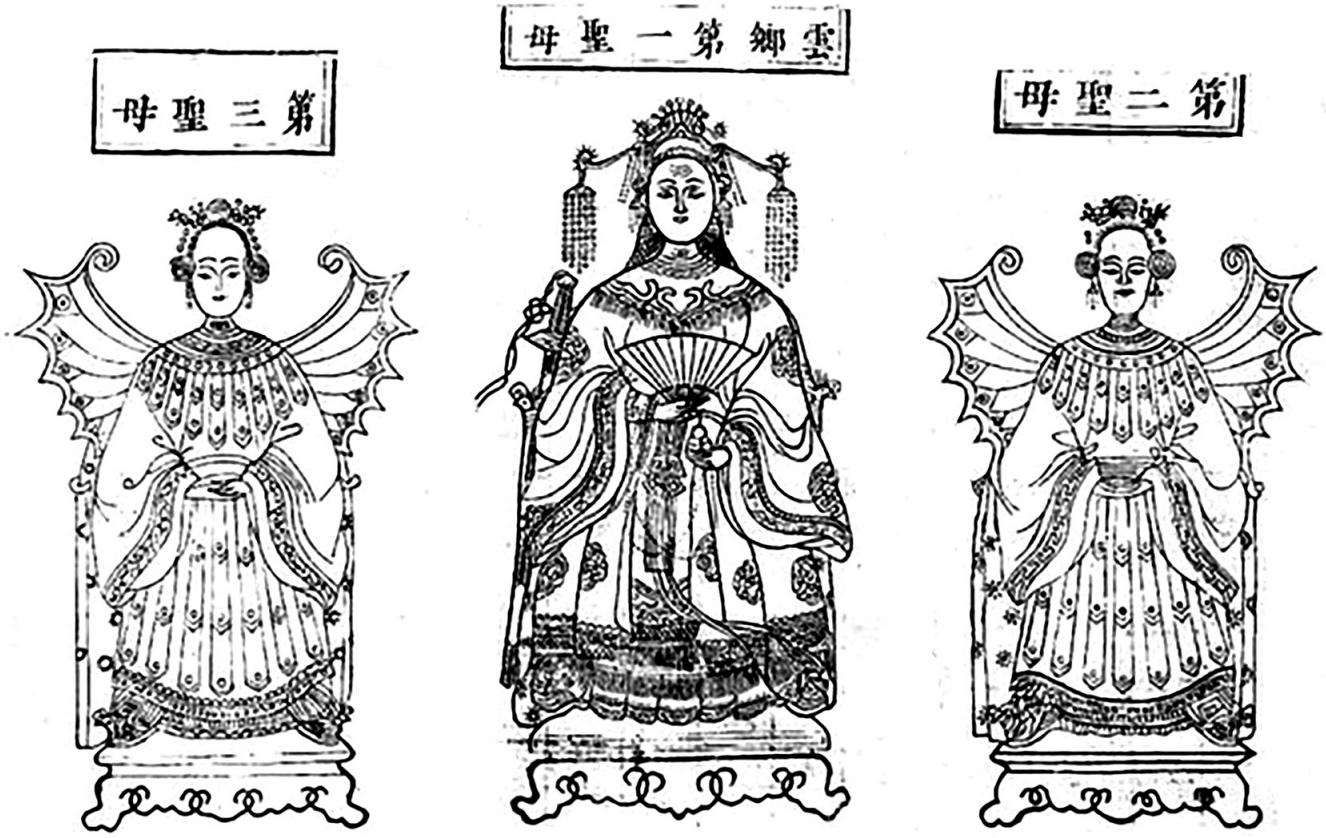

Tranh: Tam tòa Thánh Mẫu

Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ở Nghệ An

LÂM THY

TRONG DÒNG CHẢY CỦA NỀN VĂN HÓA MANG ĐẬM BẢN SẮC DÂN TỘC, TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TAM PHỦ CỦA NGƯỜI VIỆT LÀ LOẠI HÌNH ĐẶC BIỆT, "ĐƯỢC LÒNG DÂN" NHẤT TRONG MỌI THỜI ĐẠI. ĐÂY LÀ LOẠI HÌNH TÍN NGƯỠNG CÓ SỰ HỖN DUNG TÔN GIÁO BẢN ĐỊA CỦA NGƯỜI VIỆT VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ CỦA TÔN GIÁO DU NHẬP NHƯ ĐẠO GIÁO, PHẬT GIÁO.

Thời kỳ đầu, tín ngưỡng này chứa đựng những nhân tố về vũ trụ luận nguyên sơ để chỉ chung về ba miền: Thiên phủ, Địa phủ và Thoải (Thủy) phủ. Đây là những yếu tố cấu thành vũ trụ. Về sau, tín ngưỡng này chịu ảnh hưởng của Đạo giáo và bước đầu hình thành hệ thống thờ cúng trong các đền, phủ. Trong quá trình phát triển, nó lại tiếp tục chịu ảnh hưởng của Phật giáo để hình thành nên "Tam phủ hội đồng", ứng với 3 miền trong vũ trụ, đứng đầu là 3 vị vua cha cai quản (Thiên phủ chí tôn kim cương Ngọc Hoàng Thượng đế, Địa phủ chí tôn Bắc âm phong đô Đại đế, Thủy phủ chí tôn Phù Tang Cam Lâm đại đế).

Về sau, chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Mẫu, các vị Thánh Mẫu mới xuất hiện với vai trò là người đứng đầu, mỗi người phụ trách một cõi, còn gọi là "Tam Tòa Thánh Mẫu", bao gồm: Mẫu Thượng Thiên phụ trách miền trời, mẫu Thượng Ngàn phụ trách miền rừng núi và Mẫu Thoải (Thủy) phụ trách miền sông nước[1]. Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ra đời và thống nhất mẫu Liễu Hạnh là thần chủ.

Trong quá trình phát triển, tín ngưỡng này lại tiếp tục chịu ảnh hưởng của Đạo giáo Trung Quốc trên phương diện phép thuật mang tính phù thủy để trừ tà ma, chữa bệnh cứu người bằng bùa chú. Yếu tố này đã làm tăng thêm tính phù thủy vốn tiềm ẩn trong tín ngưỡng dân gian, tiêu biểu là nghi lễ hầu đồng mang đậm dấu ấn Shaman giáo *(hình thức tôn giáo cổ xưa, thông qua những người môi giới để giao tiếp với thần linh, qua đó, nhờ thần linh giúp đỡ điều mình mong muốn. Tôn giáo này có nhiều yếu tố giống ma thuật, chỉ khác là nếu ma thuật quan niệm tự bản thân người làm ma thuật có một sức mạnh siêu linh thì shaman chỉ cho mình là người môi giới, là hình bóng của siêu linh).* Về bản chất, đây là nghi thức giao tiếp với thần linh thông qua các đồng tử. Người ta tin rằng, các vị thần linh có thể nhập hồn vào thân xác của đồng tử nhằm phán truyền, diệt trừ tà ma, chữa bệnh, ban phúc, cứu khổ cứu nạn, ban lộc cho các con nhang, đệ tử. Chính ảnh hưởng này đã góp phần giúp tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ đáp ứng được những nhu cầu, nguyện vọng trong đời sống thường nhật của con người và đó cũng là lý do nó được thờ phổ biến ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

Trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Mẫu là hình tượng của người mẹ Việt Nam, hình tượng của một đấng thần linh có sức mạnh cứu vớt chúng sinh thoát khỏi những cơn hiểm nguy trong cuộc sống. Bên cạnh ý nghĩa về tín ngưỡng, Mẫu Tam phủ còn tích hợp cả những giá trị văn hóa, nghệ thuật mà ít loại hình tín ngưỡng nào có được như văn học dân gian, nghệ thuật diễn xướng, tạo hình…Với những giá trị đó, năm 2016, tổ chức UNESCO đã ghi danh "Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt" là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Ở Nghệ An, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ du nhập từ khá sớm, tuy không có những "phủ" hoành tráng như ở miền Bắc (phủ Tây Hồ, phủ Giày…) nhưng vẫn xuất hiện nhiều di tích mang dáng dấp của tín ngưỡng này như đền Ông Hoàng Mười (Hưng Nguyên), đền Hồng Sơn (TP. Vinh), đền Bà Chúa (Thanh Chương)… Điều đặc biệt là trên địa bàn Nghệ An còn có sự hiện diện của tín ngưỡng thờ Tam phủ thuở sơ khai - giai đoạn trước khi tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ xuất hiện, được thể hiện rõ nét nhất ở di tích đền Nghĩa Sơn (xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên). Tại ngôi đền này, các nhân vật thờ đều thuộc dòng Thủy phủ, chưa hề có bóng dáng của các nhân vật thuộc hệ thống Mẫu Tam phủ.

Càng về sau, cùng với sự phát triển về kinh tế, xã hội, sự du nhập về văn hóa thông qua nhiều con đường khác nhau, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ có mặt ngày càng nhiều trong các ngôi đền, chùa ở Nghệ An *(chùa Giai, chùa Phúc Viên - Thanh Chương, đền Phúc Vị - Nghi Lộc, đền Ngọc Điền - Hưng Nguyên, đền thờ Trần Hưng Đạo - Thành phố Vinh, đền Làng Hiếu - Cửa Lò, đền Hồ Sơn - Nam Đàn, đền Thượng - Yên Thành, miếu Già, điện Nhà Vi - Đô Lương….).* Điều này chứng tỏ sức hấp dẫn và tầm ảnh hưởng sâu rộng của loại hình tín ngưỡng này.

Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế, các di tích ở Nghệ An không thờ đầy đủ các nhân vật trong hệ thống Mẫu Tam phủ mà thờ có chọn lọc, theo nhu cầu của người dân địa phương. Theo đó, nhân vật phối thờ chủ yếu là "Tam Tòa Thánh Mẫu", chỉ một số ít di tích có thờ thêm các nhân vật khác như tứ vị thánh bà, thập nhị vương cô, thập nhị vương cậu, ngũ hổ, ông Lốt (đền thờ Trần Hưng Đạo, đền Thượng, đền Đức Sơn…). Trong "Tam Tòa Thánh Mẫu", Mẫu Liễu Hạnh chưa được đề cao như ở miền Bắc mà với người dân xứ Nghệ, vai trò của ba Mẫu dường như ngang nhau, thậm chí trong một số trường hợp, ở một số địa phương, nhất là ở miền núi và vùng trung du, mẫu Thượng Ngàn được đề cao và thường hóa thân dưới dạng Bạch Y Công Chúa, gắn với thần tích giải cứu các vị tướng lĩnh. Một điều đặc biệt nữa là ở Nghệ An, các Mẫu thường được thờ tại các Thiện đàn - một loại hình tín ngưỡng tâm linh độc đáo, gắn liền với thời kỳ đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, góp phần thức tỉnh lòng yêu nước và chấn hưng văn hóa dân tộc. Hầu như huyện nào cũng có

Cung thờ Tam Tòa Thánh Mẫu tại đền Thánh Mẫu (Yên Thành)

một vài thiện đàn như Hiếu Thiện đàn, Cư Thiện đàn (Nam Đàn), Vi Thiện đàn, Tập Thiện đàn, Lạc Thiện đàn, Mộ Thiện đàn (Yên Thành), Lạc Thiện đàn (Hưng Nguyên), Giác Thiện đàn (Diễn Châu)…

Việc thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ trên địa bàn Nghệ An cơ bản không theo quy luật chặt chẽ như ở miền Bắc mà được địa phương hóa, hay theo cách nói nôm na của dân gian là "nhập gia tùy tục", nghĩa là người dân chấp nhận sự du nhập của tín ngưỡng này nhưng việc thực hành tín ngưỡng lại theo phong tục, tập quán của người Nghệ. Từ xưa đến nay, người dân xứ Nghệ đến với các địa điểm tâm linh như đền, chùa, miếu… hầu như không câu nệ các tiểu tiết, việc sắm sửa lễ vật quan trọng là ở tấm lòng, theo điều kiện kinh tế và theo thói quen từ xa xưa. Các nghi lễ thờ cúng cũng theo kinh nghiệm của cha ông mà áp dụng chung cho các trường hợp, không có sự phân biệt giữa các vị thần được thờ hay phối thờ, bản địa hay du nhập. Thậm chí, việc sắp xếp các nhân vật thờ trong hệ thống Mẫu Tam phủ có khi còn cẩu thả, lộn xộn, Ngọc Hoàng "ngồi" dưới cùng, các ông Hoàng thì cho "ngồi" trên…

Hoạt động hầu đồng cũng diễn ra ở hầu hết các di tích thờ/phối thờ Mẫu Tam phủ (trừ chùa). Tuy vậy, chỉ có một số địa điểm nghi thức này được thực hiện bài bản, quy mô tương đối lớn, thu hút được đông đảo con nhang, đệ tử và Nhân dân tham gia và theo dõi (đền Hoàng Mười, đền thờ Trần Hưng Đạo…), còn lại cơ bản mang tính tự phát, các giá đồng cũng hầu một cách tùy tiện, không theo quy luật, làm giảm giá trị nghi thức thực hành quan trọng của tín ngưỡng. Đây là một trong những mặt hạn chế của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ở Nghệ An.

Trong thời gian gần đây, tại các di tích trên địa bàn xuất hiện ngày càng nhiều, thậm chí là ồ ạt các nhân vật thuộc hệ thống Mẫu Tam phủ, dẫn đến việc chính quyền địa phương ở một số nơi không kiểm soát và quản lý được hiện tượng phối thờ và thực hành loại hình tín ngưỡng này. Để thu hút khách, nhiều di tích đã không ngần ngại đưa Mẫu vào phối thờ mà không xem xét đến nguồn

Hình ảnh một giá hầu đồng tại đền Ông Hoàng Mười. Ảnh: Hồ Hà

Hình ảnh một giá hầu đồng tại đền thờ Trần Hưng Đạo

gốc, sự tương đồng với nhân vật vốn được thờ tại di tích và phong tục tập quán của địa phương *(chùa Giai, chùa Phúc Viên, chùa Tuyết Sơn, đền Thượng, đền Phúc Vị…)*, nguy hiểm hơn, có nơi còn đưa Tam Tòa Thánh Mẫu vào "ngồi" trong Hậu cung, thay thế vị trí của thần chủ *(Đền thờ Trần Hưng Đạo trước khi xếp hạng, đền Thượng trước khi xếp hạng)*. Thậm chí, còn xuất hiện cả hiện tượng thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ở di tích không thờ Mẫu *(đền thờ Vua Mai Hắc Đế)*. Nguyên nhân thì có nhiều, song, phần lớn do sự quản lý lỏng lẻo của chính quyền địa phương cùng với sự thiếu hiểu biết hoặc cố tình của một bộ phận đồng tử, con nhang đệ tử. Điều này gây nên hệ lụy khôn lường, cái dễ nhìn thấy nhất là sự mất dần bản sắc văn hóa bản địa.

Việc một di sản văn hóa của dân tộc được tổ chức UNESCO vinh danh là một niềm vinh dự, niềm tự hào đối với Nhân dân Việt Nam nói chung và Nhân dân Nghệ An nói riêng. Tuy nhiên, quá trình thực hành tín ngưỡng như thế nào để phát huy được bản sắc văn hóa của từng địa phương, từng vùng, miền mà không bị trộn lẫn, bị hòa tan và không lấn át, làm mai một yếu tố văn hóa bản địa lại là cả một vấn đề. Đây là bài toán khó, đặc biệt là trong thời điểm nền văn hóa đang đứng trước nguy cơ bị thương mại hóa, nhất là văn hóa tâm linh. Bởi vậy, chúng ta cần có một chiến lược phát triển văn hóa lâu dài, gắn việc phát huy tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ với các tín ngưỡng dân gian khác, để các tín ngưỡng vừa giữ được bản sắc riêng, vừa bổ trợ cho nhau, cùng làm giàu thêm nét văn hóa độc đáo xứ Nghệ.

1. Trong hệ thống Mẫu Tứ phủ có thêm mẫu Địa. Tuy nhiên, theo lý giải dân gian: Mẫu Thượng Thiên cách nhân gian xa quá, khó gần gũi, cai quản nên mẫu Địa được đề xuất lên thay vị trí của mẫu Thượng Thiên, do đó, mẫu Thượng Thiên và mẫu Địa thường được xem là một. Bởi vậy, trong một số trường hợp, Tứ phủ cũng được xem là Tam phủ với 3 Mẫu (Đệ Nhất cai quản nhân gian, đệ Nhị cai quản rừng núi và đệ Tam cai quản vùng sông nước).

Những sáng kiến chấn hưng văn hóa đọc

BÙI TÙNG ẢNH

"Không có sách không có tri thức"
(V. Lênin)

Thực trạng văn hóa đọc hiện nay

So với các cường quốc đọc sách (giấy) như Ixrael, Nhật Bản, Đức, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc... chưa kể các nước lân cận trong khu vực như Malaysia, Thái Lan, Singapore, Hàn Quốc thì sự đọc sách của người Việt Nam đang tụt hậu, tụt dốc thê thảm. Có thể coi là sự xấu hổ quốc thể. Theo thống kê của cơ quan chức năng, hiện nay mỗi người dân Việt Nam đọc trung bình 01 (làm tròn số) sách/1 năm. Nhìn ra khu vực (Đông Nam Á, châu Á) và thế giới, thực trạng đó đang rung tiếng chuông báo động đỏ (như nạn cháy rừng hay bão lụt vậy). Internet, mạng xã hội, ngành công nghiệp giải trí và vô vàn trò chơi hấp dẫn khác đang "cướp đoạt" khách hàng của văn hóa đọc. Thế giới ảo dường như đang ở thế thượng phong. Giới nghiên cứu xã hội học đang cảnh báo về nguy cơ "tuyệt chủng" của báo giấy trước sức tấn công vũ bão của các loại hình báo (điện tử, hình, tiếng).

Một người cắm cúi đọc sách (giấy) trong một không gian - thời gian cụ thể nào đó bây giờ đã trở nên hình ảnh hiếm hoi, thay vào đó là sự ngự trị của cách đọc trên điện thoại thông minh (smartphone) hay máy tính bảng (ipad). Có lẽ vì thế mà độ tinh nhanh của đôi

mắt của lớp trẻ (nhất là học sinh THCS và THPT) trở nên kém đi rất nhiều so với các thế hệ trước. Ngành kính (mắt) trở nên phát đạt có lẽ từ nguyên do sâu xa này (chưa tính đến tác động của môi trường ô niễm bụi). Phải chăng là một chuyện "không muốn viết" như văn tài Nam Cao đã hạ bút.

Tủ sách gia đình - nhìn từ truyền thống

Ở các đô thị lớn hiện nay, ý tưởng về một "Tủ sách gia đình", thực sự không phải là một sáng kiến mà là một động thái chấn hưng văn hóa đọc. Từ trong quá khứ, với truyền thống văn hiến - văn hóa - văn chương, những dòng họ nổi tiếng đã hiện thực hóa một cách căn cơ "Tủ sách gia đình" (họ Nguyễn Trường Lưu, Hà Tĩnh, là một ví dụ). Theo Cổng thông tin Thanhuytphcm (3/7/2022), kế hoạch lập tủ sách gia đình đang được lãnh đạo thành phố hết sức quan tâm, bởi vì "Tủ sách có thể là nơi gắn kết các thành viên trong gia đình", vì Tủ sách gia đình là "một biểu tượng mang tính văn hóa của gia đình". Tủ sách gia đình, trong quan niệm hiện đại, không chỉ có sách về văn học nghệ thuật mà có thể mở rộng sang các lĩnh vực văn hóa - lịch sử - tôn giáo... Trong chiến lược quốc gia về "Gia đình văn hóa", thiết nghĩ, cơ quan quản lý nên đặc biệt quan tâm đến Tủ sách gia đình. Tuy nhiên, với vùng sâu vùng xa thì ý tưởng về Tủ sách gia đình là không khả thi. Nên chăng là Thư viện cộng đồng (hay công cộng)?! Vì thế, người cán bộ văn hóa cơ sở sát dân nhất và mỗi công dân lại phải có sáng kiến phù hợp với thực tiễn.

Nhưng ai sẽ "chủ trì" Tủ sách gia đình? Tất nhiên phải là bậc phụ huynh - bố mẹ. Lấy kinh nghiệm của người Do Thái ở quốc

gia Israel để học hỏi. Trong mỗi gia đình Do Thái ở đất nước này đều có một Tủ sách gia đình, được truyền từ đời này qua đời khác (xem thế biết sách là bảo vật). Tủ sách gia đình thường được đặt ở vị trí đầu giường để trẻ nhỏ dễ nhìn thấy từ khi còn nằm nôi. Phụ huynh thường nhỏ nước hoa lên sách để tạo mùi hương cho trẻ em chú ý, hay nói quyến rũ cũng đúng. Khi trẻ bắt đầu hiểu chuyện, các bà mẹ Do Thái đã gieo cho con cái tiềm thức về sự "ngọt ngào" của sách bằng cách nhỏ vài giọt mật lên những trang sách và cho trẻ liếm. Cha mẹ người Do Thái luôn dành thời gian làm tình nguyện viên đọc sách cho trẻ. Mỗi tối trước khi trẻ ngủ, bố mẹ đều đặn đọc vài ba truyện về danh nhân, khoa học thường thức hay cổ tích. Hình ảnh này gợi sự đối nghịch với người Việt Nam hiện nay, thường ban đêm bố mẹ, con cái mỗi người một hướng "ôm" một smartphone, "chui sâu leo cao" vào thế giới ảo. Một sự "chia rẽ" và tổn thương vô tình. Nếu kéo dài sẽ hệ lụy bởi trẻ nhỏ hay lấy người lớn làm gương.

Thư viện tư nhân mở hướng văn hóa đọc

"Thư viện Nguyễn Văn Hưởng - một địa chỉ văn hóa mới" (theo *An ninh Thế giới cuối tháng*, 3/2023). Có thể nói Thư viện tư nhân mang tên Nguyễn Văn Hưởng (Thượng tướng, nguyên Thứ trưởng Bộ Công an) là một thư viện tư nhân đầu tiên ở Việt Nam có quy mô lớn nhất và chuyên nghiệp nhất hiện nay. Thư viện chính thức ra mắt phục vụ bạn đọc từ trung tuần tháng 7 năm 2019. Thư viện lưu giữ hơn 10.000 bản sách và tạp chí bằng tiếng Anh, hơn 7.000 tựa sách tiếng Việt về các lĩnh vực chính trị - lịch sử - văn hóa - kinh tế Việt Nam, hơn 1.600 bản số hóa báo chí và sách từng xuất bản tại Việt Nam trước đây, gần 300 tấm bản đồ Việt Nam qua các thời kỳ, nhiều tài liệu giải mật của chính phủ Hoa Kỳ về

Thư viện xóm 2, xã Bắc Thành

Chiến tranh Việt Nam... Để xây dựng thư viện này chủ nhân của nó phải kỳ khu về kế hoạch, cũng "lao tâm khổ tứ", và cũng cần nhiều nhân lực vật lực được huy động trong thời gian dài và điều hành khoa học.

Theo dientu@hanoimoi.com.vn (23/7/2022): Nghệ sỹ Lê Cát Trọng Lý chia sẻ về một dự án Thư viện tư nhân mà chị sẽ thực hiện, đã nhận được sự quan tâm của nhiều người yêu sách vì thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng là mô hình của văn hóa đọc tương lai cần được ủng hộ, khuyến khích và nhân rộng. Dự án phòng đọc Little Li có các đầu sách triết học, văn học, nghệ thuật, lịch sử, thần học. Nghệ sĩ trẻ chia sẻ: "Nhà sách thì có nhiều nhưng có quá nhiều sách và người chưa có thói quen đọc sách sẽ phải ngụp lặn trong đó. Ở thư viện nhỏ này, sách đã được tuyển chọn. Ở đó, mọi người đã được giới thiệu sách theo thư mục. Ai cũng tin rằng đoc sách là tốt, nhưng không dễ để có văn hóa đọc và có cộng đồng bạn đọc cùng. Lý muốn tạo dựng cộng đồng nhỏ như thế".

Thư viện cộng đồng - sự năng động của văn hóa đọc

Ông Nguyễn Văn Lạc là một cán bộ trong ngành Văn hóa Nghệ An lâu năm, từng là Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Yên Thành. Ngay sau khi nghỉ hưu (năm 2012), ông đã vận động khắp nơi để cho ra đời tủ sách tại Nhà văn hóa xóm 2, xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An. Từ tủ sách với vài trăm bản sách ban đầu, nay đã phát triển thành Thư viện xóm 2, xã Bắc Thành với hơn 4.000 bản sách cố định và thêm nguồn sách luân chuyển từ Thư viện huyện Yên Thành cùng Thư viện tỉnh Nghệ An. Tại đây, sách được xếp theo chuẩn nghiệp vụ của Thư viện và những quyển sổ theo dõi mượn trả rất khoa học. Trung bình mỗi ngày có trên 30 cháu học sinh đến với thư viện, mùa hè thì đông hơn. Không chỉ có các em học sinh mà các cụ cao tuổi và nhiều phụ huynh cũng đã đến đây mượn sách về sức khỏe, kĩ thuật nông nghiệp, tâm

Ông Nguyễn Văn Lạc đang phục vụ các cháu học sinh tại thư viện xóm 2, xã Bắc Thành.

lí lứa tuổi, cách nuôi dạy con… về đọc. Đã hơn 70 tuổi nhưng ông Lạc vẫn tâm huyết với vai trò "thủ thư" thư viện cộng đồng xóm 2, vẫn bền bỉ xây dựng, nuôi dưỡng và phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng ở miền quê lúa Yên Thành, Nghệ An giàu truyền thống hiếu học và hiếu đọc.

Phó giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Quang Liệu, Hiệu trưởng Trường THPT chuyên Khoa học Xã hội và Nhân văn (Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội) vốn là giảng viên khoa Lịch sử. Ông đam mê sách vở, văn chương từ hồi còn học sinh phổ thông. Nhưng quê ông nghèo, toàn những "gió Lào cát trắng". Nay có điều kiện, ông thương học trò quê mình, nên cũng đã gắng gỏi giúp địa phương xây dựng tủ sách cộng đồng. Kết quả thật mỹ mãn, tại quê nhà (xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh), ông đã xây dựng một thư viện cộng đồng quy mô mang tên "Thư viện sách Nguyễn Quang Liệu", gần 4.500 cuốn thuộc các thể loại, lĩnh vực, cùng số tiền mặt 50 triệu đồng mua sắm trang thiết bị tối thiểu. Tủ sách này do Hội Khuyến học xã quản lý. Phát huy tinh thần vì sự nghiệp trồng người, PGS-TS Nguyễn Quang Liệu tiếp tục kế hoạch xây dựng tủ sách cộng đồng ở xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh với gần 1.000 cuốn sách nhiều chủng loại, lĩnh vực. Điều đáng nói là ở cả hai thư viện - tủ sách cộng đồng này có đến 1/3 sách văn học (theo *baohatinh.com.vn*). Là đồng hương thân thiết của PGS-TS Nguyễn Quang Liệu, tôi đã ủng hộ 300 cuốn sách văn học (chủ yếu là sách truyện Việt Nam). Vì những hoạt động tích cực trên lĩnh vực giáo dục - văn hóa, PGS-TS Nguyễn Quang Liệu đã được Hội Khuyến học Việt Nam tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp khuyến học".

Báo Thời báo Văn học nghệ thuật (Cơ quan của Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam) gần đây cũng đã thực hiện chương trình xây dựng "Thư viện cộng đồng". Địa chỉ đến của chương trình là các trường học (THCS và THPT) vùng sâu, vùng xa. Kế hoạch gần nhất của chương trình này là xây dựng "Tủ sách cộng đồng" giúp Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển nhân rộng văn hóa đọc bởi ở đó có nhiều chiến sỹ trẻ khao khát tiếp xúc với văn chương dân tộc. Bản thân tôi cũng đã góp vào các chương trình văn hóa này 100 cuốn (chủ yếu là sách truyện Việt Nam).

Mấy sự kiện trên là do tôi trực quan sinh động, góp sức tự giác. Nó nảy nở trong tôi những ý nghĩ nhỏ, muốn chia sẻ với nhiều người. Chúng ta thường thích chỉ trích nhưng ít chịu hiến kế và đóng góp vào sự tiến bộ chung. Nay hãy cùng nhau làm những việc "nhỏ" như thế, sẽ cảm nhận được cái bình thường là nền tảng của cái phi thường. Để thấm thía chân lý giản dị về văn hóa là "cách chung sống cùng nhau".

"Tiết học hạnh phúc" nâng tầm văn hóa đọc

"Tiết học hạnh phúc" nằm trong tổng thể chương trình xây dựng "Lớp học hạnh phúc", " Trường học hạnh phúc" (rộng ra là "Quốc gia hạnh phúc"). Để cho "Mỗi ngày đến trường là một niềm vui" ngành giáo dục, nhà trường và thầy, cô giáo phải phát huy nhiều sáng kiến. "Tiết học hạnh phúc" là một sáng kiến của ngành giáo dục Thủ đô. Hiện nay đã trở thành chủ trương chung, mỗi tuần nhà trường dành hẳn 01 tiết học chính khóa cho học sinh đọc sách dưới sự hướng dẫn của thầy, cô giáo bộ môn. Có thể nói, nếu "Tiết học hạnh phúc" được hiện thực hóa bền vững thì căn đế của giáo dục Việt Nam sẽ ngày càng bền vững. Chúng ta mất quá nhiều thời gian tranh biện về "triết lý giáo dục", nhưng cái hạt nhân "khai phóng" của nó thì lại lơ là. Đơn vị cơ bản của sự dạy và học chính là "Tiết học hạnh phúc". Cũng như cuộc đời mỗi người dẫu lắm bể dâu thì cũng không hiếm những khoảnh khắc rực sáng, ở đó con người được thăng hoa, hạnh phúc, trở nên thông minh hơn.

Chư tăng đi khất thực (nguồn interrnet)

Đã là tăng không thể tục như người thế tục!

PHẠM THẠCH HOÀNG

"Phật, Pháp, Tăng", là 3 ngôi tam bảo, là trụ cột của đạo Phật (dân gian Việt Nam còn gọi là đạo Bụt). Kể từ khi ngài Thích Ca mâu ni thành đạo và hoằng dương Phật pháp ở thế gian, trải qua nhiều thăng trầm, đạo Phật đã có lịch sử hơn 2500 năm.

Các chư Phật tồn tại trong thế giới ta bà này qua hình tượng, ảnh tượng và trong tâm linh của Phật tử và những người mộ Phật. Có vô số vị Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, trụ khắp mười phương.

Pháp tồn tại trong kinh điển, sách vở và lưu truyền trong nhân gian cả bằng hình thức truyền khẩu. Kinh điển Phật pháp nhiều vô kể. Có những người cả đời chuyên tâm tu hay nghiên cứu đạo Phật cũng không thể đọc hết thảy.

Tăng là những người hiến trọn đời mình cho mục đích trên cầu thành Phật, dưới hoằng hóa độ sanh vì lợi ích con người nơi trần thế. Về cơ bản, đạo Phật quan niệm, có ba loại tăng: Bồ Tát Tăng, Thanh

Văn Tăng và Phàm Phu Tăng. Tăng ở đời, là "phàm phu tăng", vốn từ dân chúng, xuất gia, tu tập, già đi và hóa. Thông thường, tăng nam được gọi là sư, tăng nữ được gọi là ni. Tăng sống trong đời sống thế gian nhưng một khi nguyện trọn đời cho Phật đạo, thực sự chân tu thì không còn nhiễm dục của thế gian.

Thân thể của tăng phàm phu là thân tứ đại, nhưng qua tu tập đến độ đắc đạo có thể đạt tới trạng thái "kim cương bất hoại" hoặc để lại các xá lợi tinh khiết sau khi viên tịch.

Tương truyền đạo Phật được du nhập vào Việt Nam khoảng chừng thế kỷ thứ II trước Công nguyên, dân gian gọi Phật là Bụt và đạo Phật là "đạo Bụt". Tín ngưỡng Phật giáo "bàng bạc", nhuốm lên khắp chốn nhân gian. Làng quê nào cũng có ít nhất một ngôi chùa, chí ít là chùa của phạm vi không gian làng xã (chùa làng, chùa xã).

Có chùa, đương nhiên phải gắn với tăng. Tăng dường như là "sứ giả" của Phật, là chuyên gia về pháp, là người gác đền Phật báu, dẫn dắt chúng sinh theo đúng đường đạo. Ở ngôi đền tu phước báu đó, tăng đóng vai trò quan trọng, góp phần làm nên tính thiêng của một ngôi chùa. Quyền năng của tăng là quyền năng của người theo pháp, chứng pháp, phổ độ ánh sáng của pháp và hộ pháp. Cho nên, nếu ai đó làm ô uế chốn thiền môn, vấy bẩn lên Phật, Pháp, đó khó có thể là người ngoài các tăng.

Thời nào cũng vậy, sự mê tín, dị đoan còn tồn tại trong chúng sinh là do cái đức tin chúng sinh chưa sâu dày, cái trí của chúng sinh quá câu chấp mê lầm và ảo vọng, càng bị thúc đẩy bởi các vị tăng chẳng ra tăng. Có không ít vị khoác áo tăng, mà hành xử nặng thói tục. Nhìn vào vị tăng như thế, người lạc quan cũng trở nên bi quan, thở dài.

Đời sống trần tục vẫn có những yêu tăng, ma tăng ẩn nấp trong chiếc áo cà sa màu nâu sồng hay vàng đất, trong những chùa am, tịnh thất, điện thờ vốn dựng lên để nuôi dưỡng phước báu cho nhân gian. Cơ chế này, chuẩn mực kia giờ đầy hình như cũng chưa tẩy sạch được cửa huyền môn, chưa đảm bảo được chùa chiền là chốn thanh tịnh, vô nhiễm.

Những chuyện ô uế gần đây nơi cửa Phật không quá lạ, quá hiếm, nếu đọc lại lịch sử, cũng đã thấy có không ít trường hợp tương tự. Nhưng ở buổi văn minh, tu mà loạn như gợi dục, cưỡng dâm, rửa tiền, chạy án, v.v…; tu mà nhuốm màu danh lợi thị trường như báo chí đưa tin trong thời gian gần đây thì quả là loạn.

Khoác áo đạo pháp mà làm điều phi pháp thì thật tội lỗi, tội không chỉ của một người, mà tội của nhiều người. Vì nay đã là thời của thông tin. Người ta không thể không biết và không đưa tin những chuyện lầm lạc như thế. Biết xấu mà không tránh, hay dung dưỡng cái sai tồn tại trong đời sống đạo pháp cũng là cái tội.

Vì một giáo pháp lành mạnh, vì đức tin trong sáng, các cư sĩ, tín đồ hãy tỉnh táo. Cộng đồng xã hội phải tẩy chay các dâm sư, tục sư, vô trí sư; nếu không thật bất hạnh cho các tín đồ, các chúng sinh tin đạo từ bi, nhân quả, trí huệ khi bước chân đến những nơi thờ tự như này, lầm lạc tin vào các sư không đáng làm thầy.

Người trần mắt thịt, nhìn vào cõi vô hình, chỉ thấy cái mông lung; nhìn vào chốn hữu hình, vẫn thấy vật chất, danh lợi. Chúng sinh còn mê lầm đã đành, nhưng các tăng mà còn luyến ái tục trần, say mê dục giới, vẫn bị níu buộc bởi tam độc "Tham, Sân, Si" thì Pháp lấy đâu đường cứu chữa. Bảo sao nhân gian cứ than thở hoài rằng "thời mạt pháp", nhưng chả nhẽ "mạt pháp" cứ kéo dài mãi trong xã hội văn minh đến vậy!.

Vì một đạo pháp lành mạnh, vì đời sống an lành cho các tín đồ, "tốt đời, đẹp đạo", chính quyền cần làm tốt hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng của công dân, làm tốt hơn công tác quản lý nhà nước về tôn giáo.

Người Phần Lan hạnh phúc vì họ luôn yêu và sống hòa mình với thiên nhiên (Ảnh: NY Times)

Nét đẹp văn hóa ở đất nước hạnh phúc nhất thế giới

HỮU ĐỨC

Báo cáo Hạnh phúc thế giới năm 2023 một lần nữa xướng tên Phần Lan là đất nước hạnh phúc nhất thế giới. Lần thứ 6 liên tiếp, quốc gia Bắc Âu có khí hậu khắc nghiệt này lại đứng đầu danh sách các quốc gia hạnh phúc. Không ít người băn khoăn đặt câu hỏi: Điều gì khiến Phần Lan liên tiếp là một quốc gia hạnh phúc nhất thế giới? Thiết nghĩ, có nhiều yếu tố tạo nên "thành tích" này nhưng một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu chính là nhờ văn hóa con người nơi đây.

Người ta vẫn nhắc đến Phần Lan là một đất nước lý tưởng với hệ thống an sinh xã hội phát triển toàn diện và tiến bộ hàng đầu thế giới; một đất nước an toàn với tỷ lệ tội phạm thấp; lòng tin của người dân vào chính phủ, vào xã hội và lực lượng cảnh sát rất cao; tỉ lệ tham nhũng thấp; khoảng cách giàu nghèo hẹp; mô hình làm việc linh hoạt và bình đẳng…Có được điều đó, tất nhiên, là nhờ những chính sách đúng đắn và nỗ lực rất lớn của Chính phủ Phần Lan. Tuy nhiên, không phải ngẫu nhiên mà có sự đồng lòng, đúng hướng như thế trong phát triển đất nước. Căn cốt của những thành tựu hôm nay có lẽ xuất phát chính từ những giá trị tinh thần mà họ theo đuổi, từ văn hóa con người Phần Lan bao đời nay.

Nói đến con người Phần Lan là nói đến tinh thần kiên trì, bền bỉ, không ngại khó khăn. Khái niệm "Sisu" đã tồn tại hàng trăm năm nay trong ngôn ngữ Phần Lan, trở thành nét đẹp tinh thần tiêu biểu của người dân nơi đây. Cốt lõi của "tinh thần Sisu" là sự kiên trì, sẵn sàng vượt qua nghịch cảnh và trung thực với tổ tiên, trung thực với những giá trị của mình, với những nguyên tắc và nhu cầu. Chính nhờ tinh thần này mà họ có thể thoải mái tận hưởng cuộc

sống ngay cả trong điều kiện khí hậu mùa đông kéo dài, lạnh giá; luôn giữ tinh thần lạc quan, tích cực. Người Phần Lan cũng lấy ngày 13/10 hàng năm làm ngày "National Day of Failure" để nhắc nhở người ta về ý nghĩa của thất bại, để không lùi bước trước khó khăn.

Lòng tin, sự trung thực, hào phóng là yếu tố luôn được đề cao tại Phần Lan. Do đó, người dân luôn coi trong những giá trị thực chất, người giàu không phô trương của cải và luôn sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ những ai khó khăn hơn trong xã hội. Nhờ thế mà Phần Lan có rất ít người nghèo, tầng lớp trung lưu đông đảo, khoảng cách giàu nghèo được thu hẹp. Điều này giúp người dân có niềm tin lớn vào cộng đồng, vào xã hội - một trong những yếu tố cốt lõi tạo nên hạnh phúc.

Nhắc đến con người Phần Lan và những giá trị cốt lõi mà họ theo đuổi thì không thể không nói đến tự do và bình đẳng. Điều này được thể hiện trên mọi mặt của cuộc sống: trong công việc, trong xã hội, trong nhà trường, gia đình… Sự tự do và bình đẳng luôn được tôn trọng, đề cao giúp họ phát huy tối đa sở trường, trí tuệ, năng lực bản thân; có tinh thần thoải mái và luôn tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng sự khác biệt. Có thể thấy rất rõ điều này trong nền giáo dục Phần Lan. Phần Lan theo đuổi một nền giáo dục hạnh phúc, đặt con người làm trọng tâm và đề cao sự bình đẳng, tự do. Các môn học trong trường là bình đẳng, không phân biệt môn nào quan trọng hơn; các giáo viên không được phân biệt trong đối xử với học sinh hay phụ huynh và họ không được phép biết nghề nghiệp của phụ huynh; trong trường học không chia ra các lớp chọn, học sinh giỏi hay cá biệt đều được đối xử công bằng như nhau. Đặc biệt, các học sinh được tôn trọng sở thích, không bị ép buộc tiếp nhận kiến thức; chương trình giáo dục được thiết kế để phù hợp với từng cá nhân. Thay vì không khí căng thẳng và bắt buộc, coi trọng điểm số, thành tích như một số quốc gia khác thì Phần Lan coi trọng sự tự nguyện, tự do phát triển năng lực tư duy, khuyến khích cân bằng giữa học tập và vui chơi giải trí. Việc nền giáo dục Phần Lan luôn được xếp hàng đầu thế giới đã chứng minh cho hiệu quả của phương pháp này và sự cần thiết phải duy trì tự do, bình đẳng trong môi trường giáo dục.

Trong văn hóa của người dân Phần Lan có một điều đặc biệt là tình yêu thiên nhiên; sự gắn bó, kết nối, hòa hợp với tự nhiên. Đối với họ, thiên nhiên là nguồn sống, là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần, giúp xoa dịu những căng thẳng, mỏi mệt. Bởi vậy mà họ luôn bảo vệ thiên nhiên, gìn giữ các cảnh quan tự nhiên, hạn chế sự can thiệp của con người. Điều này giúp cho Phần Lan trở thành một trong những quốc gia có không khí sạch nhất thế giới.

Người Phần Lan là những con người khá trầm tĩnh, chăm chỉ nhưng luôn biết cân bằng giữa làm việc và nghỉ ngơi, tận hưởng cuộc sống. Chính vì thế, một điều không thể thiếu trong cuộc sống của người dân là tắm hơi (sauna). Sẽ không quá khi nói rằng Phần Lan là xứ sở của sauna và đây đã trở thành một nét riêng độc đáo trong phong tục của họ. Đó không chỉ là một hoạt động thư giãn, chăm sóc sức khỏe mà còn được xem như một nghi thức thiêng liêng. Năm 2020, tổ chức UNESCO đã công nhận văn hóa tắm hơi (sauna) của Phần Lan là di sản văn hóa phi vật thể thế giới; tổ chức này nhận định "Văn hóa tắm hơi là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của đa số người dân Phần Lan. Nét văn hóa này mang nhiều ý nghĩa hơn là chỉ tắm cho bản thân. Trong phòng tắm hơi, mọi người làm sạch cơ thể, tâm trí và cảm nhận sự bình yên bên trong tâm hồn".

Bên cạnh đó, nghệ thuật cũng đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống, văn hóa Phần Lan. Họ đặc biệt quan tâm và coi trọng các giá trị văn học, nghệ thuật. Nơi đây được thế giới biết đến với những công trình kiến trúc hàng trăm năm, những tác phẩm âm nhạc, văn học… đặc sắc, phản ánh rõ nét đời sống, cảnh sắc, tâm hồn dân tộc Phần Lan.

Tất cả những giá trị và nét đẹp đó trong truyền thống, phong tục đã giúp tạo dựng nên những thế hệ người Phần Lan biết trân trọng quá khứ, trân trọng tự nhiên, coi trọng hiện tại và luôn hướng đến những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống. Điều này không chỉ giúp Phần Lan trở thành một đất nước hạnh phúc nhất thế giới mà còn tạo thiện cảm lớn trong lòng bạn bè quốc tế. Nếu lấy điều gì đó làm thương hiệu cho Phần Lan thì tôi nghĩ ngoài những đêm trắng với vẻ đẹp say đắm của thiên nhiên thì không thể khác, chính là nét đẹp của con người nơi đây. Đó là giá trị cốt lõi, bền vững tạo nên thành công và hạnh phúc cho đất nước này.

Trường Ấu học Giai Lạc, chứng tích cuối cùng còn lại về giáo dục Pháp - Việt ở Nghệ An

PHẠM XUÂN CẦN

Năm 1919, kỳ thi hương cuối cùng được tổ chức tại trường thi hương Nghệ An, đánh dấu sự kết thúc của giáo dục khoa cử bằng chữ Hán. Trước và sau thời điểm đó, giáo dục tân học (bằng Quốc ngữ và tiếng Pháp) đã dần thay thế giáo dục khoa cử. Tại Nghệ An, nền tân học đánh dấu sự ra đời bằng việc thành lập trường Tiểu học Pháp - Việt ở Vinh vào tháng 6 năm 1899. Thế nhưng, mãi gần 30 năm sau, theo cuốn "Hương chính chỉ nam" xuất bản năm 1927, tại thời điểm đó cả tỉnh cũng chỉ mới có 40 trường, trong đó có 17 trường làng (trường chỉ có hai lớp là lớp đồng ấu và lớp dự bị). Các trường công chủ yếu mới được lập ở cấp huyện và cấp tỉnh. Trong đó, trường Quốc học Vinh là trường cao đẳng tiểu học, dành cho học sinh cả bốn tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thanh Hóa về học. Riêng huyện Yên Thành, tại những năm đầu thập kỷ 20, thế kỷ 20, chỉ có duy nhất một trường tiểu học ở huyện, thường gọi là "Trường Huyện", đặt ở xã Hợp Thành ngày nay.

Qua đó đủ thấy rằng dù hiếu học đến mấy thì con nhà nghèo cũng khó lòng có thể cắp sách đến trường.

Trong bối cảnh đó, ở xã Giai Lạc (xã Phúc Thành, huyện Yên Thành ngày nay) đã xuất hiện một tấm gương khuyến học hiếm có. Đó là ông Lương Đích, cựu Lý trưởng của xã. Khoảng năm 1924, 1925 ông đã xin phép được bỏ tiền túi để mở một trường công (công trường) ở ngay trong xã để con em đi học được thuận lợi. Tấm gương khuyến học này không chỉ được Nhân dân ca ngợi, truyền tụng đến ngày nay, mà đương thời cũng đã được báo chí phản ánh và biểu dương.

Hình ảnh ngôi trường hiện tại

Báo Thực nghiệp Dân báo (xuất bản tại Hà Nội), trong số ra ngày 4 tháng 3 năm 1927, trong mục "Tin Trung Kỳ" đã có bài "Nghệ An (Yên Thành): Xuất tiền tư làm trường học".

Bài báo viết: "Trong huyện chúng tôi có ông Lương Đích là một người lý trưởng cựu, xuất ra hơn 2.000 đồng bạc, xin phép Nhà nước lập một công trường trong xã. Số bạc xuất ra đó, nào có phải sẵn có trong nhà đâu, nào là vay nợ lời, nào là bán ruộng đợ, lòng ông hiếu nghĩa cũng hiếm có. Mong rằng Nhà nước tưởng thưởng cho ông, để làm gương cho kẻ khác noi theo. Vì việc lập trường Ấu học để khai trí cho dân là một việc tối khẩn thiết, mà nhà nước xuất tiền ra làm trường số có định hạn, chỉ mỗi năm lập thêm được ít trường mà thôi. Muốn cho xã nào cũng có trường cho con em nhà quê có chốn học hành tấp nập vui vẻ thời cốt trong cậy ở hằng tâm phú hộ".

Qua những dòng trên đây cho thấy gia đình ông Lương Đích cũng không thật giàu có, dư giả, nhưng rõ ràng ông là một người rất tâm huyết với việc học của con em trong xã. Sách "Hương chính chỉ nam", xuất bản năm 1927, là một cuốn tài liệu "tập huấn" cho Chánh Phó tổng, Chánh Phó lý trưởng trong toàn tỉnh Nghệ An, phần viết

về giáo dục cũng đã nêu gương ông Lương Đích và một số người khác đã bỏ tiền mở trường cho con em trong làng có chỗ học. "Hay là trong làng có ai hữu tâm cúng tiền mà làm thì lại càng tốt. Trong tỉnh ta đã có nhiều người có lòng tốt như vậy, tức như ông Phan Bá Tuân làm trường Bến Thủy, ông Trần Hữu Chỉ làm trường Xuân La, ông Lương Đích làm trường Giai Lạc…"

Tấm lòng và nghĩa cử của ông cựu Lý trưởng Lương Đích đã nhận được sự cộng hưởng rất đặc biệt của một vị quan trên, đó là ông Tri huyện Yên Thành đương thời. Số báo nói trên của Thực nghiệp Dân báo có bài viết "Quan huyện với sự học" như sau:

"Trường Giai Lạc ở huyện Yên Thành sĩ số ngày một thêm thịnh vượng, tuy có các thầy giáo hết lòng với nghề nghiệp mình nên được như thế, nhưng cũng cốt nhờ quan huyện sở tại sẵn lòng chăm nom săn sóc về sự học. Ngài sức dân tu bổ đường sá để học trò đi học cho tiện, hiểu khuyến phụ huynh phải cho con em tới trường học cho đông. Hễ có tên học trò nào nay phế khoáng, thầy giáo viết giấy xuống trình, thời ngài cho lính về bắt ngay. Vì thế nên học trò đi học chuyên cần lắm. Ngài lại xướng lập hội khuyến học để trợ cấp cho học trò nhà nghèo, mua sách vở bút giấy để ban thưởng cho sĩ tử. Ước gì các quan tổng phủ huyện đều như thế cả thời học trò các trường nhà quê cớ gì mà không đông, dân trí lo gì mà không chóng mở mang. Mong lắm thay!".

Có trường học ngay tại xã, lại được chính quyền khuyến khích, hỗ trợ, con em trong xã Giai Lạc đã theo học rất đông. Không chỉ con cái nhà giàu, mà nhiều gia đình nghèo cũng cố gắng thu xếp cho con đi học. Suốt mấy chục năm, ngôi trường này là nơi đầu tiên ươm mầm những hạt giống tốt cho quê hương, xứ sở. Hàng loạt những người sau này trở thành những cán bộ tốt đã bắt đầu việc học của mình từ đây, như các ông Trần Phiên, Nguyễn Doãn Ưu, Lê Quốc Ân, Nguyễn Doãn An, Nguyễn Viết Giang, Nguyễn Viết Lâu, Phạm Chí, Thạch Hổ, Nguyễn Huynh, Hà Văn Tải… Cụ Nguyễn Viết Giang, nguyên là bác sỹ, năm nay đã 103 tuổi, nhưng vẫn còn khỏe mạnh và minh mẫn, cho biết: Cụ đã học ở trường này từ thuở thiếu thời. Hồi đó, trường có sáu gian, ngăn thành ba lớp. Cụ Hà Văn Tải, nguyên Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Nghệ An, năm nay 93 tuổi vẫn còn nhớ như in những tháng ngày tuổi thơ được học ở ngôi trường làng thân yêu, mang tên Giai Lạc. Các cụ đều nói rằng: Nếu không có ngôi trường này chắc các cụ cũng khó có cơ hội đi học.

Điều đáng quý là sau ngót 100 năm xây dựng, cho đến nay ngôi trường Ấu học xã Giai Lạc tuy đã xuống cấp, nhưng vẫn còn đứng vững và giữ được hình hài xưa. Đó là ngôi nhà một tầng, có sáu gian, được xây dựng ngay cạnh Đình Hương, một di tích lịch sử. Ngôi trường Giai Lạc được xây dựng theo kiểu kiến trúc Đông Dương đầu thế kỷ 20, dáng dấp rất giống với Trường Tiểu học Pháp - Việt, hay trường Quốc học Vinh. Nhưng, điều đáng quý hơn cả là: Đây là chứng tích cuối cùng của nền giáo dục Pháp - Việt còn lại ở tỉnh Nghệ An!

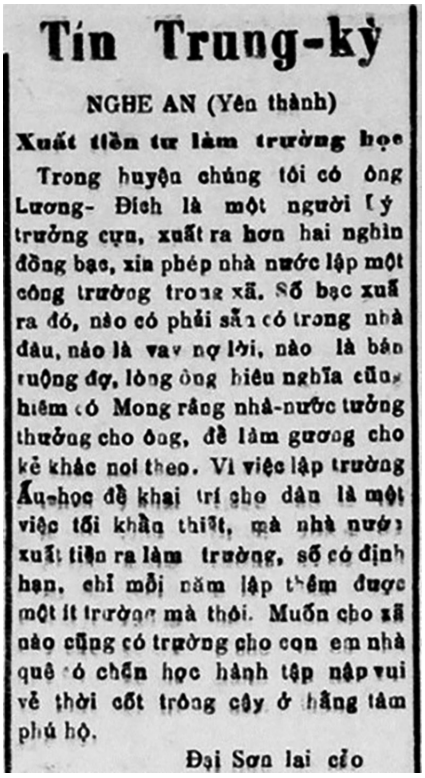

Tín Trung-kỳ

NGHE AN (Yên thành)

Xuất tiền tư làm trường học

Trong huyện chúng tôi có ông Lương- Đích là một người Lý trưởng cựu, xuất ra hơn hai nghìn đồng bạc, xin phép nhà nước lập một công trường trong xã. Số bạc xuất ra đó, nào có phải sẵn có trong nhà đâu, nào là vay nợ lời, nào là bán ruộng đợ, lòng ông hiếu nghĩa cũng hiếm có Mong rằng nhà-nước tưởng thưởng cho ông, để làm gương cho kẻ khác noi theo. Vì việc lập trường Ấu-học để khai trí cho dân là một việc tối khẩn thiết, mà nhà nước xuất tiền ra làm trường, số có định hạn, chỉ mỗi năm lập thêm được một ít trường mà thôi. Muốn cho xã nào cũng có trường cho con em nhà quê có chốn học hành tập nập vui vẻ thời cốt trông cậy ở hãng tâm phú hộ.

Đại Sơn lai cảo

Bài báo trên Thực nghiệp Dân báo, ngày 4/3/1927

Hiện nay, chính quyền xã Phúc Thành đã có chủ trương và đang tiến hành các bước để tôn tạo lại ngôi trường này. Mục đích sau khi tôn tạo là để sử dụng làm nhà truyền thống, đặc biệt là truyền thống hiếu học của các thế hệ con cháu xã Giai Lạc xưa, Phúc Thành nay.

QUY ĐỊNH không được phê bình học sinh trước lớp, trước trường là một bất cập

TRẦN TRUNG HIẾU

Trong những năm gần đây, Bộ Giáo dục & Đào tạo đã ban hành nhiều thông tư, văn bản mới ở bậc giáo dục phổ thông. Bên cạnh những điểm mới để đáp ứng yêu cầu mới cho công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện ngành giáo dục, một số nội dung của nhiều thông tư đã bộc lộ nhiều điểm bất cập, chưa phù hợp và gây nên sự phản ứng, phản biện nhiều chiều của dư luận xã hội, đặc biệt là ngay trong đội ngũ các nhà giáo. Liên quan đến vấn đề văn hóa học đường và công tác giáo dục đạo đức với học sinh trong các trường phổ thông chính là vài bất cập trong Thông tư 32 của Bộ GD&ĐT, đặc biệt là về xử lý kỷ luật học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập.

Trong khoản 2, điều 42 của Thông tư số 12/2011/TT-BGDDT (gọi tắt là Thông tư 12) quy định học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện có thể được khuyên răn hoặc xử lý kỷ luật theo hình thức phê bình trước lớp, trước trường; khiển trách và thông báo với gia đình; cảnh cáo ghi học bạ; buộc thôi học có thời hạn.

Tuy nhiên, theo Thông tư 32/2020/TT-BGDDT (gọi tắt là Thông tư 32) về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học của Bộ GD&ĐT thì giáo viên không được xử lý kỷ luật học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện bằng hình thức phê bình trước lớp, trước trường. Đó là điều rất không thực tế và một trong những cội nguồn dễ tạo ra nhiều hệ lụy cho giáo viên.

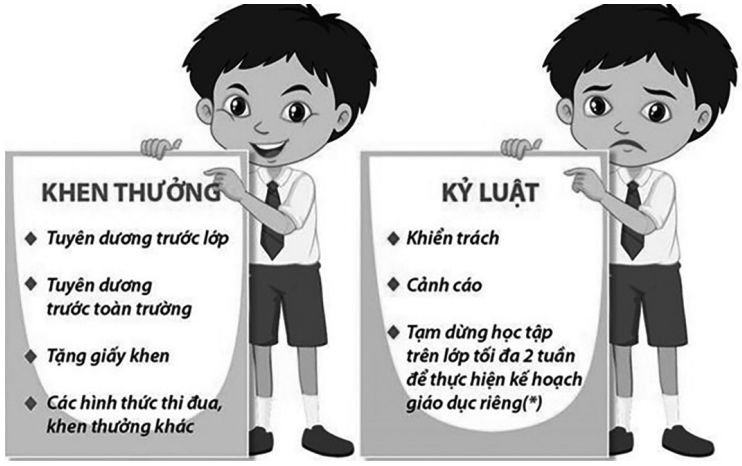

Vấn đề kỷ luật học sinh như thế nào vẫn là câu chuyện được nhiều giáo viên bàn luận. (Ảnh minh họa: TTXVN)

Trong cuộc sống cũng như khi làm việc ở bất cứ mọi ngành nghề, lĩnh vực và công tác giáo dục đều luôn phải duy trì 2 yếu tố "pháp trị" và "đức trị". Nêu gương, khen thưởng khi có ưu điểm, thành tích đồng thời cũng cần có phê bình, kỷ luật khi vi phạm kỷ cương, kỷ luật của nhà trường.

Học sinh trong thời 4.0 ngày nay có nhiều yếu tố tác động trong quá trình học tập và cuộc sống, có nhiều thứ để vui, có nhiều trò để mê, có nhiều thứ để nghiện. Cách ứng xử và hành xử giữa trò với trò, trò với thầy trong thời nay đã có nhiều sự thay đổi so với các thế hệ học trò ngày trước. Việc ngồi học trong lớp học không tập trung, nói chuyện riêng, làm việc riêng, nhác học bài cũ, lười làm bài tập cùng với tác phong ăn mặc, đầu tóc, đi đứng, nói năng theo cách hồn nhiên của tuổi học trò thì việc sơ suất, thiếu sót, vi phạm nội quy, kỷ luật của nhà trường cũng là chuyện bình thường

và cũng là điều dễ hiểu. Những lúc như vậy, các em rất cần sự góp ý, phê bình của thầy cô, cha mẹ để giúp các em nhận thức được đúng, sai mà sửa chữa.

Vì vậy, với góc độ là một giáo viên phổ thông, đồng thời là một phụ huynh, tôi cho rằng việc Thông tư 32 có nội dung không được xử lý kỷ luật học sinh vi phạm khuyết điểm bằng hình thức phê bình trước lớp, trước trường là rất không thực tế. Bất kỳ mỗi quốc gia, dân tộc nào, dù ở trình độ văn minh hay kém phát triển, một xã hội mà không còn sự nhắc nhở, phê bình hay xử lý kỷ luật thì đó là một xã hội không còn kỷ cương, phép nước.

Trong một gia đình, ông bà và cha mẹ chính là những người thầy đầu tiên để dạy dỗ, giáo dục con cháu từ những bài học đầu tiên trước khi đến trường. Trong các nhà trường, giáo viên chính là những người thầy cùng một lúc gánh vác 2 thiên chức: vừa dạy chữ và kiến thức văn hóa, vừa dạy ý thức, nhận thức và giáo dục nhân cách, đạo đức. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người thay mặt lãnh đạo nhà trường để quản lý lớp trong nhiều năm học và các giáo viên bộ môn sẽ cùng phối hợp với giáo viên chủ nhiệm để giảng dạy và cùng giáo dục các em trong lớp, trong trường.

Việc không được phê bình học sinh trước lớp, trước trường đã tước bỏ quyền giáo dục của giáo viên, của nhà trường và vô tình tạo cơ hội cho học sinh hành xử với giáo viên theo kiểu "dân chủ quá trớn", tạo tiền lệ nguy hiểm cho nhiều hành vi học sinh xem thường giáo viên - một điều khó chấp nhận trong ngành giáo dục từ xưa đến nay. Và khi đối mặt với học sinh cá biệt có những biểu hiện bất ổn như vậy, nếu giáo viên thiếu đi sự tinh tế, kinh nghiệm và kỹ năng sư phạm thì chính họ lại đón nhận sự chỉ trích dữ dội từ báo chí, mạng xã hội, của các phụ huynh và nhận kỷ luật của ngành.

Là một giáo viên, tôi luôn phản đối các giáo viên mạt sát, chửi bởi, đánh đập học trò khi sai phạm, nhưng tôi không đồng thuận việc không được phê bình học sinh trước lớp, trước trường. Có thể bớt đi nội dung không phê bình học sinh trước trường, nhưng phê bình trước lớp là một động thái cần thiết. Vấn đề quan trọng là cách thức, hình thức nhắc nhở như thế nào của giáo viên để học sinh tâm phục, khẩu phục nhận ra cái sai của mình để sửa chữa và tiến bộ.

Giáo dục là một quá trình và cũng là một nghệ thuật. Nó là nghệ thuật của nghệ thuật nên sẽ không có một công thức chung cho tất cả học sinh. Có nhiều học sinh thì nhờ sự động viên kịp thời, sự tuyên dương, khen thưởng đúng lúc mà tiến bộ nhanh và sớm trưởng thành. Có những học sinh nhờ có thầy cô tận tâm, trách nhiệm và nghiêm khắc, nhờ phê bình, kỷ luật mà trưởng thành. Điều cốt lõi là mỗi thầy cô giáo phải tùy vào điều kiện, hoàn cảnh, tình cảnh cụ thể của những đối tượng học sinh cụ thể để ứng xử cho phù hợp và linh hoạt. Chỉ có nghề giáo và những nhà giáo tâm huyết, có kinh niệm và kỹ năng giảng dạy và giáo dục mới làm tốt việc đó.

Giáo dục muốn hiệu quả phải là tổng của những phép cộng hài hòa của 3 yếu tố: Gia đình, nhà trường và xã hội. Một nền giáo dục phát triển là một nền giáo dục có kỷ cương, kỷ luật, tình thương và trách nhiệm.

Từ Thông tư 32, thiết nghĩ, để thông tư, văn bản có tính khoa học và khả thi, trước khi ban hành, Bộ GD&ĐT nên có các kênh thăm dò, lấy ý kiến tham vấn, góp ý, phản biện tới tất cả các địa phương, các chuyên gia giáo dục, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông trên toàn quốc. Tránh việc ban hành một chủ trương lớn nhưng lại áp đặt theo kiểu "trên bảo dưới phải nghe" và không nên lấy một mô hình, trình độ giáo dục của một địa phương để áp dụng cho toàn ngành trên phạm vi toàn quốc.

Ngành Giáo dục đang thực hiện công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện. Vẫn biết rằng, một cái mới ra đời không phải bao giờ cũng dễ dàng được đón nhận và tiếp nhận đồng thuận từ tất cả mọi người. Nhưng đổi mới không có nghĩa là phủ nhận sạch trơn cái cũ, từ bỏ tất cả cái cũ khi vẫn còn phát huy tác dụng. Chủ trương và cách làm cũ nhưng vẫn còn tác dụng, hiệu quả thì cần vận dụng một cách linh hoạt. Cái mới nhưng xa lạ, chưa phù hợp với thực tiễn hiện tại và điều kiện kinh tế xã hội thì cần thận trọng.

Quảng trường Hồ Chí Minh là nơi diễn ra những sự kiện chính trị lớn, những buổi biểu diễn nghệ thuật đặc sắc
Ảnh: Ngọc Mai

Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ

Những dấu ấn khó quên

VŨ DUY

"Thời đại Hồ Chí Minh là thời đại tỏa sáng rực rỡ nhất của dân tộc Việt Nam suốt nhiều nghìn năm dựng nước và giữ nước oanh liệt.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn đuốc chỉ đường cho dân tộc hôm qua, hôm nay và cho mai sau.

Nhân dân Việt Nam đời đời biết ơn và kính yêu Người.

Cảm ơn Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Nghệ An, các ngành, các nhà xây dựng và văn hóa đã xây nên công viên tưởng niệm xứng đáng về Người".

Trên đây là những dòng lưu bút của đồng chí Trần Đức Lương, khi ấy là Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước khi đến thăm Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ tại TP Vinh chỉ sau khi công trình được khánh thành vài tháng (vào ngày 5/12/2003). Những dòng lưu bút giản dị ấy có thể nói đã phản ánh đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của công trình, lòng mong mỏi và tình cảm của Đảng ta, dân ta với Bác Hồ, với công trình mang tên Người trên quê hương xứ Nghệ - giữa lòng thành phố Đỏ anh hùng.

20 năm, một chặng đường chưa dài, nhưng đủ để cho chúng ta thấy Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ với thiết kế hài hòa, tỉ

mỉ, cẩn trọng, đạt tính thẩm mĩ cao, xứng đáng "là công trình văn hóa có tầm cỡ quốc gia, là một tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật", "thể hiện được tấm lòng kính yêu của Nhân dân tỉnh Nghệ An và Nhân dân cả nước đối với vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc" như ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị ngày ấy.

Công trình khởi nguồn từ tấm lòng yêu kính, biết ơn, và quá trình chuẩn bị, xây dựng cũng luôn dựa trên tinh thần ấy. Khó có thể kể hết những tâm huyết của lãnh đạo và Nhân dân tỉnh nhà, lãnh đạo ngành Văn hóa, các văn nghệ sỹ, các nhà nghiên cứu, các kiến trúc sư… khắp cả nước. Từ khâu chọn ý tưởng, chủ đề "Bác Hồ với quê hương - quê hương với Bác Hồ" để phát động đợt sáng tác và chọn phác thảo tượng Bác, đến những chuyến đi thăm viếng, học tập kinh nghiệm ở nhiều địa phương trên cả nước, những cuộc lặn lội tìm kiếm tư liệu, tìm lại cảm xúc khi đọc đi đọc lại những bức thư Bác gửi cho Đảng bộ và Nhân dân tỉnh nhà, xem lại những tấm ảnh, đoạn phim về Bác, nghe những câu chuyện mà người dân được gặp Bác kể lại về Người… Đến những lần trưng cầu, xin ý kiến người dân sau đó, chọn chất liệu cho công trình, chọn địa điểm xây dựng… và triển khai xây dựng trong 3 năm với 26 hạng mục quan trọng cùng những câu chuyện vượt khó khăn được xem là kỳ tích. Tất cả đã là cộng hưởng của trí tuệ, của lòng yêu kính, ngưỡng vọng. Để rồi tỉnh Nghệ An đã có một "địa chỉ đỏ", không chỉ có ý nghĩa đặc biệt về chính trị, văn hóa, kiến trúc mà còn mang tính biểu tượng về đất và người xứ Nghệ, thành một nơi "tìm về" của con dân nước Việt. "Tìm về" để gặp những thương yêu, những chở che. Tìm về để thêm tự hào và vững bước. Tìm về để thấy dường như Người vẫn còn đó, giữa quê hương "nghĩa trọng tình cao", lồng lộng một sắc trời mây, lồng lộng một vầng trán rộng và trái tim ôm chứa thân phận biết bao người.

20 năm, công trình Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ đã đón hàng triệu bước chân du khách (trung bình mỗi năm khoảng 3,6 triệu lượt khách tham quan trong và ngoài nước). Tại nơi này đã diễn ra rất nhiều những sự kiện trọng đại của tỉnh và của đất nước. Lễ khánh thành công trình, đồng thời cũng là dịp kỷ niệm 113 năm Ngày sinh nhật Bác (19/5/2003), đã trở thành một ngày có ý nghĩa lịch sử của người dân xứ Nghệ, với những ngả đường người, xe nêm chặt dẫn tới Quảng trường; để rồi kể từ dấu ấn này, Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ là nơi diễn ra nhiều hoạt động đón tiếp dâng hoa của các đoàn nguyên thủ quốc gia, các bộ ban ngành trung ương, các đoàn khách nước ngoài, lãnh đạo tỉnh, các cơ quan đơn vị, trường học trong toàn tỉnh, các tầng lớp nhân dân; là nơi diễn ra các hoạt động, sự kiện chính trị, văn hóa xã hội tiêu biểu như: Chương trình liên hoan văn hóa nghệ thuật về hình tượng Bác Hồ (2003), chương trình "Hồ Chí Minh với bản sắc văn hóa dân tộc" (2005), lễ kỷ niệm 220 năm Phượng Hoàng Trung Đô (2008), chương trình "Hương sen xứ Nghệ (2010), chương trình đón Bằng công nhận Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, Chương trình "Sáng mãi tên Người - Hồ Chí Minh" (2015), Lễ kỷ niệm 60 năm Bác Hồ về thăm quê lần thứ nhất (2017), lễ kỷ niệm 990 năm danh xưng Nghệ An, các chương trình nghệ thuật, cầu truyền hình đón chào năm mới, các đại hội TDTT, các liên hoan nghệ thuật…

Song điều đặc biệt là công trình này không chỉ là nơi diễn ra các sự kiện chính trị, ngoại giao, văn hóa tiêu biểu của tỉnh, của cả nước, mà còn là nơi chứng kiến những sự kiện quan trọng của mỗi con người. Đó có thể là một lễ kết nạp Đoàn, kết nạp Đội, là ngày tổ chức hôn lễ, hay thậm chí một ngày rời quê để đi xa lập nghiệp, ngày trở lại quê hương của một đứa con tha phương… Họ, những người con xứ Nghệ, đã chọn nơi đây như một chốn thiêng liêng để đánh dấu những sự kiện có ý nghĩa đặc biệt trong cuộc đời mình.

Từ các sự kiện đòi hỏi quy mô hoành tráng với sức chứa vạn người, đến những sự kiện mang đậm dấu ấn cá nhân, chúng ta đều muốn tìm đến nơi mà dường như luôn có Bác hiện hữu. Bởi ở chính nơi đây, mỗi tập thể, cá nhân đều tìm

được một không gian "thiêng" của lòng mình, và bên cạnh sự thiêng liêng còn là cảm giác gần gũi, ấm áp, thiết thân tới vô cùng.

Cũng như về với Kim Liên, như là về với Quê Chung, mỗi người dân đất Việt đến với Quảng trường Hồ Chí Minh, đứng dưới chân tượng Bác, để dường như thấy được bóng dáng giản dị của Người năm nào. Là Bác của chúng ta xúc động, bồi hồi sau 50 năm rời quê, giờ gặp lại sắc hoa râm bụt đỏ, mái tranh nghèo Hoàng Trù, giếng Cốc làng Sen, rưng rưng lời Người nói "Quê hương nghĩa trọng tình cao/Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình". Là Bác đang đến thăm cánh đồng lúa Vĩnh Thành (Yên Thành), trò chuyện với bà con nơi này trong cái nắng đã lên cao, và Người đã từ chối khi có người bật ô che cho mình, rằng: "Chú có đủ ô che hết nắng cho bà con không? Bà con chịu được nắng, sao Bác lại không chịu được". Là Bác đang đến thăm và trò chuyện với công nhân Nhà máy Cơ khí Vinh, thăm Nông trường Đông Hiếu ở Nghĩa Đàn…

Với du khách muôn phương đến nơi này còn được chiêm ngưỡng không gian văn hóa thấm đẫm hồn quê xứ Nghệ, hiểu vì sao Hồ Chí Minh giản dị mà vĩ đại, vì sao người Nghệ ý chí và can trường, người quê Nghệ dẫu chân trời góc biển vẫn đau đáu một tấm lòng với quê hương…

Đến nơi này và hiểu rằng mỗi một hạng mục công trình, mỗi một loài cây, loài hoa, mỗi thảm cỏ, mỗi viên gạch đều có một câu chuyện, mang một ý nghĩa riêng, để yêu thương và trân trọng hơn tiền nhân, trân trọng hơn tâm huyết của những người hôm nay cho một công trình văn hóa lớn. 99 vuông cỏ ở Quảng trường để nói về sự vĩnh cửu. Núi Chung mô phỏng kể chuyện về tuổi thơ Bác Hồ, 3 đỉnh vòng cung là biểu tượng cho vòng tay người mẹ Làng Sen luôn ôm ấp, chở che. Mỗi loài cây trồng trên núi mang đến từ nhiều vùng quê là tình cảm của người dân khắp cả nước hướng về Bác Hồ, hướng về xứ Nghệ… Mỗi chi tiết ở đây đều hàm chứa trong nó những biểu tượng về Bác, về tình yêu và lòng kính trọng đối với Người.

Đến nơi này để còn thấy bóng dáng những con người thầm lặng ở đằng sau mỗi nhành hoa, nụ mầm, mỗi vuông cỏ, hàng gạch lát... Tất cả đều được tỉa tót, chăm sóc, xới vun. Và để thấy bao đoàn khách đến là có bấy nhiêu sự nồng hậu đón tiếp. Thấy phía sau bao người bình yên đi bộ thong dong là biết bao lo lắng, biết bao nỗ lực trong công tác đảm bảo an toàn của bộ phận an ninh. Ban Quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ đã làm tốt điều đó và chắc chắn cần phải làm tốt hơn nữa trong thời gian tới.

Để khi đến nơi này, mỗi chúng ta có cảm giác như không chỉ đến tham quan, chiêm ngưỡng đơn thuần một công trình văn hóa lớn, mà dường như còn đang được gặp Bác, tâm sự với Người, gửi gắm với Người những suy tư, tâm huyết, hứa với Người những điều phải thực hiện. Dưới chân tượng, đã có những dòng lưu bút nhiều cảm xúc của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các ban bộ ngành, các tỉnh thành… Chính nơi đây cũng đã lưu lại những dòng lưu bút của Đại tướng Võ Nguyên Giáp vào ngày 9/11/2004 và cũng tại đây vào tháng 11 năm 2013 đã diễn ra triển lãm ảnh "Đại tướng với Nghệ An - Tiễn Người về đất mẹ" khi Đại tướng mới qua đời. Người dân xứ Nghệ từ khắp nơi đã đội mưa đến với Quảng trường để chia sẻ nỗi buồn đau, xem lại những hình ảnh về người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Dưới chân tượng Bác cũng đã rưng rưng đôi mắt của các cựu chiến binh, các bà mẹ Việt Nam anh hùng, lấp lánh những ngực áo huân chương, chậm rãi "vết chân tròn", vết xe lăn của những người thương binh trở về sau những cuộc chiến. Dưới chân tượng Bác cũng đã có bao vỡ òa xúc động của bà má miền Nam, của già bản Tây Nguyên, của những người dân vùng cao xứ Nghệ cả một đời gắn bó nương rẫy thỏa ước ao được "xuống Vinh để thăm tượng Bác Hồ".

Và để nơi này thực sự trở thành niềm tự hào của mỗi người xứ Nghệ, khi họ xúc động và kiêu hãnh gửi lời mời gọi đến với quê mình cho những bạn bè phương xa.

Lễ hội làng Sen năm 2023. Ảnh: Hà Hồ

Lễ hội Làng Sen sự kiện văn hóa độc đáo của xứ Nghệ

TRANG ĐOAN

Trải qua chặng đường hơn 20 năm từ khi hình thành đến nay, lễ hội Làng Sen đã dần định vị được chỗ đứng của mình và ngày càng lan tỏa trong cộng đồng, trở thành một sự kiện văn hóa mà có lẽ bất cứ ai đến với xứ Nghệ đều không nên bỏ qua. Giờ đây, nó không chỉ là một hoạt động của riêng Nghệ An nữa mà là nơi kết nối tấm lòng của người dân trên mọi miền đất nước, thành kính dâng lên vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

Sẽ không quá khi khẳng định lễ hội Làng Sen đủ điều kiện trở thành một sự kiện văn hóa độc đáo của xứ Nghệ bởi, chúng ta đều dễ dàng nhận thấy, đây là lễ hội tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh - một anh hùng giải phóng dân tộc, một nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam cũng như nhân loại ngay trên chính quê hương của Người - vùng đất lưu giữ nhiều giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc. Nói cách khác, lễ hội Làng Sen có đủ yếu tố thuận lợi để khai thác, phát triển, trở thành một sự kiện đặc trưng, là nét riêng không thể trộn lẫn của xứ Nghệ.

Thời gian qua, sau một quá trình thể nghiệm, tìm lối đi, lễ hội làng Sen đã dần khắc phục được những hạn chế, vượt qua phần nào các chướng ngại để định hình chỗ đứng của mình. Đến nay, chúng ta hoàn toàn có thể xác định rõ loại hình của lễ hội làng Sen và đã xây dựng được một kịch bản lễ hội khá bài bản, công phu. Các hoạt động của phần Lễ được duy trì ổn định, tổ chức trang trọng, đảm bảo tính thiêng và các hoạt động phần Hội ngày càng đa dạng, phong phú. Điều đáng nói là sau nhiều năm tổ chức, chúng ta đã dần đưa các hoạt động vào một cách có chọn lọc, có dụng ý, tạo được sự liên kết, ăn nhập với mục đích, ý nghĩa tổ chức lễ hội; toát lên được nét đẹp văn hóa của người dân xứ Nghệ, nơi đã nuôi dưỡng tâm hồn một vị lãnh tụ kiệt xuất. Bà Quách Thị Cường - Phó Giám đốc Sở Văn hóa & Thể thao Nghệ An chia sẻ: "Qua mỗi năm tổ chức,

chúng tôi đều luôn trăn trở làm sao để các hoạt động của Lễ hội Làng Sen ngày càng phong phú hơn, gắn với mọi không gian văn hóa liên quan đến cuộc đời, con người chủ tịch Hồ Chí Minh trên quê hương của Người. Qua đó, lễ hội sẽ dần nâng tầm quy mô, đáp ứng tốt hơn mong mỏi của người dân và du khách." Bà cũng cho biết vai trò chủ thể của người dân trong tổ chức các hoạt động lễ hội ngày càng đậm nét khi nhiều chương trình hiện nay được thực hiện do nguồn xã hội hóa và đoàn quần chúng đến từ các huyện, xã trên địa bàn ngày càng đông đảo.

Bên cạnh làm nổi bật hình tượng Hồ Chí Minh, lễ hội Làng Sen còn làm nổi bật được văn hóa và con người xứ Nghệ nói chung thông qua các hoạt động trải nghiệm như: trình diễn dân ca Ví, Giặm; ẩm thực chế biến món ăn từ sen; trưng bày các sản phẩm truyền thống, đặc sản xứ Nghệ... Năm nay, phần Hội được bổ sung thêm nhiều hoạt động giúp không chỉ làm nổi bật văn hóa truyền thống xứ Nghệ mà còn cho thấy một quê hương Nghệ An ngày càng đổi mới, năng động, phát triển. Có thể kể đến như: festival văn hóa ẩm thực, carnival đường phố, trình diễn thời trang áo dài sen,…

Lễ hội Làng Sen năm 2023 đánh dấu sức lan tỏa và giá trị của nó khi nhiều hoạt động được thực hiện từ nguồn xã hội hóa và đặc biệt, có sự tham gia tổ chức của các tỉnh bạn. Chương trình khai mạc gắn với kỷ niệm 155 năm năm sinh bà Hoàng Thị Loan - thân mẫu chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ mang tới đêm trình diễn nghệ thuật đặc sắc, lắng đọng mang tên "Người mẹ làng Sen" được trực tiếp trên truyền hình quốc gia và có sự tham dự của lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Đêm Bế mạc là chương trình nghệ thuật được dàn dựng công phu với hơn 200 nghệ sĩ, trong đó có khoảng 100 nghệ sĩ đến từ thành phố Hồ Chí Minh. Qua các tiết mục biểu diễn, chương trình sẽ mang đến một câu chuyện đầy xúc động, một con đường lịch sử, thể hiện sự gắn kết giữa 2 tỉnh Nghệ An và thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động phần Hội đều xoay quanh/gắn với cuộc đời, sự nghiệp vị lãnh tụ vĩ đại và ngợi ca quê hương, con người xứ Nghệ mang đến một không gian trải nghiệm văn hóa độc đáo và giàu ý nghĩa cho người dân, du khách. Trong suốt thời gian diễn ra lễ hội (10/5 -19/5), chương trình giao lưu, biểu diễn nghệ thuật cũng như các hoạt động bên lề sẽ được tổ chức liên tục tại Khu di tích Kim Liên, quảng trường Hồ Chí Minh... Đặc biệt, lễ hội đường phố mang tên "Quê hương mùa sen nở" sẽ mang đến một trải nghiệm mới đầy thú vị. Chương trình có 3 phần, phần một "Lung linh hồn quê xứ Nghê" mở màn với các làn điệu dân ca Ví, giặm Nghệ Tĩnh như một lời chào đón người dân, du khách đến với quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh; phần 2 "Hương sen hội tụ" có sự tham gia trình diễn di sản của các đoàn nghệ thuật đến từ Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế; phần 3 "Sắc màu văn hóa" giới thiệu đến du khách tất cả các sắc màu văn hóa của các dân tộc tại Nghệ An, trong đó sẽ có trình diễn nghi lễ của dân tộc Thái, Mông, Khơ Mú, Ơ Đu và nghi lễ văn hóa quan trọng của vùng biển (biển Quỳnh, thị xã Cửa Lò); và khép lại chương trình là màn trình diễn "Chào ngày mới" thể hiện một Nghệ An hôm nay đầy năng động, phát triển và luôn mang trong mình khát vọng vươn lên.

Có thể nói Lễ hội làng Sen 2023 sẽ giúp chúng ta không chỉ được nhìn lại những giai đoạn lịch sử, được có cái nhìn rõ nét và sâu sắc hơn về một nhân cách vĩ đại, được tắm mình trong mạch nguồn văn hóa của một vùng đất giàu truyền thống mà còn được lắng lòng mình trong những cảm xúc gia đình, quê hương đầy thiêng liêng. Nếu như trước đây nhắc đến xứ Nghệ người ta chỉ nghĩ về du lịch biển Cửa Lò, về thăm quê Bác hay ghé đền Cờn,… thì nay, lễ hội Làng Sen đã có thể xem là một trong những lý do đáng để họ tìm về hay hồi hộp chờ đón hàng năm. Với những thay đổi như hiện nay, đặc biệt, việc chú trọng truyền thông và phối hợp hoạt động với các tỉnh bạn chúng ta sẽ sớm lan tỏa và nâng tầm lễ hội làng Sen để nó trở thành một trong những lễ hội tiêu biểu nhất của xứ Nghệ.

Lâu nay, lễ hội Làng Sen vẫn là đề tài tốn bút mực của báo giới và các nhà nghiên cứu bởi lẽ người ta đặt nhiều kỳ vọng vào sự kiện này. Kỳ vọng nó sẽ có một vị trí xứng tầm, kỳ vọng người dân và du khách biết đến sự kiện này nhiều hơn; kỳ vọng lễ hội được tổ chức bài bản, hấp dẫn, ý nghĩa hơn. Trải qua một chặng đường dài, không ngừng trăn trở với nội dung kịch bản lễ hội, chúng ta đã dần hiện thực hóa được những mong muốn, phần nào đáp ứng được kỳ vọng của nhiều người. Dẫu biết chặng đường trước mắt còn nhiều khó khăn nhưng khi đã đi đúng hướng thì chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng lễ hội làng Sen sẽ ghi dấu trong lòng người dân, du khách như một trong những sự kiện văn hóa độc đáo và đặc trưng nhất của xứ Nghệ!

Độc đáo phong tục hát dân ca trong đám cưới của đồng bào Mông ở Nghệ An

LƯƠNG VÂN

Sự biến động của thời gian, sự giao thoa trong hoàn cảnh sống, những tác động của kinh tế thị trường trong quá trình hội nhập khiến cho văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) ở Nghệ An bị mai một, thất truyền. Đặc biệt, những làn điệu dân ca, dân vũ của đồng bào Mông, Khơ Mú, Đan Lai… hầu như đều bị mai một, biến dạng. Tuy nhiên, trong quá trình biến động đó, ta vẫn tìm thấy được những giá trị văn hóa độc đáo còn lưu giữ được rất đậm nét đó chính là tục hát dân ca trong đám cưới của đồng bào Mông ở ba huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong.

Lễ cưới là một trong những nghi thức quan trọng bậc nhất của người Mông, là dấu mốc trưởng thành của mỗi con người. Vì thế, dù cuộc sống hiện đại có nhiều đổi thay thì tục hát dân ca trong đám cưới vẫn được đồng bào Mông lưu truyền từ đời này sang đời khác, mang theo cả một kho tàng tri thức, văn hóa của cộng đồng người Mông.

Người Mông tổ chức một đám cưới gồm ba bước tương ứng ba lễ: Lễ dạm, lễ trả và lễ cưới. Để tổ chức lễ cưới theo phong tục của đồng bào Mông, hai gia đình nhà trai và

nhà gái phải đi mời hai ông mối (hai ông mè công) làm chủ hôn lễ. Ngay trong lễ dạm hỏi cũng bắt buộc phải có hai ông mối thông thuộc các bài hát nghi lễ cưới xin kết nối hai nhà để làm thủ tục dạm hỏi và chọn ngày đón dâu. Đặc biệt, trong đám cưới có nhiều nghi thức và nhiều phần lễ khác nhau và hầu như ở phần lễ nào cũng phải thông qua hai ông mối. Bởi vậy, vai trò của ông mối trong nghi lễ cưới xin hết sức quan trọng. Vì người Mông quan niệm: "Nói thì ngại, hát thì không sao", bởi vậy mà bất cứ nghi lễ nào trong đám cưới từ khi đoàn nhà trai đặt chân tới nhà gái thực hành nghi thức cưới xin đến lúc kết thúc xin phép đón dâu về cũng đều được các ông mối "đặt vấn đề" bằng cách hát Dà Xông. Nghi thức quan trọng này đến nay vẫn được đồng bào Mông gìn giữ, bảo tồn rất đậm nét, chúng ta có thể thấy trong bất cứ đám cưới truyền thống nào của người Mông tại Nghệ An.

Dà xông là những bài trường ca do người Mông sáng tác, nó mang tính chất nghi thức, có quy tắc, có nhạc điệu tương đối ổn định, mang đậm tính giáo dục, triết lý và tính nhân văn sâu sắc và cũng là yếu tố không thể thiếu được trong mỗi đám cưới của đồng bào. Người Mông ở Kỳ Sơn thống kê được khoảng hơn một trăm bài Dà Xông hát trong đám cưới với nhiều nội dung khác nhau như: nói về công ơn của cha mẹ, lời hứa làm dâu tốt, lời cảm ơn của

Nhà trai cầm ô đứng trước cửa nhà và ông mối hát bài "Xin mở cửa"

nhà trai, bài hát giáo dục con cái... mỗi bài đều mang những tâm tư tình cảm riêng của nó nhưng nhìn chung đều thể hiện sự khiêm nhường của nhà trai cũng như nhà gái trong cách đối nhân xử thế. Một trong những nội dung quan trọng, chi phối toàn bộ cuộc hát trong đám cưới chính là việc thể hiện tình cảm, lòng biết ơn, sự kính trọng đối với ông bà, cha mẹ, đấng sinh thành của đôi uyên ương.

Đám cưới của người Mông diễn ra trong ba ngày liên tục. Và trong ba ngày đó, các ông mối đều phải hát để trình bày các yêu cầu hôn nhân. Ngày thứ nhất vào buổi chiều tối, gia đình nhà trai dẫn theo hai ông mối sang nhà gái. Theo trình tự trước tiên ông mối sẽ hát bài dân ca Dà Xông có tên là "Ka và" (Đến nhà). Đến cửa nhà gái, nhà trai cầm theo chiếc ô đứng ngoài, ông mối hát bài "Khi trồng" (Xin mở cửa) để nhà gái mở cửa và cho vào nhà. Lúc này có lời hát đối đáp giữa hai ông mối nhà trai và nhà gái, ông mối bên nhà gái cũng thay mặt nhà gái hát bài "Pông Plà" (Mời vào nhà). Sau đó, nhà gái sẽ mời nhà trai ở lại ăn cơm, lời bài hát "Trúc trồng" (dọn mâm) vừa dứt thì bàn rượu cũng được bày ra và hai bên cùng uống rượu.

Sang ngày thứ hai, nhà gái sẽ mời bà con, họ hàng đến ăn uống, chung vui với gia đình. Đồng thời, hai bên gia đình mỗi bên sẽ cử ra 2 người nam ở tuổi trưởng thành và họ cũng sẽ hát dân ca Dà Xông đối đáp với nhau. Theo phong tục thì chỉ những người đàn ông trưởng thành mới được mời hát vì lúc đó họ mới có kinh nghiệm, có hiểu biết để hát những bài Dà Xông giáo dục con cái, truyền đạt lại kinh nhiệm cho cô dâu chú rể những triết lý về cuộc sống, về đối nhân xử thế, về quan hệ trong gia đình để có có cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Vào đêm của ngày thứ hai, hai bên gia đình sẽ dọn mâm gọi trai gái trong làng đến và hát thâu đêm. Tuy nhiên thanh niên nam nữ trẻ sẽ không hát

Hát bài "Cho cầu" (trao ô)

dân ca Dà Xông mà họ chỉ hát những bài có tính chất vui chơi trong đám cưới như Cự Xia, để đối đáp giao duyên, tỏ tình với nhau thôi... và cũng có khi trong những cuộc hát đó lại có những đôi nam nữ tỏ tình thành công và thành đôi với nhau... Có điều đặc biệt là trong đám cưới người Mông, họ không chơi nhạc cụ, không thổi sáo, không thổi Khèn mà họ chỉ hát dân ca. Mặc dầu Khèn Mông là nhạc cụ hầu như người đàn ông Mông nào cũng biết thổi, học bài bản, nghiêm túc, tuy nhiên đây là nhạc cụ mang yếu tố tâm linh, nhạc cụ thường dùng để tiễn đưa người mất trong đám tang nên người Mông không thổi Khèn trong đám cưới mà họ chỉ thổi để tỏ tình, thể hiện tình cảm nhớ nhung khi có tâm sự.

Sang ngày thứ ba, hai ông mối sẽ hát hai bài Dà Xông để giao dâu và nhận dâu. Nếu nhà gái đồng ý gả con thì ông mối sẽ hát bài "Cho cầu" (trao ô) tượng trung cho người con gái, luôn che chở vun vén gia đình. Cuối cùng khi đám cưới kết thúc thì cũng sẽ được ông mối tổng kết bằng bài Dà Xông "Mềnh xênh cụ" (kết thúc) sau đó nhà trai sẽ đón cô dâu ra về và tiếp tục hát ở nhà trai. Thường thì những người được mời để làm ông mối sẽ là những người trong họ hàng nhà trai và nhà gái, thông thạo các bài hát dân ca nghi lễ, am hiểu phong tục tập quán của người Mông, ngoại giao tốt, ăn nói giỏi để làm các thủ tục cưới xin.

Những nguyên tắc ứng xử giàu tính nhân văn, thiết thực với cuộc sống đã trở thành yếu tố quyết định sự hình thành thuần phong mĩ tục ngàn năm của đồng bào Mông. Đạo lý, lối sống của người Mông được phản ánh sinh động trong các bài dân ca đám cưới. Đây không phải là những bài học đạo lý khô khan, sáo rỗng mà thể hiện tinh tế những cách ứng xử của đồng bào. Thông qua những bài dân ca trong đám cưới, chúng ta có thể hiểu được khá đầy đủ về nhiều mặt đời sống xã hội, đời sống tình cảm của người Mông, càng thấy họ là người coi trọng nghĩa tín. Đây cũng là nét văn hóa độc đáo tạo nên bản sắc riêng của cộng đồng. Để bảo tồn những bài trường ca quý giá của người Mông như Dà Xông thì điều quan trọng nhất là chúng ta phải bảo tồn môi trường diễn xướng của nó là các đám cưới của đồng bào dân tộc Mông. Cho đến nay, thì những phong tục độc đáo này vẫn được người Mông ở ba huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong lưu giữ đậm nét. Tuy nhiên vẫn có một số trường hợp người Mông vì di chuyển chỗ ở và chung sống, kết hôn với người dân tộc khác nên nhiều nghi lễ trong đám cưới của họ bị giản lược. Nếu chính quyền và các nhà chức trách không quan tâm thì ngay cả đám cưới của đôi trẻ người Mông, những nghi lễ cũng sẽ bị phai nhạt dần.

Cuộc sống luôn thay đổi, quá trình bùng nổ công nghệ thông tin và sự giao thoa tiếp biến văn hóa của các tộc người khiến cho sự quan tâm và nhu cầu hưởng thụ của người dân bị chia sẻ từ các loại hình âm nhạc khác ở trong và ngoài nước nên rất ít các dân tộc thiểu số còn lưu giữ được các làn điệu dân ca, nhạc cụ và các điệu múa độc đáo, mang bản sắc riêng của dân tộc mình. Thiết nghĩ, tục hát dân ca trong đám cưới của người Mông là một nét văn hóa độc đáo cần được quan tâm bảo tồn và phát huy.

Ca sĩ Quế Thương và những khát khao vươn ra "biển lớn"

ĐÀO THÚY HOA

"HÃY ĐẾN ĐÂY THẬT NHIỀU, THẬT NHIỀU NGƯỜI NỮA. HÃY Ở LẠI, RÁNG CHỜ THÊM TÍ NỮA, MÌNH SẼ HÁT CHO MỌI NGƯỜI NGHE "HỒN SÔNG". CA KHÚC ĐÁNG YÊU, YÊU LẮM. TÔI YÊU CA KHÚC NÀY LẮM!". TÔI THẤU CẢM ĐƯỢC NHỮNG KHÁT KHAO ẤY CỦA QUẾ THƯƠNG, CÔ CA SĨ XỨ NGHỆ MÀ TÔI BIẾT VÀ LUÔN DÕI THEO TỪNG BƯỚC TRƯỞNG THÀNH, TỪ KHI MỚI CHỈ LÀ CÔ THÔN NỮ BƯỚC VÀO NGÔI TRƯỜNG TRUNG CẤP VHNT NGHỆ AN. MỖI BÀI HÁT CÔ THỂ HIỆN LÚC MỚI VÀO NGHỀ CHO ĐẾN HÔM NAY, KHI ĐÃ LÀ MỘT CA SĨ THÀNH DANH, KHÔNG CHỈ Ở NGHỆ AN MÀ TRÊN SÂN KHẤU TOÀN QUỐC, VẪN LUÔN ĐONG ĐẦY TRONG ẤY MỘT TÌNH YÊU NGHỀ VÔ BỜ.

Không ngừng nỗ lực để vươn ra "biển lớn"

Năm 2021 và 2022, có thể nói là năm Quế Thương gặt hái nhiều thành công xuất sắc, đó cũng là thành quả của sự nỗ lực không ngưng nghỉ. Cô đã giành được hai huy chương tại các cuộc thi toàn quốc và khu vực với hai ca khúc của nhạc sĩ Xuân Thủy: HCV với ca khúc *"Hồn sông"* (Liên hoan Ca Múa Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc năm 2021), HCB với ca khúc *"Hát đợi anh về"* (Liên hoan Âm nhạc ASEAN 2022. Liên hoan này không có HCV dành cho ca khúc). Năm 2022, cũng là lần thứ hai cô được Bộ VH,TT&DL vinh danh "Nghệ sĩ tiêu biểu của năm trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn" (lần đầu là vào năm 2018).

Với Quế Thương, được hát cho khán giả nghe là một vinh hạnh của người nghệ sĩ. Trong những cuộc trò chuyện với tôi, không màu mè, đánh bóng, cô bộc bạch một cách

Với một nghệ sĩ thiếu khát vọng, thiếu sự vươn lên thì chắc hẳn khi đã có được những ghi nhận là ca sĩ có tên tuổi ở Nghệ An và là ca sĩ trụ cột của Đoàn Ca Múa Nhạc Nghệ An, Quế Thương đã dừng lại và hài lòng với những gì đã có. Thế nhưng vì vẫn khao khát vươn lên, vẫn muốn tự khám phá bản thân và được thử sức nhiều hơn trên những sân khấu lớn ở mọi miền đất nước, cô đã quyết định ra Thủ đô học lên đại học khoa Thanh nhạc, Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam. Lúc đó, cô phải vượt qua muôn vàn khó khăn: Hai con còn nhỏ, chồng làm ở doanh nghiệp, đi từ sáng tới tối muộn mới về, đi học xa nhà, đồng thời phải thực hiện các chương trình của Đoàn Ca Múa Nhạc Nghệ An rồi còn phải tranh thủ "đi show" để

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
BAN TỔ CHỨC CUỘC VẬN ĐỘNG SÁNG TÁC
CA KHÚC VÀ KỊCH BẢN SÂN KHẤU VỀ AN TOÀN GIAO THÔNG NĂM 2021

CHỨNG NHẬN

Tác phẩm: Bài học đèn giao thông
Tác giả: Quế Thị Thương
Đơn vị: Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An

ĐẠT GIẢI NHÌ
CA KHÚC

Nghệ An, ngày 14 tháng 12 năm 2021
TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN

Quyết định số: 4849/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 12 năm 2021

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Bùi Đình Long

chân tình về tình yêu, trách nhiệm của người nghệ sĩ. Suốt một đời ca hát, cô đã phấn đấu học tập không mệt mỏi, luyện thanh, bồi dưỡng cảm xúc, rèn mình để trọn vẹn với niềm vinh hạnh ấy.

có chi phí trang trải cho cuộc sống, học hành. Kết quả, năm 2017, cô đã "ẵm" được tấm bằng tốt nghiệp loại giỏi. Những thành quả nổi bật liên tiếp sau đó đã chứng minh, quyết định học lên của cô là đúng đắn và cần thiết. Nó là hành trang vô giá chắp cánh cho mơ ước của cô bay lên, bay xa. Chính kiến thức của 4 năm học tập bài bản đã giúp cô vượt lên, tự tin vươn ra "biển lớn" và tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới trong nghiệp ca hát. Để bắt kịp xu thế thời đại, năm 2018-2020, Quế Thương học tiếp văn bằng hai Ngôn ngữ Anh để có nhiều hơn cơ hội giao lưu, học hỏi bạn bè quốc tế.

Dường như càng bơi ra "biển lớn" Quế Thương càng phấn khích và tự tin khẳng định mình. Dù biểu diễn ở sân khấu nào, hát cho bà con miền núi nghe hay hát trên các sân khấu lớn của mọi miền đất nước, cô đều nhập tâm vào từng lời ca. Từ trên đỉnh núi Hồng, cô như thả hồn vào sông nước dòng Lam để thấu *"Hồn sông"* ngay trên sân khấu Hội diễn Ca Múa Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc đợt II năm 2021 tại Đắk Lắk**.** Cô như thấy kia, những con người xứ Nghệ, thấy bố mẹ, thấy tuổi thơ gian khó của mình trong từng lời hát. *Hồn sông*, ấy là người, là đất xứ Nghệ trập trùng gian khổ, nhưng cũng thật can trường, dũng mãnh để vươn tới hạnh phúc.... Cô nhập tâm đến mức hát như ma mị, như rút ruột người nghe. Phần I, lời ca dìu dặt, ngọt lắng âm hưởng ca trù không làm khó Quế Thương. Và phần II, đấy là phần mà vẻ đẹp trong giọng hát của cô có cơ hội phô bày đầy đủ nhất. Trong những ca khúc dân gian đương đại nhạc sĩ Xuân Thủy sáng tác mà các ca sĩ chuyên nghiệp thường chọn để tham gia biểu diễn trên sân khấu lớn, bao giờ ông cũng kết hợp âm nhạc dân gian và âm nhạc thính phòng, trong đó đòi hỏi những kỹ thuật phức tạp. *"Hồn sông"* là một trong những ca khúc rất khó, ít ca sĩ hát tốt nếu không có đủ bề dày về cảm xúc, về kinh nghiệm sống - hát và cả về kĩ thuật thanh nhạc. Khi viết ca khúc này, ông đã nghĩ tới Quế Thương. Và cô đã thể hiện xuất sắc. Đang từ cảm xúc sâu lắng, dìu dặt, cô như bừng tỉnh, thăng hoa mãnh liệt ở phần nhạc thính phòng, ngỡ như dòng Lam giang đột ngột va phải tảng đá, bật tung lên để con nước vượt qua thác ghềnh lại về với dòng chảy nhẹ êm. Và lại từ những cung bậc cao vút cô nhẹ nhàng bắt sang cung trầm nhẹ như một tiếng thở. Người nghe như tan chảy, như đắm đuối cùng cô trong từng câu hát, từng giai điệu. Sự may mắn hay sự nhập tâm quá sâu đã giúp cô có một bản lĩnh sân khấu tuyệt vời để vượt qua khá nhiều sự cố bất ngờ khi biểu diễn. Đêm Liên hoan Ca Múa Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc tại Đắk Lắk lần đó, cô đã gặp phải một sự cố có thể phá hỏng tiết mục. Đang thả mình "trôi" trong *"Hồn sông"*, bỗng một tiếng nổ lớn như tiếng sét, cả hội trường thảng thốt không hiểu máy móc bị gì. Quế Thương vẫn dường như không nghe thấy, cô cứ thả mình trôi theo bài hát để đi tới tận cùng dòng sông mà "ôm" về HCV danh giá. Nghệ sĩ Nhân dân Thu Hiền - thành viên Ban Giám khảo đã cho cô điểm tuyệt đối, chỉ vì, đã lâu lắm rồi mới có một người hát làm Thu Hiền khóc "Nó hát như rút ruột rút gan như thế làm sao không cho điểm 10 được". Và NSND Phạm Tiến Dũng (thủ trưởng cũ của cô) thì gật gù: Em "say" quá, thực sự bản lĩnh!

Ca sĩ Quế Thương trên sân khấu biểu diễn ở CHLB Đức

Giữ gìn hình ảnh người nghệ sĩ

Quế Thương là người rất trách nhiệm, chu toàn trong mọi công việc. Mỗi một việc dù nhỏ hay lớn, là việc của gia đình hay việc của đoàn, công việc chuyên môn của cá nhân, v.v... Thương đều làm hết mình. Mỗi lần nghe cô hát, xem cô biểu diễn tôi cảm được một sự lao động nghiêm túc của cô, đó là sự lao động bằng "cái đầu" và cả tình yêu, sự đam mê. Cô không dễ dãi với chính mình, càng không dễ dãi với mỗi một ca khúc mình thể hiện. Bởi ở đó không chỉ mình cô mà là sự lao động của rất nhiều người.

Nhận một tiết mục, điều đầu tiên bao giờ Quế Thương cũng nghiên cứu thật kỹ bài hát. Bài hát nói tới cái gì, cần chuyển đi thông điệp gì, người ca sĩ phải thật thấu rõ mới cùng nhạc sĩ chuyển tải nó hiệu quả nhất tới công chúng. Một bài hát chỉ 8 câu thôi, phổ nhạc từ bài thơ của Hồ Xuân Hương *"Thương ôi phận gái"* là cái nhìn chua chát, là tiếng kêu của bà chúa thơ Nôm về thân phận tủi hờn của người đàn bà trong xã hội phong kiến. Chỉ đọc bài hát chưa đủ, để cảm nhận hết nỗi niềm của Hồ Xuân Hương, của nhạc sĩ Trọng Đài, Quế Thương phải tìm đọc những bài viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương, những bài bình về bài thơ *"Thương ôi phận gái".* Sự tìm tòi để hiểu sâu, hiểu kĩ bài hát cùng với giọng ca trời phú vừa ngọt lắng chất dân ca vừa vang, cao chất thính phòng, kết hợp một nguồn cảm xúc dồi dào và đặc biệt một khả năng xử lý kĩ thuật thanh nhạc rất tốt đã giúp cô tự tin lựa chọn ca khúc này để đứng trên sân khấu ca nhạc chuyên nghiệp toàn quốc năm 2018. Cô đã đĩnh đạc ẵm về HCV thứ 3 trong đời ca hát trước sự ngỡ ngàng của nhạc sĩ Trọng Đài (HCV đầu tiên là vào năm 2004, khi cô đang là sinh viên Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Nghệ An tại Hội thi Ca Múa Nhạc và Triển lãm Mĩ thuật các trường Văn hóa nghệ thuật toàn quốc. HCV thứ 2 là vào năm 2015 với ca khúc *Lời ru nguồn cội* của nhạc sĩ Xuân Thủy tại Liên hoan Ca Múa Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc 2015). Khi Quế Thương xin phép ông được thể hiện ca khúc này, ông rất lo lắng, bởi trước đó một vài nghệ sĩ thành danh đã thể hiện khá thành công và giành được HCB. Ca sĩ tỉnh lẻ Quế Thương liệu có vượt qua được rào cản này. Tuy vậy, ông vẫn cho phép Quế Thương được "tự do" ở phần hai - phần thiên về nhạc thính phòng, là mảnh đất cho sự sáng tạo của mỗi ca sĩ. Chính đoạn này đã giúp Quế Thương "bứt phá" ghi điểm, vượt qua các ca sĩ đàn chị đã hát trước. Một nguồn cảm xúc và sự biểu cảm mãnh liệt, cộng hưởng cùng nguồn lực nội sinh mạnh mẽ của chất giọng thính phòng, Quế Thương chuyển tải hầu như đủ đầy tiếng kêu thương, sự phản kháng của người đàn bà dưới tầng tầng phận tủi. Cô đã nhận được những tràng vỗ tay tán thưởng của người xem, lời ngợi khen hài lòng từ tác

giả và cả những lời trầm trồ thán phục của các đồng nghiệp có mặt trong hội diễn. Cũng nhờ sự sáng tạo và lợi thế của chất giọng thính phòng vang, khỏe kết hợp kỹ thuật thanh nhạc rất tốt đã giúp Quế Thương vượt qua các ca sĩ đàn chị từng đạt HCB để giành được HCV với ca khúc *Lời ru nguồn cội* (nhạc sĩ Xuân Thủy) trong Hội diễn Ca Múa Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc năm 2015.

Khi đã có độ dày về vốn sống, kinh nghiệm ca hát, cô lại đặt mình vào những thử thách mới để tiếp tục khám phá và rèn luyện mình: đó là thử sức trên lĩnh vực sáng tác. Những năm gần đây, một số ca khúc về quê hương, về tuổi thơ, phòng chống dịch covid-19 như: *Về với quê em, Chiều Cửa Lò, Mùa xuân gọi bạn*,... hé mở một khả năng mới ở cô. Đặc biệt, ca khúc dành cho tuổi thiếu nhi *"Bài học đèn giao thông"* của cô đã đạt giải Nhì cuộc vận động Sáng tác ca khúc và kịch bản sân khấu về An toàn giao thông năm 2021. Ngoài ra, cô cũng là MC của đoàn trong các chương trình biểu diễn, các cuộc thi.

Sự nỗ lực để hoàn thiện mình, để vun đắp sự nghiệp ca hát, với Quế Thương đến thời điểm này, có thể nói đã giúp cô đạt đến "độ chín". Nhạc sĩ Xuân Thủy đã cho rằng "Một tỉnh lẻ như Nghệ An, thiếu rất nhiều điệu kiện để các giọng ca phát triển, nhưng Quế Thương đã luôn luôn học hỏi để có một sự học bài bản, có ý chí, nghị lực và khao khát vượt lên. Cô ấy đã làm được và trở thành một giọng ca hiếm có của tỉnh nhà. Điều đó thật quý. Giờ đây, Quế Thương đã hội đủ những yếu tố của một ca sĩ thành danh: thanh, sắc, cảm xúc, kinh nghiệm, đặc biệt là kĩ thuật thanh nhạc. Cô ấy đang ở độ chín. Nghệ An cần quan tâm để những ca sĩ như Quế Thương tiếp tục phát triển và có nhiều đóng góp xuất sắc hơn cho nền âm nhạc tỉnh nhà". Với cô, giờ đây các bản nhạc khó của các nhạc sĩ tên tuổi không còn là thách thức quá lớn, nhưng sự làm việc nghiêm túc và cầu thị luôn đòi hỏi cô không thôi tìm tòi, nghiên cứu để cùng tác giả tiếp tục sáng tạo, cho mỗi tác phẩm khi đến công chúng đều được hoàn thiện và mới mẻ nhất. Đây cũng là điểm mà các nhạc sĩ khá hài lòng khi cô xin sử dụng ca khúc của họ.

Giữa những xô bồ của cuộc sống, tôi thấy quý và trọng Quế Thương, bởi từ khi bước vào nghề cho đến nay, cô là một trong những ca sĩ thành danh của Nghệ An rất lưu tâm gìn giữ hình ảnh người nghệ sĩ chân chính. Ở cô có sự vẹn tròn của một người phụ nữ trong gia đình, và một người nghệ sĩ của công chúng. Để có được tình yêu bền chặt của người chồng và hai đứa con ngoan, là phụ nữ tôi hiểu cô đã phải cố gắng nhiều mới có được sự chỉn chu cho những bữa ăn ngon cô có thể nấu cùng cả nhà thưởng thức, hay lo đủ thực phẩm cho bố con trước mỗi chuyến đi biểu diễn dài ngày; dọn dẹp chỉnh trang cho mỗi căn phòng của vợ chồng, con cái được đẹp đẽ, đồ đạc được thơm tho. Để thêm thu nhập bằng chính sức lao động nghệ thuật chân chính của mình, cô tận dụng mọi thời gian nhưng cũng lựa chọn các show diễn ngoài sao cho phù hợp. Dường như, gìn giữ hình ảnh người nghệ sĩ đã là một nhiệm vụ mà cô và các đồng nghiệp đã tự nhận lấy và chỉn chu, nghiêm túc thực hiện, để không xảy ra điều tiếng gì. Là ca sĩ đang rất "nổi" nhưng Quế Thương không câu nệ hay sang chảnh. Công chúng yêu cầu là cô hát, dù hát "vo". Vậy nên tôi mới gặp cảnh cô hát trong bệnh viện khi chăm mẹ ốm, chỉ vì mọi người trong khoa muốn nghe ca sĩ Quế Thương hát. Có thể giúp ai được việc gì là cô sẵn sàng. Thương cảm một người bị tai nạn giao thông rất nặng, bằng ảnh hưởng cá nhân cô đã kêu gọi bạn bè đóng góp giúp đỡ. Hay chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với các đồng nghiệp khi họ có nhu cầu. Qua những câu chuyện cô kể, tôi cảm nhận rất rõ sự chỉn chu của cô về trách nhiệm của người nghệ sĩ. Đúng như nhận xét của NSND Hồng Lựu (Giám đốc Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An) về nhân viên của mình: "Bạn ấy là một trong những ca sĩ trụ cột của Đội ca, của Trung tâm Nghệ thuật truyền thống; là người có bản lĩnh, có nhận thức sâu sắc về vai trò của người nghệ sĩ; luôn luôn ý thức và hành động vì việc xây dựng hình ảnh đẹp về người nghệ sĩ chân chính. Điều đó rất đáng quý trong bối cảnh hiện nay."

40 tuổi đời, đã có 4 HCV, 1 HCB trong các cuộc thi cấp quốc gia, khu vực, 2 lần được vinh danh "Nghệ sĩ tiêu biểu của năm trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật". Đó là những kết quả lớn đo đếm được. Nhưng tình yêu mà khán giả dành cho cô, người nghệ sĩ mới thật lớn vô cùng. Nhiều lần cô cùng đoàn đến với bà con các huyện miền núi tỉnh nhà, những người bà, người mẹ mới đầu hôm đã lo cầm ghế đến khu vực trung tâm háo hức chờ đón xem đoàn biểu diễn, và buổi diễn nào cũng kéo dài thêm đến 5-6 tiết mục theo yêu cầu của bà con, đó mới thật là niềm hạnh phúc lớn nhất của cô và đồng nghiệp. Cô vẫn đang và sẽ mãi "say sưa" hát cùng bà con để làm đầy thêm tình yêu nghề, yêu ca hát mà cô mơ ước từ thuở ấu thơ và đeo đuổi một đời!

Khởi sắc nơi bản sơn cước Huồi Sơn

MAY HUYỀN

TRƯỚC ĐÂY, KHI NHẮC ĐẾN BẢN BIÊN GIỚI HUỒI SƠN, XÃ BIÊN GIỚI TAM HỢP CỦA HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG, NHIỀU NGƯỜI THƯỜNG NGHĨ ĐẾN VÙNG ĐẤT MÀ Ở ĐÓ, CUỘC SỐNG CỦA BÀ CON LÀ CHUỖI KHÓ KHĂN VỚI CÁC PHONG TỤC, TẬP QUÁN LẠC HẬU. TUY NHIÊN, NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY, ĐƯỢC SỰ QUAN TÂM CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN VỚI NHIỀU CHÍNH SÁCH DÀNH CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ, ĐỒNG BÀO MÔNG NƠI ĐÂY ĐÃ CÓ NHIỀU ĐỔI MỚI CẢ VỀ TƯ DUY, NHẬN THỨC VÀ Ý CHÍ, NGHỊ LỰC VƯƠN LÊN ĐỂ XÂY DỰNG MỘT CUỘC SỐNG MỚI.

Theo chân Phó Bí thư Thường trực, Trưởng khối Dân vận xã Tam Hợp - Xồng Bá Nỏ, chúng tôi vừa có chuyến ngược rừng đến bản vùng cao Huồi Sơn. Từ trung tâm xã vào đến bản khi mặt trời đã đứng bóng, sắc xuân nơi đây vẫn còn. Những tiếng nói cười, không khí nhộn nhịp của bà con trên khắp các nương nghệ, gừng, bo bo, rẫy sắn cho thấy bà con đang nỗ lực hết mình khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương để lựa chọn hướng phát triển kinh tế phù hợp, vươn lên xóa đói, giảm nghèo bền vững. Giữa bạt ngàn nương nghệ, già Xồng Nhia Mại - một trong những hộ tiên phong những ngày đầu bản mới lập nghiệp, kể cho chúng tôi nghe câu chuyện cũ: *"Hồi mới ở bản cũ Huồi Xến xuống lập nghiệp ở bản mới Huồi Sơn, khó khăn lắm. Sắn, khoai sọ, ngô, dứa trồng được chỉ biết chất đầy kho; trâu, bò ăn cũng không hết; mối, mọt lại phải vứt đi; vật nuôi cũng khó khăn lắm mới đưa xuống xã bán được. Vì thế người dân thường kéo nhau di cư, nay đây mai đó và cả vượt biên trái phép sang Lào"*. Qua câu chuyện của già Mại, chúng tôi còn được biết, năm 2006, xã Tam Hợp có chủ trương khai hoang ruộng nước, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự giúp sức của Đồn Biên Phòng và sự tiên phong gương mẫu của một số già làng, người có uy tín trong bản, nhiều khoảnh đất hoang dọc theo con Khe Xến được khai hoang làm ruộng nước. Ngày đó, do chưa quen với cách canh tác mới, vụ đầu tiên, hơn 3 ha ruộng nước

Trẻ em Huồi Sơn đến tuổi đều được đến trường. Ảnh: May Huyền

không cho hạt. Cũng dễ hiểu, bởi đã bao đời đồng bào Mông chỉ quen với nương rẫy, mưa thuận thì đủ ăn, gió không hòa thì ngô cũng trơ cây, sắn mất củ. Những người như già Nhia Mại, lại tiên phong, đi đầu, quyết không quản khó, họ nghe và mạnh dạn bàn bạc, học hỏi cách để cho cây lúa trên nương trổ bông, cho hạt trên nuộng nước, cây ngô trên rẫy cao cho nhiều bắp, gà gáy trong chuồng, cá quẫy trong ao. Khi nhìn thấy cuộc sống nơi bản mới "le lói sáng", bà con lại thấy già Nhia Mại cùng với cán bộ huyện, xã, bộ đội, thanh niên xung phong của Tổng đội ngược bản đến từng nhà, gặp từng người để vận động bà con cùng xuống núi và nhận đất làm ruộng, giúp từng hộ tiếp cận cách sản xuất mới. "*Ngày đó, già và cán bộ, bộ đội biên phòng lên lên, xuống xuống trên bản, nói toàn cái hay, cái đẹp, rủ bà con xuống núi ăn, ngủ ở nhà già và xem già làm ruộng, xem già nuôi con bò, con lợn, mãi thì bà con mới nghe và cùng xuống bản mới. Rất may là năm đó toàn bộ diện tích ruộng nước bà con cùng khai hoang đã cho thu hoạch đầy kho, nuôi con trâu, con bò cũng bán ra tiền, con cái được đi học, bà con phấn khởi và biết thi đua xây dựng, thi đua làm giàu*" - già Nhia Mại cho biết thêm.

Tiếp câu chuyện của già Nhia Mại, anh Vừ Bá Mà - Phó bản Huồi Sơn kể: "*Năm 2014, Tổng Đội Thanh niên xung phong 9 về đóng quân, họ bày cho dân bản ta không chỉ trồng lúa nước mà còn đưa giống nghệ đỏ về cho trồng và thu mua, bày cho dân khoanh vùng, chăm sóc cây bo bo, trồng thêm gừng, sắn, khoai sọ, làm vườn rau để cải thiện bữa ăn và phát triển chăn nuôi. Ban đầu dân không hiểu và thấy khó áp dụng khoa học, chỉ có vài hộ làm theo, nhưng sau so sánh thấy hộ nào làm theo cán bộ thì hiệu quả cao hơn. Được cán bộ hướng dẫn cách kết hợp giữa truyền thống và áp dụng khoa học vào sản xuất, chăn nuôi, bà con thấy hợp lý và ai cũng làm theo. Nghệ nhiều củ, lúa nhiều hạt, ngô cũng bắp đầy, trung bình mỗi hộ còn nuôi được 2-3 con bò*".

Khi cái bụng đã dần ấm no, người dân mới tính đến chuyện làm giàu. Xác định để phát triển kinh tế thì phải thông đường, mở thêm đường, tu sửa những đoạn khó đi. Cả bản khi đó mới chỉ hơn 30 hộ, việc huy động sức dân hoàn thiện gần 2km, nối từ trục đường chính vào bản gặp rất nhiều khó khăn. Đến năm 2014, khi Tổng đội TNXP 9 xác định đóng quân lâu dài trên địa bàn, con đường bê tông cũng được đầu tư. Niềm vui như được nhân đôi khi Tổng đội mở thêm xưởng chế biến tinh bột nghệ, đưa cây giống mới nghệ đỏ về, mở ra hướng phát triển mới cho bà con Huồi Sơn. Ông Lê Hồng Thái - Bí thư Đảng ủy xã Tam Hợp cho biết: "*Để dân hiểu và cùng làm, cấp ủy chính quyền, đoàn thể đã cùng Tổng đội TNXP 9 phải rất nhiều lần xuống cùng sinh hoạt, cùng bàn và giúp dân chuyển đổi cây trồng, vật nuôi theo hướng hàng hóa. Giờ thì gần 12 ha nghệ đỏ, hơn 5 ha bo bo cùng rau màu các loại, vật nuôi đã được Tổng đội bao tiêu, bà con phấn khởi và hăng hái làm. Từ cây nghệ đỏ, năng suất đạt 6-7 tấn mỗi vụ, với giá 5 nghìn đồng/kg, cho thu nhập 30-40 triệu đồng/hộ. Năm 2022, bo bo được giá với 50 nghìn đồng/1kg khô, bình quân mỗi hộ thu về 15-20 triệu/năm. Từ đó mở ra hướng đi mới cho bản Huồi Sơn*".

Từ 30 hộ những ngày đầu về bản mới thì nay Huồi Sơn đã có 75 hộ, với hơn 300 khẩu cùng đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế và xây dựng gia đình hạnh phúc, ấm no. Tình trạng di cư tự do đã không còn, con cháu được học hành theo đúng độ tuổi và có đến 90% số hộ có phương tiện đi lại, nghe nhìn. Đặc biệt, từ năm 2011 đến nay, bản luôn giữ vững danh hiệu bản Văn hóa. Dẫu rằng, cuộc sống của bà con Huồi Sơn vẫn còn đó những khó khăn, nhưng con đường về với bản đã không còn cheo leo dốc, đá như trước đây, mà thay vào đó là con đường bê tông kiên cố dẫn đến tận những hiên nhà. Về bản, chúng ta dễ dàng bắt gặp hình ảnh bà con sau một ngày trên nương rẫy trở về nhà với gương mặt rạng rỡ, tiếng nô đùa của những đứa trẻ sau giờ tan học cũng lanh lảnh hơn khi được hòa cùng tiếng máy sản xuất tinh bột nghệ của Tổng đội TNXP 9. Nhịp sống mới đang hiện hữu nơi đây và nay, khi nhắc đến Huồi Sơn, mọi người không còn nghĩ đó là một bản xa với bao khó khăn ở nơi miền sơn cước.

VĂN HÓA:

*** Lễ hội Làng Sen năm 2023** đã khai mạc vào tối 12/5 tại Quảng trường Hồ Chí Minh, TP. Vinh. Lễ hội Làng Sen năm nay được tổ chức từ ngày 10-19/5 với nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao: Lễ diễu hành từ Quảng trường Hồ Chí Minh về quê bác; dâng hoa trước Tượng đài Bác Hồ; dâng hoa, dâng hương tại Khu Di tích Kim Liên và đền Chung Sơn; Các chương trình nghệ thuật "Người mẹ Làng Sen", "Từ Làng Sen đến thành phố mang tên Hồ Chí Minh"; Liên hoan tiếng hát Làng Sen; Biểu diễn dân ca Ví, Giặm và giao lưu nghệ thuật; Triển lãm các chuyên đề về Bác Hồ: Những tấm gương bình dị mà cao quý, Hồ Chí Minh - Chân dung một con người; Lễ hội đường phố "Quê hương mùa sen nở"; Cuộc thi Bác Hồ trong trái tim thanh thiếu nhi Nghệ An; Cuộc thi ẩm thực chế biến món ăn từ sen; Festival Khinh khi cầu Fly Up Vietnam - Cửa Lò 2023; Thi đấu bóng chuyền, võ cổ truyền; Hội trại và các trò chơi dân gian gắn với tuổi thơ của Bác Hồ.

*** Hội thảo Khoa học "Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ - Định hướng phát huy giá trị di sản văn hóa Hồ Chí Minh"** do Sở Văn hóa và Thể thao Nghệ An phối hợp với Bảo tàng Hồ Chí Minh tổ chức tại TP. Vinh vào sáng 11/5. Hội thảo đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu, nhà quản lý từ các viện, trường học, các sở, ban, ngành, đơn vị tham gia. Có 36 bản tham luận có chất lượng của các quý vị đại biểu, các nhà nghiên cứu gửi đến hội thảo, tập trung làm rõ các nội dung: Di sản văn hóa Hồ Chí Minh - những giá trị trường tồn cùng dân tộc và thời đại; Quá trình hình thành, vai trò và thực trạng 20 năm phát huy giá trị công trình Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ; Định hướng, giải pháp phát huy giá trị công trình Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ với việc lan tỏa di sản văn hóa Hồ Chí Minh. Hội thảo đã được nghe 11 ý kiến phát biểu tâm huyết, thể hiện những mối quan tâm, trăn trở của các nhà nghiên cứu khoa học, nhà quản lý ở trong và ngoài tỉnh đối với những giá trị di sản văn hóa Hồ Chí Minh và đặc biệt là việc phát huy giá trị công trình Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ như thế nào để nơi đây trở thành một điểm nhấn của thành phố Vinh nói riêng, tỉnh Nghệ An nói chung.

Cũng trong sáng 11/5, tại Quảng trường Hồ Chí Minh (TP. Vinh), Sở VH&TT Nghệ An phối hợp với Bảo tàng Hồ Chí Minh tổ chức **khai mạc triển lãm "Hồ Chí Minh - chân dung một con người"**. Với hơn 200 bức ảnh và tư liệu, triển lãm đã phác họa chân dung, cuộc đời, sự nghiệp và nhân cách của Hồ Chí Minh, góp phần giúp công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ hiểu sâu sắc hơn hình ảnh về một vị lãnh tụ vĩ đại, tận tụy quên mình, kiên trì bất khuất vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc nhưng giàu lòng bác ái, thanh bạch, dung dị trong cuộc sống đời thường.

Trước đó, vào chiều 10/5, tại Khu Di tích quốc gia đặc biệt Kim Liên (Nam Đàn), Ban quản lý Khu Di tích Kim Liên phối hợp với Bảo tàng Hồ Chi Minh và các họa sĩ, doanh nhân tại Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh tổ chức **khai mạc triển lãm "Những tấm gương bình dị mà cao quý"**, giới thiệu các tác phẩm tranh về Chủ tịch Hồ Chí Minh với gần 200 bức ảnh, tài liệu liên quan đến việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh".

*** Hội nghị "Về giải pháp phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An"** do UBND tỉnh Nghệ An tổ chức vào sáng 24/4, tại xã Nam Anh, huyện Nam Đàn.

Tại hội nghị, sau khi nghe báo cáo về thực trạng thiết chế, văn hóa, thể thao cơ sở (TCVHTTCS), các đại biểu đã có những ý kiến trao đổi, phân tích làm rõ những nguyên nhân dẫn đến những khó khăn, hạn chế của TCVHTTCS và đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả TCVHTTCS. Trong đó, nhấn mạnh vào một số giải pháp trọng tâm, cốt lõi: Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động VH, TDTT ở cơ sở gắn với mở rộng dịch vụ, cho thuê tài sản công; Ban hành chính sách bố trí cộng tác viên văn hóa, thể thao, gia đình ở thôn, bản, khối, xóm; sắp xếp, bố trí số lượng công chức VHXH cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Nhân rộng mô hình văn hóa tiêu biểu các cấp về xây dựng và phát huy hiệu quả TCVHTTCS phù hợp quy định.

*** Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam tỉnh Nghệ An năm 2023 được tổ chức tại huyện Quỳ Hợp** vào ngày 19/4 gắn với **kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập huyện Quỳ Hợp**. Nhiều hoạt động văn hóa thể thao được tổ chức chào mừng các sự kiện này, như: Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số miền núi (từ ngày 15 - 18/4, gồm các môn thi đấu: Bóng chuyền, đẩy gậy, bắn nỏ, tung còn, kéo co) thu hút sự tham gia của 11 đoàn vận động viên đến từ 11 huyện, thị miền núi trong tỉnh; chương trình nghệ thuật *"Lung linh sắc màu miền Tây"* thu hút trên 200 nghệ sĩ, diễn viên đến từ Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh; nghệ nhân các CLB, đội văn nghệ bảo tồn văn hóa truyền thống các xã của huyện Quỳ Hợp; học sinh các trường: Dân tộc nội trú, THPT huyện Quỳ Hợp tham gia biểu diễn.

* **Lễ phát động hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam 21/4, Cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc tỉnh Nghệ An lần thứ V, năm 2023** đã được Sở VH&TT phối hợp với UBND huyện Diễn Châu tổ chức vào ngày 14/4 tại Trường Tiểu học Diễn Lâm 1, huyện Diễn Châu. Năm nay, Ngày Sách và Văn hóa đọc